

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Vai trò của
niềm tin

Tr. 24

Cửa vào
bại vọng

Tr. 18


Ngaán traêng
Lâêng-giaø

Tr. 8





ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

- An toàn sức khỏe
- Độ bền cao
- Giữ và chịu nhiệt tốt



ỐNG NHỰA HOA SEN
Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

CAM KẾT BÁN

- ĐÚNG GIÁ
- ĐÚNG TIÊU CHUẨN
- ĐÚNG CHẤT LƯỢNG
- ĐƯỢC BẢO HÀNH

TỔNG ĐÀI TƯ VẤN KHÁCH HÀNG
www.hoasengroup.vn

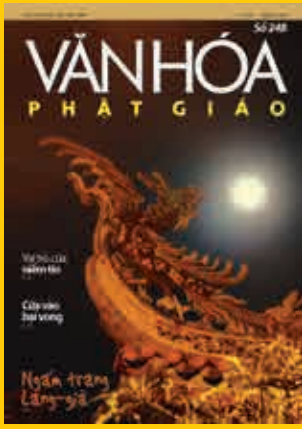
 **1800 1515**
Miễn phí cuộc gọi

A GLOBAL GROWTH
COMPANY OF THE WORLD
ECONOMIC FORUM

 **EUROMONEY**
ASIA BEST MANUFACTURING
2014

 Vietnam Value

TẬP ĐOÀN HOA SEN LÀ CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG TOÀN CẦU CỦA DIỄN ĐÀN KINH TẾ THẾ GIỚI 2015



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, ĐD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:
Tập chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản:
1131297 Ngân hàng VP Bank,
Chi nhánh TP.HCM
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP.BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Phục hồi nguyên khí quốc gia (Nguyên Cẩn)	4
Ngắm trăng Lăng-già (Thích Nguyên Tạng)	8
Phan Đình Phùng và giai thoại lịch sử (Tôn Thất Thọ)	12
Nghệ thuật sử dụng điển cố trong Thơ mới (Công Trí - Huyền Trân)	15
Cửa vào bại vong (Nguyên Tâm)	18
Thường Bất Khinh (Nguyễn Thế Đăng)	22
Vai trò của niềm tin (Thích Không Tú)	24
Đại nguyện về Hòa bình Thế giới (Geshe Acharya Thubten Lodon; Tường Như dịch)	26
Thương yêu từng bạn tép bé xíu (Nguyễn Mạnh Hùng)	28
Dọn dẹp ngôi nhà tâm thức (Nyanaponika Thera; Phạm Chánh Cẩn dịch)	30
Làm thế nào xác định khả năng của một người thầy (Dalai Lama XIV; Hoang Phong dịch)	33
Bảo vệ Tổ quốc trên thế trận Biển Đông (Nguyễn Văn Toàn)	36
Phát triển đô thị nhìn từ vỉa hè (Lê Hải Đăng)	40
Thuốc trừ sâu và phân đạm đi về đâu? (Cao Huy Hóa)	42
Nhìn không bằng lời (Vĩnh Thông)	44
Ký ức Bình Định - Quy Nhơn đẹp và thơ (Huỳnh Kim Bửu)	46
Lời nói đầu sách Đại Hiếu Mục-kiền-liên (Thích Trung Hậu)	48
Tiệc tùng, ăn nhậu thời nay (Nguyễn Dũng)	49
Nơi ấy nhà của tôi (Nguyễn Hoàng Nhân)	50
Thơ (TK.Vy Tiểu, Tịnh Bình, Nguyễn Thánh Ngã, Mạc Vi, Trần Thị Thùy Linh, Ngô Văn Cư)	52
Bắt giữ tù binh (Trương Văn Dân)	54
Thú vị với tuyến xe lửa Sài Gòn - Dĩ An (Đặng Trung Thành)	57

Bìa 1: Trăng của chùa. Ảnh: Ngô Văn Thông

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, trong hai ngày 23 và 24-4-2016, Hòa thượng Thích Gia Quang, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng ban Thông tin - Truyền thông Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã mở một khóa bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin - truyền thông Phật giáo toàn quốc năm 2016, với đối tượng tham dự là đại diện các Ban Thông tin - Truyền thông thuộc Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh thành phía Nam, từ tỉnh Quảng Trị trở vào. Trong thời gian tiến hành khóa bồi dưỡng, các tham dự viên đã được nghe các giáo sư, học giả thuyết trình về ý nghĩa và vai trò của hoạt động thông tin truyền thông trong công cuộc hoằng pháp, về những yêu cầu phát triển hoạt động thông tin truyền thông trong Giáo hội.

Sau hai ngày làm việc, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vui mừng nhận thấy rằng suốt mười hai năm góp mặt, trong mức độ nhất định, chúng tôi đã làm đúng hầu hết những điều quan trọng liên quan đến ý nghĩa và vai trò của hoạt động truyền thông trong công cuộc hoằng pháp cũng như đã đáp ứng gần đủ những yêu cầu phát triển hoạt động thông tin truyền thông trong Giáo hội.

VHPG sẽ ngày càng tự hoàn thiện mình hơn để góp phần hơn nữa trong việc làm phong phú hoạt động thông tin truyền thông Phật giáo trong thời đại công nghệ thông tin và toàn cầu hóa ngày nay.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin nhắc lại rằng số báo phát hành vào ngày 15-5-2016 là số báo đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2560. Chúng tôi kính mong nhận được sự ủng hộ tích cực của quý vị độc giả và các cộng tác viên.

Trước thềm Phật đản, chúng tôi ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ cho thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc, đất nước phát triển bền vững. Kính chúc quý vị luôn đạt được niềm vui tự nội.

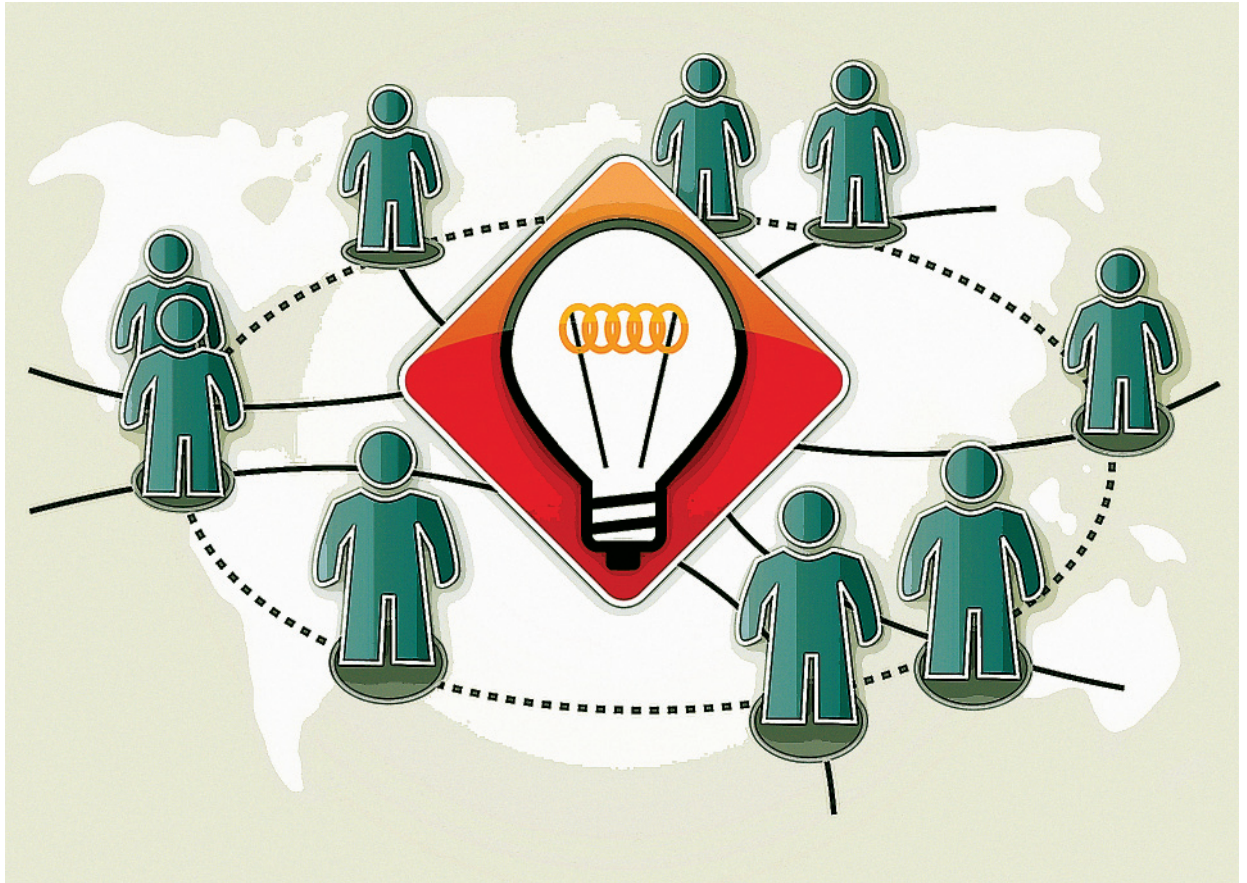
Văn Hóa Phật Giáo



**Này các Tỳ-kheo, các Thầy cần phải đoạn trừ lòng dục,
cần phải đoạn trừ lòng tham, cần phải đoạn trừ lòng
dục và tham.**

Kinh Tương Ưng Bộ - Phẩm Sơ vấn





Phục hồi nguyên khí quốc gia

NGUYỄN CÂN

Bàn về bức tranh dân trí

Sau khi những số báo trước đưa ra nhận định về thủy chuẩn văn hóa Việt hiện nay quá thấp và đề nghị cần sớm có giải pháp nâng cao dân trí, đã có những ý kiến từ các vị thân hữu cho rằng nhận định như vậy liệu có mâu thuẫn với những báo cáo “hùng hồn” và những con số thống kê “vang dội” về tỷ lệ giáo sư/sinh viên và tỷ lệ sinh viên/dân?

Cụ thể, vào tháng 9/2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình Hành động thực hiện Chiến lược Phát triển Thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Theo đó, đến năm 2020, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở trung học cơ sở là 95% và 80% thanh niên trong độ

tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông hoặc tương đương; tỷ lệ sinh viên/10.000 dân vào khoảng 256. Trước đó, vào năm 2003, cả nước mới có khoảng 768.000 sinh viên, đạt tỷ lệ 118 sinh viên/10.000 dân, chiếm tỷ lệ 4% trong độ tuổi thanh niên, tăng 25% so với năm 1998. Như vậy, từ năm 2003 đến 2013 và nhìn đến 2020, đã có một sự phát triển vượt bậc về tỷ lệ sinh viên trên số dân. Xét về tiêu chí giáo dục, Việt Nam đã phổ cập bậc tiểu học và đang tiến hành phổ cập trung học cơ sở. Tính đến năm 2014, tỷ lệ người biết chữ độ tuổi từ 15 đến 60 là 98,25%, trong đó: số người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 chiếm tỷ lệ 99,12%; số người biết chữ trong độ tuổi từ 36 đến 60 chiếm tỷ lệ 97,34%.

Việt Nam có hơn 100 nghìn thạc sĩ, hơn 24 nghìn tiến sĩ (theo một thống kê khác, nếu tính cả số tiến sĩ học ở các đại học nước ngoài có thể lên đến 35 nghìn).

Theo số liệu thống kê năm học 2013-2014, Việt Nam có 214 trường cao đẳng, 214 trường đại học, với gần 600 nghìn sinh viên cao đẳng và hơn 1,46 triệu sinh viên đại học. Số giảng viên đại học là gần 92 nghìn người, trong đó có 4.155 giáo sư, phó giáo sư. Hàng năm có hơn 400.000 người tốt nghiệp đại học, cao đẳng trong nước.

Bức tranh xem ra khá “hoành tráng”, nhưng liệu nó có phản ánh đúng và đủ trình độ dân trí; và cao hơn nữa, là thể hiện được năng lực đội ngũ trí thức hay sức mạnh hiền tài Việt Nam?

Theo một số nhà sử học và xã hội học, dân trí không chỉ là trình độ học vấn; vì yếu tố quan trọng nhất là ý thức công dân. Thế nên dân trí không chỉ giới hạn trong đội ngũ trí thức mà bao gồm tất cả các giới trong xã hội như công nhân, thợ thuyền, nông dân. Trọng tâm của vấn đề dân trí hiện nay chính là nhận thức về quyền và trách nhiệm của người dân, về tự do dân chủ, và các vấn đề xã hội.

Chúng ta hãy suy nghĩ về cách một số quan chức hay nói “Dân trí thấp thì chưa thể có dân chủ”. Vậy thì khi Aung San Suu Kyi tiến hành dân chủ hóa Myanmar, bà ấy có chờ đến lúc dân trí Myanmar - hiểu theo nghĩa trình độ học vấn - phải đạt con số nào đó không?

Dân trí thể hiện qua những hành xử văn hóa. Với những con số về trình độ nêu trên, chúng ta nghĩ gì về những hành xử văn hóa nơi công cộng hiện nay? Những hành vi mất trật tự hay mất vệ sinh bắt gặp hàng ngày trên đường phố, hình ảnh phản cảm ở lễ hội Đền Hùng cách đây mấy ngày mà trên mạng có người gọi là “Trận chiến đền Hùng” khi người ta xô đẩy nhau tàn nhẫn... và còn bao nhiêu lễ hội “chen lấn” khác! Chúng ta nghĩ gì khi Tổng cục Du lịch phải chuẩn bị cấm nang hương dẫn ứng xử khi đi nước ngoài cho du khách Việt mà theo cách chúng ta tự đánh giá, hình ảnh người mình về độ “xấu xí” chỉ sau du khách Trung Quốc mà thôi!

Chúng ta nghĩ gì khi người dân không hề có ý thức tự giác, luôn cần một thứ kỷ luật bên ngoài mà hề thiếu bóng dáng chính quyền là bắt đầu xử sự theo luật hè phố, luật rừng... Người ta luôn dựa vào sức mạnh của tiền bạc, quyền uy hay thậm chí bạo lực trong giải quyết những vấn đề trong đời sống, kể cả trong tình yêu, không tôn trọng tự do riêng tư và quyền sống của người khác.

Những hành xử văn hóa không phụ thuộc nhiều vào việc người ta có học hay không, mà phụ thuộc vào nền tảng đạo đức môi trường gia đình, xã hội, những quy tắc hành xử phổ biến trong xã hội và nhận thức của chính người đó về các giá trị công bằng, bác ái, tự do, và công lý; để rồi từ đó có nhận thức đạo đức cơ bản và hành xử luân lý tương ứng...

Như vậy đã rõ, dân trí không chỉ gồm bằng cấp khoa bằng. Hơn nữa, người có bằng cử nhân hay thậm chí tiến sĩ chưa hẳn là trí thức, lại càng không phải là hiền tài nếu như có những ứng xử và hành vi “thiếu văn hóa”. Ví dụ về những ông bác sĩ kém y đức, những nhà giáo thiếu phẩm chất không thiếu! Đó là chưa kể đến những ông bà tiến sĩ cấp “học viện” với những đê tài nôm na như “So sánh thể bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt” hay “Phương thức giao tiếp với nhân dân của chủ tịch xã”!

Những kiểu có được học vị như thế hẳn cũng bằng loại nho sĩ mà vua Quang Trung từng gọi là “sinh đồ ba quan” và hẳn họ là những người không có giá trị thực học và lại càng không ứng dụng trình độ vào thực tiễn được, thì làm sao gọi là hiền tài được...

Còn đó những bài học của lịch sử

Chúng ta đã có những bài học trong lịch sử khi vận dụng hay tận dụng hiền tài trong những triều đại thịnh trị Lý-Trần-Lê. Cách đây hơn 530 năm trên tấm bia Tiến sĩ đầu tiên dựng tại Văn Miếu Quốc Tử Giám ghi lại lịch sử khoa thi năm 1442 có khắc ghi những dòng chữ: *“... Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia làm công việc cần thiết...”*.

Người soạn ra những câu nổi tiếng đó là vị tiến sĩ triều Lê, Thân Nhân Trung, Lại bộ Thượng thư. Ông đỗ đại khoa vào năm 1469, lúc đã trên 50 tuổi, là khá muộn so với nhiều người khác. Dưới triều Lê Thánh Tông, nhà nước Việt Nam bước vào một thời kỳ phát triển mới trong đó mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục đều đạt tới đỉnh cao. Cuộc gặp gỡ giữa vua Lê Thánh Tông và “lương tướng” Thân Nhân Trung quả không phải là điều dễ gì trong cuộc đời một con người, nhưng đây là bước ngoặt quyết định sự nghiệp của Thân Nhân Trung. Từ đây, ông sẽ mang hết tâm lực của mình ra để đền đáp tấm ơn tri ngộ đối với vị “vua hiền” và ngược lại vị vua hiền cũng đã biết dùng đúng tài năng của ông để ông trở thành một danh thần về văn hóa và chính trị nổi tiếng một thời. Thân Nhân Trung được triều đình tin dùng trong việc tuyển chọn và đào tạo nhân tài cùng các công việc quan trọng khác trong triều.

Chúng ta tự hỏi có phải ngẫu nhiên mà bao nhiêu nhân sĩ, danh tướng, đều xuất hiện cùng một lúc từ Trần Quốc Toản, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu làm nên những chiến công hiển hách!

Quang Trung - Nguyễn Huệ đã từng nói: *“Dựng nước lấy việc học làm đầu. Muốn thịnh trị lấy nhân tài làm gốc”*. Dân tộc Việt Nam trải qua biết bao cuộc chiến tranh ngoại xâm, nhiều người đã phải hy sinh ngã xuống. Để có được một đất nước hòa bình và phát triển như ngày

hôm nay, không chỉ nhờ sức mạnh đoàn kết, ý chí kiên cường của người dân Việt Nam, mà trong đó còn có sự đóng góp không nhỏ của những con người tài giỏi, hết lòng vì dân, vì nước.

Theo tác giả Phan Trường Nghị thì nhờ đức Vũ Hoàng Nguyễn Huệ biết chiêu hiền đãi sĩ nên Cuồng Ẩn núi Thiên Nhân là Lạp Phong cư sĩ Nguyễn Thiếp mới chịu ra giúp. Lại nữa, chuyện kể không đơn giản cũng ly kỳ như chuyện Lưu Bị “tam cố thảo lư” mời Khổng Minh vì Vũ Hoàng ba lần sai người đưa thiếp mời nhưng đều bị từ chối. Chỉ đến khi Lê Chiêu Thống rước quân Thanh vào thành Thăng Long, vì có cùng nhau *‘nổi thống tâm vì cảnh đất chia nước loạn, trăm họ hết chỗ đặt tay chân’* và trước sự thành tâm của Vũ Hoàng, Nguyễn Thiếp mới chịu giúp tác.

Nguyễn Huệ tôn xưng ông là La Sơn phu tử, sau lập Sùng Chính viện để Nguyễn Thiếp thực thi các chính sách văn hóa giáo dục. Rồi sau khi chiến thắng quân Thanh, nhà vua ban hàng loạt chiếu chỉ (Chiếu Cầu Hiền), tổ chức việc dạy dỗ học hành (Chiếu Lập Học), khuyến khích gia tăng sản xuất (Chiếu Khuyến Nông), đồng thời chỉ thị loại sinh đồ ba quan (loại học hành chữ nghĩa đáng ba quan tiền) trả xuống hạng thường dân, gánh vác tạp dịch cùng dân... (tóm tắt theo Phan Trường Nghị - *Tây Khê thảo thụ lưu kỳ tích* - tập san Quán văn tháng 3/2016). Chưa kể đến những hiền tài như Phan Huy Ích, Ngô Thời Nhiệm, Vũ Huy Tấn đều ra phụ giúp nhà Tây Sơn...

Trở lại chuyện nước Nhật, từ một nước phong kiến, bế quan tỏa cảng, xã hội cũng phân chia nhiều giai cấp dưới ảnh hưởng Nho giáo, Nhật Bản vì đâu đã trở thành một quốc gia tiếp thu toàn diện thế giới bên ngoài để tiến lên hàng thượng đẳng? Giáo sư Trần Văn Thọ, trong bài viết trên báo Tuổi Trẻ Xuân Ất Mùi, có viết về điều này: *“Trước khả năng nước ngoài thôn tính, những nhà lãnh đạo hai phía Mạc phủ (đóng tại Tokyo) và Thiên Hoàng (đóng tại Kyoto) quyết định nghị hòa nhằm tránh tổn hại. Sau khi phân tích, tướng Katsu đã quyết định đầu hàng Thiên Hoàng để cứu đất nước. Lịch sử ghi nhận sự kiện “Vô huyết khai thành” (mở cửa thành đầu hàng không đổ máu). Nhưng những người tài giỏi của thời Tokugawa (phe Mạc phủ) được chính quyền Minh Trị mời cộng tác, trong đó có tướng Katsu sau làm Bộ trưởng Hải quân, người đã hiện đại hóa hải quân Nhật Bản, làm nên chiến thắng trong chiến tranh Nhật-Nga (1905)”*.

Tóm tắt, GS.Thọ nhận định những yếu tố làm nên kỳ tích: *“Thứ nhất, các lãnh đạo, sĩ phu thời đó đã đặt tiền đồ vận mệnh đất nước lên trên hết nên đã thỏa hiệp nhanh chóng...; Thứ hai, những sĩ phu, những lãnh đạo của Nhật thức thời nhanh chóng nên đã thay đổi chiến lược một cách ngoạn mục. Mới đánh một trận đã nhận ra sức mạnh quân sự của Âu Mỹ, mới đọc một số sách vở đã nhận ra sức mạnh văn minh phương Tây và thấy là mình phải học hỏi canh tân đất nước”*.

Bài học cay đắng cho chúng ta là cũng trong thời kỳ đó, vua quan triều Nguyễn với tầm nhìn hạn hẹp, không biết vận dụng hiền tài, lại đi thực hiện bế quan tỏa cảng, cấm đạo Gia-tô... Những Cao Bá Quát, Nguyễn Trường Tộ... với bao đề nghị, điều trần không được lắng nghe. Đến nỗi sau khi đi sứ sang Tân Gia Ba (Singapore), Cao Bá Quát đã cay đắng: *“Giật mình khi ở xứ nhà - Con giun nào biết đâu là cao sâu”*.

Vì sao? Vì chúng ta không theo kịp đà tiến hóa của nhân loại, Lúc ấy, sĩ phu bị lung lạc bởi chế độ khoa cử chật hẹp, bởi thứ văn chương phù phiếm, cần phải trau dồi mãi mãi từ đời nọ sang đời kia, và bởi những vinh dự quá đáng - trăm bào đạo phước, cờ biển vinh quy - mà cả dân chúng cũng bị ru ngủ trong lớp tư tưởng đồi bại của Tống Nho, cả tù sách giáo khoa chỉ quanh quẩn trong *Tứ thư, Ngũ kinh*, nhỏ thì có *Tam tự kinh, Ấu học ngũ ngôn thi, Dương tiếp, Minh tâm bảo giám*...

Có người nhận định: *“Bởi vậy Việt Nam ngàn năm văn hiến mà không để ra một chủ thuyết nào, một trào lưu tư tưởng văn học triết học đáng kể nào, trí thức đứng ì một chỗ, chống những đề xuất tiến bộ của Hồ Quý Ly, chống phong trào dân tộc Tây Sơn. Để đến khi cọ xát với nền văn minh vật chất Tây phương, bao nhiêu nhược điểm của xã hội phong kiến Việt Nam đều phơi ra trước ánh sáng của sự thật gắt gao. Lưỡi cày bằng gang không thể độ máy cày. Sức trâu bò sao độ được sức mạnh của hơi nước sôi ngoài trăm độ... thuyền chiến gỗ sao chọi độ được tàu chiến bọc thép... cho nên quan Hộ đốc Vũ Duy Ninh dẫu lấy cái chết nghĩa khí cũng không ngăn được Trung tướng Rigault de Genouilly san phẳng thành Gia Định, lòng dũng cảm của quan Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương trong trận Kỳ Hòa không ngăn nổi quân của thiếu tướng Charner và thiếu tướng Bonard chiếm cứ ba tỉnh phía Đông xứ Nam Việt...”* (trích *Xã hội Việt Nam*, Lương Đức Thiệp). Lúc ấy cũng là lúc Minh Trị thực hiện cải cách nước Nhật!

Làm sao phục hồi nguyên khí quốc gia?

Nguy cơ thì nhiều nhưng rõ nhất là chúng ta đang lãng phí chất xám. Không chỉ ở chuyện những du học sinh một đi không trở lại, những trí thức có điều kiện làm việc ở nước ngoài không muốn về, còn có cả tầng lớp doanh nhân mới có tài sản có trí thức nhưng trong túi luôn có sẵn một quốc tịch thứ hai, một căn nhà hải ngoại để ra đi khi cần thiết... Còn tệ hơn là tình trạng chảy máu chất xám tại chỗ bao gồm những trí thức không được trọng dụng, những trí thức thất nghiệp hay làm những ngành nghề trái với sở trường vì thiếu thân thế.

Theo chuyên gia kinh tế Nguyễn Minh Phong thì *“Trên lời nói thì ‘trí thức là tài sản quốc gia’, nhưng trên thực tế, trí thức Việt Nam chưa được coi trọng, chưa được đánh giá đúng mức. Dân tộc Việt Nam vốn rất trọng chữ, rất trọng thầy. Trước nạn tham nhũng, người dân có thể rất bức xúc, nhưng cũng không bức*

xúc bằng việc trí thức bị hắt hủi, bị thoái trí, và càng đau lòng hơn khi đội ngũ trí thức đang có phần bị méo mó đi. *'Nguyên khí quốc gia'* mà bị tổn thương, bị méo mó, bị biến chất thì là điều cực kỳ u ám. Vì vậy, nhận thức về trí thức, chính sách về trí thức và đối với trí thức cần phải được thay đổi một cách căn bản. Hồ Chủ tịch từng nói: *'Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu'* hay *'Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc'*.

Điều đó cũng được minh chứng qua việc khi mới xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các nhà Nho uy tín trong xã hội như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Võ Liêm Sơn đến các quan chức cấp cao của chế độ cũ như cụ Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại đều được mời ra giúp nước. Một lực lượng lớn trí thức tài giỏi như luật sư Phan Anh, Nguyễn Văn Huyền, Hoàng Minh Giám... hay các trí thức đang ở nước ngoài đều trở về như kỹ sư Phạm Quang Lễ (tức Trần Đại Nghĩa), kỹ sư Võ Quý Huân và bác sĩ Trần Hữu Tước, bác sĩ Tôn Thất Tùng... đều được giao những trọng trách.

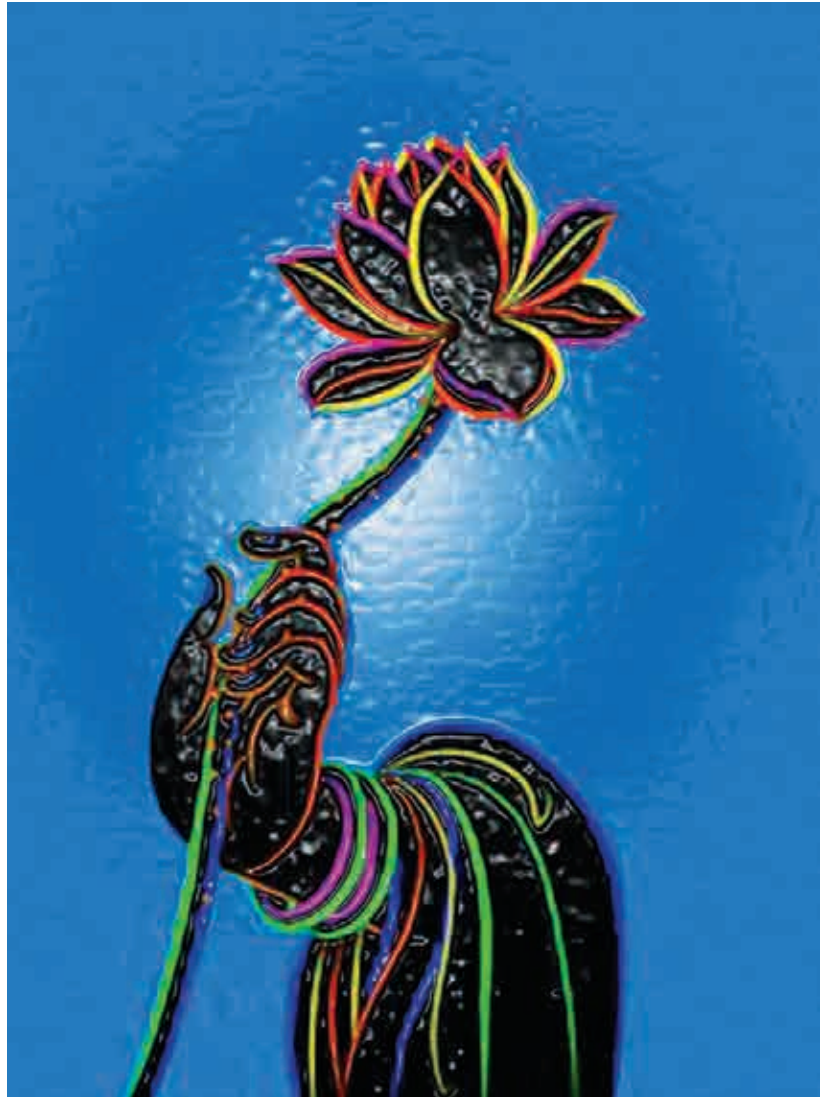
Theo ông Phong thì "... đội ngũ trí thức đang bị hư hỏng bởi một vài người làm chính trị, một vài con buôn; kể cả *'con buôn'* kinh tế theo đúng nghĩa của từ này. Có những *'con buôn'* trở thành người đứng đầu một đơn vị khoa học rất lớn. Nó truyền cái tư duy *'con buôn'* làm hỏng đội ngũ khoa học và chất lượng các công trình khoa học, làm xấu đi hình ảnh trí thức Việt Nam. Một khi trí thức mà bị mai một, bị biến dạng, bị méo mó, thậm chí là không còn biết xấu hổ nữa thì rất nguy hiểm, tương lai của dân tộc sẽ bị đe dọa".

Ông cho rằng chúng ta đang thiếu một hệ giá trị chuẩn quốc gia, gồm những gì tốt đẹp nhất về mặt lý thuyết của chủ nghĩa xã hội, của dân tộc Việt, của thế giới, và của kinh tế thị trường mà vì không có nó, nên các cuộc tranh luận dễ rơi vào bế tắc, người phản biện có thể bị chụp mũ và không ai muốn tranh luận dù *"Hiện có không ít nhân sĩ, trí thức tâm huyết với đất nước, họ nói, họ phát biểu, họ bức xúc, vì thế nhiều người coi họ là bất mãn. Tại sao chúng ta không thể đối thoại với họ để tìm ra tiếng nói chung cùng nhau phụng sự đất nước?"*.

Theo ý chúng tôi chỉ cần theo hệ giá trị chuẩn Việt Nam là đủ. Cha ông ngày xưa đâu cần biết đến những chủ thuyết ngoại lai dạy dỗ họ về khoan dung, hòa hợp mà họ vẫn huy động được sức mạnh toàn dân. Cái đáng học của phương Tây chính là tinh thần dân chủ, tinh thần đại nghị... thì chúng ta chưa tiếp thu đầy đủ thì còn hy vọng xây dựng chuẩn gì nữa?

Chúng ta phải có cơ chế bảo vệ trí thức chân chính, những hiền tài thực sự, hỗ trợ, sử dụng họ đúng năng lực và cho phép họ phản biện xã hội trên tinh thần dân chủ công khai.

Ông Phong nhận định: *"Đúng là chúng ta đang thiếu cơ chế bảo vệ tài sản quốc gia. Nợ công tăng, trí thức bất mãn là bởi vì không có cơ chế bảo vệ lợi ích quốc gia, tài sản quốc gia. Trí thức chính là tài sản quốc gia"*. Chúng



ta trân trọng nhân tài nhưng dường như còn thiếu tin cậy, thiếu tạo điều kiện để họ dẫn thân phụng sự tổ quốc và xã hội.

Hiển tài vẫn luôn là nguyên khí, là tài sản đất nước mà chúng ta đang lãng phí rất lớn. Hãy làm một điều gì đó như là xây dựng khẩn cấp một chính sách sử dụng hiền tài trước khi quá muộn; vì tác giả Trần Văn Thọ trong cuốn sách *"Cú sốc thời gian và Kinh tế Việt Nam"* đã cay đắng kết luận *"Ngày nay với tiến bộ của khoa học và phương tiện đi lại, việc tiếp xúc học hỏi bên ngoài quá dễ dàng. Tuy nhiên, không ít trường hợp lãnh đạo của nhiều nước phải mất hàng chục năm mới thực hiện được vài cải cách, mất hàng nửa thế kỷ hay hơn mới thay đổi được tư duy, chiến lược cần thiết để đất nước phát triển"*.

Chúng ta hãy tự hỏi mình có phải đang đi quá chậm, đến mức gần như thụt lùi so với láng giềng để rồi nhìn lại mình *"chưa giàu đã vội già"*! Muốn nhanh, phải phục hồi nguyên khí quốc gia - gần như đó là con đường duy nhất phải đi. ■



Ngaén traêng Laêng-giaø

THÍCH NGUYỄN TẠNG

Trong đời sống thường nhật của thiên môn, chúng ta ai ai cũng từng nghe qua cụm từ có tính “kinh điển hóa” như “*Ăn cơm Hương Tích, uống trà Tào Khê, ngồi thuyền Bát-nhã, ngắm trăng Lăng-già*”, được nghe nói đã là phước duyên lắm rồi đối với một hành giả, còn đích thân được thưởng thức bốn món kỳ đặc đó thì quả thật cuộc đời này không còn gì hạnh phúc cho bằng. Mong cho ai ai cũng ngủi được mùi thơm của bát cơm Hương Tích, nhấp được một ngụm của chén trà Tào Khê, rồi được ngồi trên con thuyền Bát-nhã, vượt qua sông mê biển ái, để rồi từ đó có thể thông dong tự tại mà ngắm ánh trăng Lăng-già.

Trong đời thường, ai cũng biết mặt trăng (moon/luna), vệ tinh tự nhiên lớn thứ năm trong hệ mặt trời; một ngày trên mặt trăng bằng 28 ngày trên trái đất, khoảng cách trung bình từ tâm trái đất đến mặt trăng là 384.403km, lớn khoảng 30 lần đường kính trái đất.

Đường kính mặt trăng là 3.474km, tức hơn một phần tư đường kính trái đất. Mặt trăng là thiên thể duy nhất ngoài Trái đất mà con người đã đặt chân tới; cuộc đổ bộ duy nhất của con người xuống mặt trăng đã được thực hiện vào năm 1969 do hai phi hành gia Neil Armstrong và Buzz Aldrin, là những người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng trong chuyến bay Apollo 11 (theo wikipedia.org).

Trăng Lăng-già ở đây chỉ là từ được kinh điển hóa, chư Tổ Đức lấy tên *Kinh Lăng-già* ghép với ánh trăng lung linh kỳ diệu nên mới có danh xưng “*Lăng-già nguyệt*”, với ý nghĩa ví vạ pháp như sự ảo hóa không thật có như bóng trăng trong nước; một ý nghĩa khác là nhờ ánh sáng vàng vạc của trăng sẽ soi chiếu dẫn đường cho chúng sanh trong đêm dài mê ngủ của cõi giới Ta-bà này. Từ đó có nhiều thơ văn sử dụng danh từ “*Lăng-già nguyệt*” để nói lên ý nghĩa tuyệt diệu và

độc đáo của bản kinh Đại thừa này do Đức Phật thuyết cách đây hơn 2.500 năm về trước.

Hiện tại ở Việt Nam, kinh *Lăng-già* có năm bản dịch đang lưu hành như sau:

1/ Kinh Lăng-già Tâm Ấn, *Sư bà Diệu Không dịch từ bản sớ giải của Tổ sư Hàm Thị (xb 1970);*

2/ Kinh Lăng-già Tâm Ấn, *Hòa thượng Thanh Từ dịch từ bản sớ giải của Tổ sư Hàm Thị (xb 1975);*

3/ Nghiên cứu Kinh Lăng-già, *Hòa thượng Chơn Thiện và Giáo sư Trần Tuấn Mẫn dịch từ tiếng Anh của ngài Daisetz Teitaro Suzuki (xb 1992);*

4/ Kinh Lăng-già, *Hòa thượng Duy Lực dịch từ bản Hán của ngài Cầu-na-bạt-đà-la (xb 1994);*

5/ Kinh Lăng-già, *Ni sư Trí Hải dịch từ bản Hán của ngài Thật-xoa-nan-đà (xb 1998).*

6/ Lăng-già Đại thừa kinh, *Hòa thượng Chơn Thiện & Giáo sư Trần Tuấn Mẫn dịch Việt từ nguyên bản tiếng Anh của Suzuki (dịch từ Phạn bản của ngài Thật-xoa-nan-đà, (xb 2005).*

Kinh *Lăng-già* (*Lankāvatāra Sūtra* / 楞伽經) là một bộ kinh Đại thừa, gồm có 7 quyển và 10 chương do Đức Phật thuyết tại núi Lankà (Lăng-già) là tên một hòn đảo ở phía Nam Ấn có tên là Ceylon (Tích Lan), nên kinh được đặt theo tên của hòn núi này là *Lankavata Sutra*. Trong Kinh, Phật trả lời 108 câu hỏi của Bồ-tát Đại Huệ (Mahāmati) về tất cả mọi chủ đề của đời sống tu tập.

GS Trần Tuấn Mẫn cho rằng theo các tài liệu nghiên cứu gần đây, kinh *Lăng-già* xuất hiện khá chậm, khoảng thế kỷ V Tây lịch, như vậy kinh *Lăng-già* xuất hiện sau Đại sư Vô Trước và Đại sư Thế Thân (thế kỷ IV), vậy có thể nói kinh *Lăng-già* chịu ảnh hưởng của Duy thức học. Đáng rằng chúng sanh đa bệnh, Phật pháp đa môn, nhưng 108 câu hỏi trong kinh *Lăng-già* được tập hợp rất vội vàng, xa đẽ, vụn vặt, và không có lời đáp của Đức Phật; nếu cẩn thận mà đếm thì không đủ số 108, quả là 108 câu hỏi đáp ấy không phải là các phương cách tu hành. Cũng không thấy ai đem vài câu trong 108 câu ấy ra để bàn luận, chứng tỏ các câu ấy không có gì quan trọng.

Theo địa lý, đỉnh núi Lăng-già là một hải đảo rất xa xôi, đường đến đó rất khó khăn chỉ có Đức Phật và những vị Thánh đệ tử Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mới vào đó được. Trong kinh, Phật dạy về tính giác ngộ nội tại, qua đó hành giả rõ biết về mọi hành tướng của ba tự tánh (Biến kế sở chấp, Y tha duyên khởi, Viên thành thật tánh), tám thức Tâm vương, đặc biệt là đào sâu vào A-lại-da Thức, giúp cho hành giả đạt tâm vô phân biệt, chứng được Như Lai tạng (*tathāgata-garbha*) vốn hằng có trong mọi chúng sanh. Giáo lý của Kinh này về sau đã trở thành bản Kinh cốt tủy của Duy Thức tông và Thiền tông Trung Hoa, đặc biệt là bản kinh duy nhất được Sơ tổ Bồ-đề-đạt-ma mang đến Trung Hoa và đã truyền lại cho Nhị tổ Huệ Khâu là đệ tử đặc pháp của mình.

Chúng sanh trong cõi giới này từ thuở ban đầu, ai ai cũng có bản tính Như Lai tạng, đó chính là Phật tánh, vốn hằng thanh tịnh, không biến dịch đổi thay, luôn tồn tại hiện tiền. Nhưng chúng tử đó, hạt giống đó xưa nay bị quấn trong lớp áo dơ uế của uẩn giới xứ, bị ô nhiễm vì tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ... mà bị trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi, như chàng cùng tử trong kinh *Pháp Hoa* mà Đức Phật đã hơn một lần cảnh báo, rằng lúc nào cũng ôm viên ngọc quý trong ché áo mà không hề biết, cứ sống lầm lũi trong cảnh nghèo nàn túng thiếu.

Trong phẩm 2, kinh *Lăng-già*, Phật chỉ rõ Như Lai tạng của mỗi chúng sanh ấy bị vùi lấp: "*Như ba đào biển lớn, Đều do gió mạnh thổi, Sóng lớn khuấy biển ngời, Không lúc nào dừng nghỉ, Biển tạng thức thường bị, Gió cảnh giới lay động, Khiến những luồng sóng thức, Múa nhảy mà chuyển sinh*".

Rõ ràng mỗi chúng sanh đều có một Như Lai tạng tánh, thường trụ thanh tịnh vắng lặng, bất sinh, bất diệt, đó là Phật tánh chân như, nhưng do duyên khởi với 5 uẩn, với 12 xứ, với 18 giới nên bị vô minh dẫn lối, đưa đường bởi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, mà có luân hồi, đau khổ. Phật đã ví biển cả, tánh của nước là Như Lai tạng, do vì có gió vô minh nên tâm thức vọng động mới nổi sóng ba đào; một khi gió yên, sóng lặng thì biển cả mới hoàn lại như cũ.

Như Lai tạng (Tathagata garbha) tên gọi khác Phật tánh, Chân như, A-lại-da thức. Tạng là cái kho chứa khổng lồ cả thiện lẫn ác và mầm giác ngộ của tất cả chúng sanh, vượt không gian và thời gian, từ vô lượng kiếp cho đến nay, nếu không tu tập và giải thoát, kho chứa này vẫn tiếp tục thi hành hoạt dụng của mình. Về mặt nhiễm, Như Lai tạng là biểu trưng cho luân hồi sinh tử, vô minh và phiền não, nên gọi là *Như Lai Tại Triền*, tức là trạng thái bị phiền não trói buộc; về mặt tịnh Như Lai tạng tượng trưng cho Chân như, Giác ngộ, Giải thoát, Niết-bàn, nếu biết tu tập, thanh lọc, chuyển hóa dần dần những phiền não nhiễm ô sẽ biến A-lại-da thành Đại Viên Cảnh Trí, tức là trở về với Như Lai tạng tâm như thuở ban sơ của mình, lúc đó được gọi là *Như Lai Xuất Triền*. Đức Thế Tôn ra đời và làm công việc giáo hóa độ sanh chỉ làm mỗi việc duy nhất là giúp cho chúng sanh nhìn thấy được Như Lai tạng này và giúp họ phương tiện để sớm quay trở về nguyên quán của họ. Vua Trần Thái Tông đã nhận ra điều này mà nói rằng: "*Tỷ trước chư hương thiết tham vị, Nhân manh chúng sắc nhĩ văn thanh. Vĩnh vi lăng đăng phong trần khách, Nhựt viễn gia hương vạn lý trình*". Nghĩa là: "*Lưỡi vướng vị ngon, tai vướng tiếng, Mắt theo hình sắc, mũi theo hương, Lênh đênh làm khách phong trần mãi, Ngày cách quê hương muôn dặm trường*" (HT Thanh Từ dịch).

Do vô minh và phiền não nhiễm ô dẫn dắt ta rời xa quê hương tâm linh của mình, nay có được duyên may hội ngộ với kinh *Lăng-già*, được Phật khai thị chúng



sanh trong cõi này đau khổ là vì không nhận ra thật tướng của vạn pháp, giống như “*Như con thú vì cơn khát hành hạ, do bóng nắng mà tưởng tượng nước, mê hoặc chạy theo, không biết đấy chẳng phải nước*” (Kinh Lăng-già, phẩm 3).

Thật vậy, tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, mọi thứ trên đời này đều do tâm ta lưu xuất, nên Phật dạy: “... này Mahamati (Bồ-tát Đại Huệ), Như Lai tạng quy trong nó cái nguyên nhân của cái thiện và cái ác và tất cả những hình thức hiện hữu đều được tạo ra do từ nó... do bởi ảnh hưởng của tập khí vốn đã chất chứa khác nhau bởi sự suy luận sai lầm từ vô thì nên cái hiện tượng có cái tên là thức A-lại-da kèm theo bảy thức tạo sự sanh khởi cho một trạng thái gọi là chỗ trú của vô minh” (Kinh Lăng-già, tr.346).

Nhận ra được điều đó, nên hành giả tu tập, phòng hộ khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, một khi căn và trần được điều phục thì sáu thức bên trong không bị vọng động, như lời của Thiền sư Duy Sơn Nhiên trong bài Sám Quy Mạng mà chúng ta thường thọ trì vào thời công phu khuya rằng “*Lục căn lục trần, vọng tác vô biên chi tội*”, nghĩa là: “*Căn trần sáu mối duyên đầu, khiến xui con tạo biết bao lỗi lầm*” (Ni sư Trí Hải dịch).

Do đó khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần ta không chạy theo, ta không dính mắc và đau khổ. Sáu trần cảnh bên ngoài tự nó không quyến rũ, không cột trói ai cả, nhưng do vì chúng ta mê lầm, mắt thấy sắc liền khởi ý phân biệt, sắc đẹp thì thích thú, tham tâm dấy khởi, muốn chiếm hữu, sắc xấu thì ghét bỏ, chán chường. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị... phân biệt, tham sân dấy khởi, chấp đắm nên sinh ra khổ đau. Ta thấy rõ như vậy mà cố gắng làm chủ tâm mình, luôn chánh niệm tỉnh giác, để khi căn, trần tiếp xúc với nhau, ta vượt lên trên sự chi phối thường tình của nó. Thiền sư Phù Dung dạy ta phương châm xử thế thường ngày như sau “*Kiến lợi kiến danh như nhơn trung trước tiết; ngộ thanh ngộ sắc*

như thạch thượng tài hoa”. Nghĩa là: “*Thấy lợi lộc và danh vọng như bụi rơi vào mắt, nghe tiếng hay, nhìn sắc đẹp như hoa trồng trên tảng đá*”. Ai làm được như lời dạy này, mọi ngoại cảnh đều ở ngoài tầm với của chúng ta, chúng sẽ không ảnh hưởng gì được ta, ta sẽ được tự tại, an vui và giải thoát ngay trong đời sống này. Trong Lăng-già kinh, Phật dạy: “*Này Mahamati, khi hiểu rõ thế giới đối tượng không là gì cả ngoài những gì được nhìn thấy từ chính cái tâm thì cái tập khí của lý luận sai lầm và của phân biệt lầm lạc vốn đã tiếp diễn từ vô thì sẽ bị loại bỏ và có một sự đột biến ở cái căn bản của phân biệt. Đó chính là giải thoát*” (Kinh Lăng-già, tr.362).

Phương pháp tu tập ba chữ “*ly sinh hỷ*” (xa lìa để được vui) đã được Đức Phật dạy ngay trong kinh Lăng-già này: “*Sao gọi là tướng “Tự chứng Thánh trí thù thắng” (pratyàtmādhi-gamavisesalaksana)? Ấy là nhân thấy rõ cảnh giới các đế khổ, không, vô thường, vô ngã, mà lìa ham muốn, trở nên vắng lặng; biết rõ một cách chân thật các tướng bất hoại ở ngoài uẩn, giới, xứ hoặc tự hoặc cộng, nên tâm trụ vào một chỗ. Khi tâm đã an trú vào một cảnh thì sẽ được các đạo quả thiên định, giải thoát, tam muội... mà được hạnh viễn ly*”.

Về hình ảnh đẹp kinh điển hóa “*Ánh trăng Lăng-già*” (Lăng Già Nguyệt) xuất hiện đầu tiên trong bài thơ truy tán công đức truyền bá Phật Pháp của Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi (?-594) tại Việt Nam, Vua Lý Thánh Tông (1028-1054) đã viết:

*Sáng tự lai Nam Quốc
Văn quân cứu tập thiên
Ứng khai chư Phật tín
Viễn hợp nhất tâm nguyên.*

*Hạo hạo Lăng-già nguyệt
Phân phân Bát-nhã liên
Hà thời hạnh tương kiến
Tương dữ thọai trùng huyền?*

Dịch nghĩa:

Mở lối qua Nam Việt,
Nghe Ngài thông đạo Thiền
Nguồn tâm thông một mạch,
Cõi Phật rộng quanh miển.

Lăng-già ngồi bóng nguyệt,
Bát-nhã nức mùi sen.
Biết được bao giờ gặp,
Cùng nhau kể đạo huyền.

(Thích Mật Thể dịch)

Trong bài thơ truy tán này của vua Lý Thái Tông, ông ví hành trạng của Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi tại nước Việt chói sáng như ánh trăng Lăng-già, và trí tuệ của Tổ tỏa ngát mùi thơm như hương sen Bát-nhã.

Vào thế kỷ thứ XI, một hôm có lễ Trai Tăng trong đại nội, nghe vua Lý Thái Tông hỏi về đạo, Thiền sư Huệ Sinh trả lời bằng một bài kệ như sau:

Tịch tịch Lăng-già nguyệt
Không không độ hải chu
Tri không, không giác hữu
Tam muội nhậm thông chu.

Dịch nghĩa:

Trăng Lăng-già lặng chiếu,
Thuyền vượt biển trống không,
Không cũng không như có,
Định tuệ chiếu vô cùng.

(Thiền sư Nhất Hạnh dịch)

Thiền sư Từ Đạo Hạnh (thế kỷ thứ XII) cũng nói về hình ảnh của ánh trăng:

Tác hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu không như thủy nguyệt,
Vật trước thị không không.

Nghĩa là:

Có thì có tự mây may;
Không thì cả thế gian này cũng không,
Thử xem bóng nguyệt lòng sông,
Ai hay không có có không là gì.

(bản dịch của Huyền Quang Tam Tổ)

Kết luận:

Nhìn lại trong cuộc đời tám mươi năm trên trần gian của Đức Thế Tôn, ánh trăng tròn (full moon) luôn xuất hiện và gắn liền với những sự kiện trọng đại của đời Ngài như Đản sanh, Xuất gia, Thành đạo và Nhập Niết-bàn... ánh trăng tròn kia dường như là mặc định cho sự toàn bích từ cuộc đời đạo nghiệp và lời dạy của Ngài, không có hình ảnh nào có thể ví von hơn cho sự tròn đầy, trọn vẹn, viên mãn như vậy. Quả thật, lời dạy của Đức Thế Tôn toàn bích và trong suốt như pha lê: “Pháp Phật giảng dạy thuần thiện cả phần mở đầu, phần

giữa lẫn phần cuối. Pháp ấy tốt đẹp cả ý nghĩa lẫn lời văn. Toàn bộ pháp âm đều đồng nhất, viên mãn và trong suốt, thể hiện trọn vẹn phạm hạnh thanh tịnh”.

(Kinh Tăng nhất A-hàm)

Hơn 2.500 năm sau, một nhà thơ lòng danh của Phật giáo Việt Nam đã thử thẩm định lại giá trị đó:

Em về mấy thế kỷ sau
Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không.

(thơ của Bùi Giáng)

Ánh trăng đó, chân lý đó vẫn “nguyên màu” như hôm nào, chưa bao giờ thay đổi, và chân lý đó tiếp tục làm sứ mạng cứu độ của mình như lời kệ tán thán công đức của Phật ngay đầu bản kinh *Lăng-già*, mà Bồ-tát Đại Huệ đã đại diện cho đại chúng trình thưa:

Thế gian ly sanh diệt
Du như hư không hoa.
Trí bất đắc hữu vô,
Nhi hưng đại bi tâm.

Nghĩa là:

Thế gian rời sanh diệt
Như hoa đóm hư không
Trí chẳng đắc hữu, vô
Mà hưng khởi tâm đại bi.

(HT. Chơn Thiện dịch)

Chư hành giả qua tu tập, nhờ trí tuệ nhìn thấy tất cả mọi thứ trên thế gian này “*như hoa đóm giữa hư không*”, triệt tiêu mầm mống của chấp có, chấp không, chấp thường, chấp đoạn, vượt lên trên tất cả, để thông dong tự tại giải thoát và tuyệt vời hơn thế nữa, quý ngài vẫn “*hưng khởi đại bi tâm*” để xuống đường đi vào đời để tiếp tục công cuộc tế độ chúng sanh. Đây phải chăng là hình ảnh kỳ ảo tuyệt đẹp trong giáo lý nhà Phật và bức thông điệp Lăng-già đó đã trải qua hơn 2.500 năm rồi mà vẫn còn lưu nguyên giá trị. ■

Tài liệu tham khảo:

1/ *Kinh Lăng-già Tâm Ấn*, Sư bà Diệu Không dịch từ bản sớ giải của Tổ sư Hàm Thị (xb 1970).

2/ *Kinh Lăng-già Tâm Ấn*, HT Thanh Từ dịch từ bản sớ giải của Tổ sư Hàm Thị (xb 1975).

3/ *Nghiên cứu Kinh Lăng-già*, HT Chơn Thiện và GS Trần Tuấn Mẫn dịch từ tiếng Anh của ngài Daisetz Teitaro Suzuki (xb 1992).

4/ *Kinh Lăng-già*, HT Duy Lực dịch từ bản Hán của ngài Cầu-na-bạt-đà-la (xb 1994);

5/ *Kinh Lăng-già*, Ni sư Trí Hải dịch từ bản Hán của ngài Thật-xoa-nan-đà (xb 1998).

6/ *Lăng-già Đại thừa kinh*, Daisetz Teitaro Suzuki (dịch từ bản Phạn của ngài Thực xoa-nan-đà). HT Chơn Thiện & GS Trần Tuấn Mẫn dịch Việt, NXB Tôn Giáo, 2005.

Phan Đình Phùng và giai thoại lịch sử

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ



Phan Đình Phùng (1847-1895)

Phan Đình Phùng (1847-1895) là một nhà lãnh tụ cách mạng Cần Vương vùng Nghệ Tĩnh. Ông người làng Đông Thái, tổng Việt Yên, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Đỗ cử nhân khoa Bính Tý (1876), năm sau đỗ tiến sĩ. Ban đầu được bổ Tri phủ Yên Khánh ở Ninh

Bình; đến năm 1878 về Kinh sung chức Ngự sử Đô sát viện. Khi vua Tự Đức băng hà (1883), ông phản đối việc tự quyền của hai vị phụ chánh Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết nên bị cách chức cho về nguyên quán. Năm 1884, được phục chức và bổ Tham biện Sơn phòng Hà Tĩnh. Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Bình, ông đến báii yết, được phong Tán lý Quân vụ và lãnh trọng trách thống suất các đạo nghĩa binh.

Hơn mười năm (1885-1896), bất chấp mọi hiểm nguy gian khổ, cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng lãnh đạo đã giao chiến với Pháp nhiều trận, và đã gây cho đối phương nhiều tổn thất nặng nề; tiêu biểu nhất là trận Vụ Quang vào năm 1894.

Thấy không thể dùng sức mạnh quân sự để tiêu diệt được cuộc khởi nghĩa, người Pháp dùng mọi cách dụ dỗ, mua chuộc để khuyến hàng, nhưng trước sau ông vẫn một lòng cự tuyệt. Người Pháp lại dùng Nguyễn Thân và những cộng sự khác ra sức đàn áp nhưng vẫn không làm ông sờn lòng.

Năm 1895, Pháp điều Nguyễn Thân đến phối hợp với Công sứ Nghệ An là Du villier đem 3.000 lính đi đàn áp cuộc khởi nghĩa Hương Khê. Quân chủ lực của Phan Đình Phùng bị đối phương bít đường tiếp vận nên vũ khí, lương thực, quân số đều thiếu thốn, khó bù đắp. Ngày 17 tháng 10 năm 1894, Phan Đình Phùng đã tập hợp lực lượng, đánh thắng một trận lớn, đối phương mất nhiều vũ khí và bị chết rất nhiều. Đây là trận thắng cuối cùng, vì gần 3.000 quân do Nguyễn Thân cầm đầu ngày càng siết chặt vòng vây. Trong một trận giao

tranh ác liệt, Phan Đình Phùng bị thương nặng rồi hy sinh vào ngày 28 tháng 12 năm 1895.

Sau khi ông hy sinh có nhiều tài liệu chép khác nhau. Có tài liệu chép rằng ông bị bệnh kiết lỵ mà chết, Nguyễn Thân cho đào lên, đốt ra than đem đổ xuống sông.

Tác giả Đào Trinh Nhất khi viết cuốn *Phan Đình Phùng* (xuất bản lần đầu năm 1936, tái bản 1945, 1950, 1957...) đã thuật lại ông bị bệnh chết, Nguyễn Thân đào xác lên đem đốt ra than, lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn xuống sông. Nguyên văn đoạn nói về sự việc đó như sau:

"Nói về quân Pháp biết được chỗ khai quật được mả cụ Phan lên, đem di hài về đồn Linh Cảm giao cho Nguyễn Thân xem xét có phải thiệt là di hài của cụ Phan không.

Bấy giờ Nguyễn Thân mới biết cụ Phan mất rồi, đắc chí, miệng cười ha hả, gơ tay lên ngang trán mà nói:

- Từ nay ta được ngủ yên rồi!

Hôm sau, lão súc đòi các phụ lão ở làng Đông Thái và họ hàng bà con cụ Phan lên đồn Linh Cảm nhìn nhận đích xác. Rồi đó Nguyễn Thân gởi thủ đoạn "anh hùng" của lão để hành hạ tới nắm xương khô thit nát của người cừu địch với lão mà lúc người ấy còn sống, lão không dám xuất hiện giao phong, bây giờ người ta chết rồi mới lên mặt giương oai diễu võ.

Mà lão giương oai diễu võ bằng cách nào?

Không nói thì ra bỏ quên mất sự thật, mà nói thì phải thương tâm và gớm ghiếc.

Nguyễn Thân sai đem thi thể cụ Phan ra chỗ địa đầu của tổng Việt Yên, đổ dầu châm lửa mà đốt cho xương thit cháy ra tro, rồi tro ấy trộn với thuốc súng, nhồi trong súng thần công của ta mà bắn xuống La Giang.

Dân xã quanh miền, phải tuân lời súc của Nguyễn Thân ra chứng kiến việc làm tàn nhẫn này; ai thấy cũng phải đau lòng và khinh thâm Nguyễn Thân trong bụng. Nguyễn Thân nay cũng đã qua đời lâu rồi, nếu ở dưới cửu nguyên có gặp cụ Phan, chắc lão không dám nhìn mặt..." (Phan Đình Phùng, sđd, tr.234).

Đáng tiếc là tác giả Đào Trinh Nhất đã không ghi rõ nguồn gốc và xuất xứ của câu chuyện nói trên.

Về việc khai quật thi hài của ông, tác giả Nguyễn Quang Tô, một giáo sư của Viện Đại học Vạn Hạnh Sài Gòn trước đây, đã sưu tập và biên dịch nhiều tài liệu đăng trên tập san *Sử Địa* số 27-28 (tháng 12/1974). Trong các tài liệu đó, chúng ta không thấy đề cập gì

đến việc làm của Nguyễn Thân nói trên. Xin được lần lượt trích như sau:

Tờ yết thị của Nguyễn Thân, nguyên văn bằng chữ Hán như sau:



Nguyên bản yết thị của Nguyễn Thân

Phiên âm:

“Thành Thái Thất niên thập nhị nguyệt sơ Cửu nhật, Khâm sai Đồng tiết Quân vụ Đại thần vi yết thị sự: Tư Phan Đình Phùng sở vi quan quân bức nã, cai ngục bôn soán Quảng Bình thượng du sơn phận (khe Quạt xứ) hiện dĩ mệnh chung, thi hài yêu hồi Linh Cảm đồn trú xứ do lỗ thuộc đả

nhân nhận vi cai đích thi lán hành thiêu huỷ.

Tư yết thị.

Hựu yết thị hạt hạ quân dân nhất y tuân tri”.

Dịch nghĩa:

Ngày mùng 9 tháng 12 niên hiệu Thành Thái thứ bảy, quan Khâm sai Đồng tiết Quân vụ Đại thần yết thị rằng: Nay Phan Đình Phùng bị quân quan bức nã, nên ngục ấy lần trốn lên miền thượng du tỉnh Quảng Bình (xứ Khe Quạt), hiện đã chết rồi, thi hài ngục ấy đã đưa về đồn Linh Cảm do nhiều tên cựu thuộc của tên giặc ấy nhận diện cho đúng là thi hài của ngục ấy. Thi hài ấy sẽ đem thiêu huỷ.

Nay yết thị

Vậy yết thị cho quân dân trong hạt biết”.

Sau khi tìm được thi hài Phan Đình Phùng, ngoài tờ yết thị của Nguyễn Thân nói trên, viên Phó sứ Ủy viên Chính phủ người Pháp cũng ra một yết thị, nội dung cũng tương tự với tờ của Nguyễn Thân.

Bản dịch của GS.Nguyễn Quang Tô như sau:

Thông tư số 83

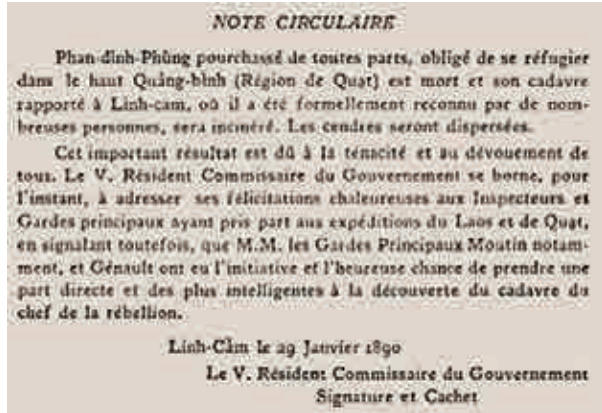
Bị truy nã tập kích khắp nơi, Phan Đình Phùng buộc phải lần tránh lên vùng thượng du tỉnh Quảng Bình (vùng Quạt) và đã chết, thi hài đã được đưa về Linh Cảm và đã được nhiều người nhận diện. Thi hài ấy sẽ bị thiêu, và tro tàn sẽ bị phân tán. Kết quả quan trọng này là nhờ sự kiên nhẫn, cũng như sự tận tâm hy sinh của mọi người.

Hiện giờ vị Phó Công sứ Ủy viên Chính phủ chỉ mới ban lời khen nồng hậu đối với các viên Giám binh đã từng tham dự hành quân ở Lào và Quạt, đặc biệt là viên Giám binh Moutin và Génault có sáng kiến cùng gặp được may mắn trực tiếp tham dự cuộc tìm thấy thi hài của lãnh tụ phản loạn.

Linh Cảm ngày 29-1-1896

Quan Phó sứ Ủy viên Chính phủ,

(Ký tên và đóng dấu)



Thông tư số 83 của viên Phó sứ Ủy viên Chính phủ Pháp (nguồn: TS Sử Địa 27-28)

Một tài liệu khác là biên bản khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng do viên Tuần vũ Hà Tĩnh cùng các quan chức người Pháp lập, nội dung cho biết sau khi khám nghiệm xác định đúng là Phan Đình Phùng, thi hài của ông đã được hỏa táng (Tài liệu này GS.Nguyễn Quang Tô tìm được trong hồ sơ của Nha Kinh lược Bắc Kỳ):



Biên bản khám nghiệm thi hài Phan Đình Phùng.

Bản dịch của Nguyễn Quang Tô:

“Quyển hộ Hà Tĩnh tỉnh Tuần Vũ quan phòng, hạ chức là Phan Huy Quán, kính cẩn phúc trình:

Thái tử Thiếu bảo Võ Hiển điện Đại học sĩ Khâm sai Bắc kỳ Kinh lược Đại sứ Diên Mậu Tử, tôn tiến công đại tiền hy chúc.

Xin kính trình ngài về hiện tình về tình hạt tôi:

Gần đây bọn Phan Đình Phùng sai đồ đảng lên về vùng thượng du. Sau khi thương thảo với quý vị Khâm sai, đã cho binh lính đuổi theo. Ngày mùng tám tháng này. Tỉnh tôi có nhận được thư báo của quan Đại úy; theo đó một tên dân tỉnh Quảng Bình, Lãnh binh của ngục, tên là Khuê, về đầu thú đã tiêu xưng rằng: Ngày 13 tháng trước, Phan Đình Phùng đã bị đạn mà chết. Y cũng đã dẫn tới xem xét tình hình tại nơi chôn. Ngày hôm nay, lại tiếp Quyển lĩnh Niết sứ tỉnh tôi là Nguyễn... trình báo rằng: Hôm vừa rồi quý quan binh đã đem áo quan Phan Đình Phùng về để tại đồn Linh

Cảm, đồng thời sức cho y viên cùng với Tán lý là Lê hội đồng với quý quan tới kiểm nghiệm:

Áo quan này là một thân cây đực rỗng bên trong, trên có phủ một lá cờ bằng lụa đỏ chùng bảy vòng, với hàng chữ đỏ như sau: “Hoàng triều Bính Tý khoa Cử nhân, Đinh Sửu khoa Đinh nguyên Tiến sĩ, có phụ Tư thiện Đại phu, An Tĩnh Tổng đốc sung kiêm Đốc chư tỉnh Quân vụ đại thần, gia tứ Bình trung tướng, tỵ Tồn Cát, thụ Trang Lạng, hiệu Châu Phong, Phan công chi cửu”.

Mở hòm ra khám, thấy dài ước bốn thước, tuổi ước trên dưới 50, đầu tóc ngắn, râu dài ước chừng bốn tấc; đầu một nửa đã bạc. Miệng và mắt đều mở. Tiểu liệt và đại liệt đều dùng lụa sống. Đầu chít khăn sa màu đỏ. Mặt đầy một vòng đoạn đỏ. Hai tay đều bọc đoạn đỏ, hai chân bọc đoạn trắng. Ngoài mặc đoạn Tàu sắc lục; một chiếc áo rộng ống; lại tới một chiếc áo hẹp ống bằng sa mịn màu xanh, tiếp đó là áo bằng xuyên trắng. Bên trong là chiếc áo lụa, phần dưới vấn lụa trắng sống. Ngón cái tay mặt phân làm ba chi; chi trong cùng liền xương; một chi thịt đã rữa. Lưng vấn sa màu xanh, ước mười vòng, cùng với lụa cũng chừng mười vòng.

Sau khi chất vấn các hào cự cùng tộc thuộc ở thôn Đông Thái, tất cả đều xác nhận rằng đây là thi thể của ngụy Phùng. Vâng lệnh của vị đại thần qua phi chương (?), đối với các tên cử mục ngụy, nghĩ nên có *sự hỏa táng* cho có sự phân biệt.

Chúng tôi đã sức cho phủ Đức Thọ liệu biện củi lửa đầy đủ, đem áo quan ra nơi đất trống hỏa phần. Sáng nay vâng lệnh, phó lãnh binh Nguyễn... đã hội đồng với các phái quan của quý tòa cùng với nhân viên phủ Đức Thọ đã tới để liệu biện việc hỏa phần này.

Nay kính trình

Thành Thái năm thứ bảy tháng 12 ngày mùng 9” (Tập san *Sử Địa*, sđd, tr.238).

Cũng cần nói thêm, khi biên dịch *Đại Nam thực lục chính biên, Đệ lục kỷ phụ biên* xuất bản năm 2011, dịch giả Cao Tự Thanh đã phát hiện những nhận định sai lầm về cái chết của Phan Đình Phùng có từ trước.

Trong phần phụ lục ông viết:

“*Trên phương diện sử liệu, Chính biên đệ lục kỷ phụ biên chứa đựng nhiều thông tin hay lạ, có thể giúp những người đọc sách điều chỉnh nhận thức, giải tỏa thiên kiến trước nay về nhiều sự kiện và nhân vật lịch sử. Chẳng hạn chi tiết Nguyễn Thân cho đào mộ Phan Đình Phùng “đốt*

xác, trộn tro với thuốc súng, bắn xuống sông Lam” mà trước nay nhiều người vẫn sao đi chép lại của nhau hoàn toàn là một câu chuyện hư cấu. Điều 0629 cho biết sở dĩ quân Pháp (không phải quân của Nguyễn Thân) đào mộ Phan Đình Phùng lên là nhằm khám nghiệm để xác nhận tử thi, và căn cứ vào dấu vết đặc biệt trên cơ thể ông (bàn tay phải có sáu ngón), họ đã xác định được đó đúng là Phan Đình Phùng, sau đó có lẽ đã ra lệnh cho gia đình và làng xóm thiêu hóa để tránh gây ra những xáo trộn chính trị, đồng thời cũng giữ vệ sinh, nên mới có báo cáo thứ hai nói ‘nhận được tin quan Một về đồn đòi họ hàng làng xóm lên khai, khám ra quả là tên giặc ấy đã được thiêu hóa’...” (ĐNTL, sđd, tr.21).

Trang chép về Phan Đình Phùng trong *Đại Nam thực lục*. Nguyễn văn trong *Thực lục* như sau:

“*Trước đó Đình Phùng đã chết, quan binh Đại Pháp đến nơi khám xét, xác nhận xong, trước tiên gửi điện văn báo hai lần (Một lần nói quân thứ Quảng Bình báo tin bắt được Đốc binh giặc Vi méo khai: ‘Đình Phùng ngày 11 trước đây bị thương, ngày 13 chết’; lại nhận được tờ tư của quý Khâm sai đại thần nói quan binh Pháp tới nơi tìm được quan tài của Đình Phùng, khám đúng là bàn tay phải có ngón thừa, cùng việc Chánh Lãnh binh Khuê của giặc tới quân thứ ấy xin đầu thú. Một nói nhận được tin quan Một về đồn đòi họ hàng làng xóm lên khai, khám ra quả là xác tên giặc ấy đã được thiêu hóa’...” (ĐNTL, sđd, tr.242).*

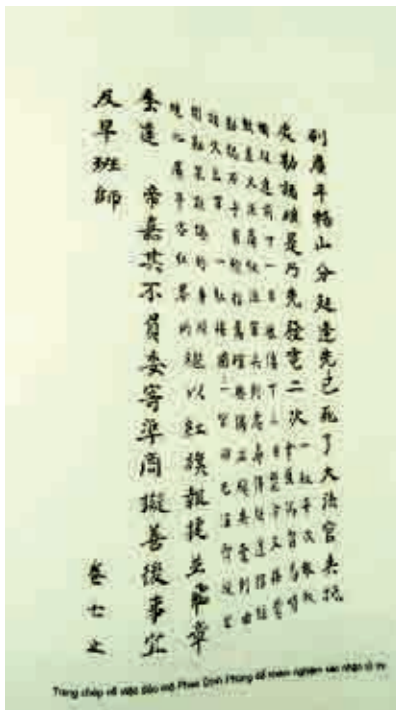
Tóm lại, qua các tài liệu dẫn chứng ở trên, ta thấy Phan Đình Phùng đã bị trúng đạn của quân Pháp và sau

đó đã hy sinh. Sau khi được an táng, mộ ông đã bị quân Pháp khai quật để xác minh sự thật; sau đó thi hài ông đã được hỏa táng. Do đó có thể xác định rằng chuyện kể Nguyễn Thân đào xác Phan Đình Phùng, đốt lấy tro trộn vào thuốc súng, bắn xuống sông của tác giả Đào Trinh Nhất đã thuật lại hơn 80 năm trước chỉ là hư cấu, không có cơ sở lịch sử.

Lịch sử lên án Nguyễn Thân phản quốc, làm tay sai cho giặc để đàn áp phong trào kháng chiến, nhưng có thể nào dựng nên một câu chuyện mà y không làm để kết tội? ■

Tài liệu tham khảo:

- Phan Đình Phùng, Đào Trinh Nhất, Nxb Tân Việt, 1950.
- Tập san *Sử Địa* số 27-28, tháng 12/1974, Đại học Sư phạm Sài Gòn.
- *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*, QSQTN, Cao Tự Thanh biên dịch, Nxb VHVN, 2011.



Nghệ thuật sử dụng điển cố trong Thơ mới

CÔNG TRÍ - HUYỀN TRẦN

Điển cố được sử dụng có chủ đích và đem lại nhiều giá trị thẩm mỹ độc đáo cho Thơ mới. Trong phạm vi giới hạn, bài viết bước đầu khảo sát, thống kê, phân loại hệ thống điển cố được viện dẫn trong Thơ mới (qua các tác phẩm tiêu biểu được Hoài Thanh - Hoài Chân tuyển chọn, đưa vào *Thi nhân Việt Nam*); chỉ ra một số giá trị thẩm mỹ quan trọng của chúng để qua đó khẳng định Thơ mới không hề đoạn tuyệt với “thơ cũ” mà vẫn kế tục thơ ca truyền thống để vươn tới những giá trị mới.

1. Điển cố - Nhịp cầu nối giữa Thơ mới và thơ ca truyền thống

Khi các nhà Thơ mới tuyên bố chiến thắng thơ cũ và Thơ mới bắt đầu chiếm giữ vị trí chủ soái trên thi đàn Việt Nam những năm 30, 40 của thế kỷ trước, người ta nghĩ rằng thơ ca cũ đã đến hồi cáo chung, một trào lưu thơ ca mới ra đời sẽ đoạn tuyệt hoàn toàn với những “ngôn chí”, “thuật hoài” cùng những niêm, đối, vần, luật của thơ ca truyền thống.

Thật vậy, Thơ mới chịu ảnh hưởng sâu sắc của thơ phương Tây hiện đại, đặc biệt là thơ Pháp. Khước từ những thi liệu có tính ước lệ, sáo mòn của thơ phương Đông, các nhà thơ mới đã học hỏi ở chân trời văn chương mới những nguồn cảm hứng mới, cách diễn đạt mới, đem đến cho thơ ca một cái tôi mới mẻ, lạ lẫm. Thế nhưng, Thơ mới vẫn chưa hoàn toàn thoát ra khỏi quán tính của thơ cũ. Nghĩa là, những âm hưởng của thơ ca truyền thống (lối thơ bảy chữ, cách gieo vần, luật bằng trắc...) vẫn còn vang vọng trong bút pháp của các tác giả Thơ mới, thậm chí cả trong sáng tác của Xuân Diệu, người được xem là “nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới” (Hoài Thanh). Một trong những biểu hiện cho điều này là việc các tác giả Thơ mới vẫn thường xuyên chủ động dẫn dụng điển cố với số lượng khá lớn trong các tác phẩm của mình.

Điển cố, theo Đoàn Ánh Loan, “là những từ ngữ về chuyện xưa, tích cũ, về tư tưởng, hình tượng trong sách xưa được tác giả dùng làm phương tiện để diễn đạt ý tưởng một cách ngắn gọn, hàm súc”. Đây là một trong những biện pháp tu từ quen thuộc, phổ biến của các tác gia trung đại, làm nên đặc trưng của truyền thống thơ ca phương Đông nói chung, thơ Việt Nam trung đại nói riêng.

Thơ mới nằm trong dòng chảy của thơ ca dân tộc, chắc chắn có sự kế thừa, tiếp thu từ thơ ca truyền thống. Tưởng như Thơ mới đã đoạn tuyệt với thơ cũ nhưng hóa ra, giữa trào lưu thơ ca lãng mạn này với thơ truyền thống vẫn có những mối liên hệ mật thiết. Có những nhịp cầu thơ ca đã nối liền hai bờ hiện đại và truyền thống, đưa những giá trị của thơ ca truyền thống đến với Thơ mới, làm giàu cho Thơ mới và chấp cánh cho Thơ mới bay tới những phương trời mới lạ. Điển cố là một nhịp cầu như thế.

2. Điển cố - Một chủ ý nghệ thuật của các tác giả Thơ mới

Trong xu thế chung khi văn học hiện đại ra đời, điển cố cùng bút pháp ước lệ, tượng trưng của văn học trung đại dường như bị khước từ, chối bỏ. Bởi điển cố vốn mơ hồ, nặng nề, khó hiểu, như là một món đồ cổ cũ kỹ, lỗi thời bị bụi thời gian phủ mờ, chỉ có thể ngắm nhìn mà không biết dùng vào việc gì cả. Đây là lý do để nhiều người cho rằng việc điển cố xuất hiện trong Thơ mới chỉ là điều ngẫu nhiên. Việc dụng điển trong Thơ mới được xem là do thói quen ngôn ngữ (nhiều điển cố vẫn được sử dụng phổ thông trong đời sống ngôn ngữ hiện đại) chứ không hề có bất cứ chủ đích nào.

Có thể khẳng định rằng quan niệm trên là phiến diện, cảm tính. Bởi các tác giả Thơ mới, dù phần lớn đều xuất thân Tây học, đều dẫn dụng điển cố vào sáng tác của mình một cách chủ động, hoàn toàn có ý đồ nghệ thuật. Vì những lý do sau đây.



Thứ nhất, điển cố được sử dụng trong Thơ mới với số lượng lớn, tần số khá cao, mật độ rất đồng đều. Khảo sát 167 bài thơ trong Thi nhân Việt Nam, chúng tôi thống kê được 136 điển với tổng số 149 lượt xuất hiện. Như vậy, trung bình có 0,9 điển/1 bài. Hầu như tác phẩm nào cũng có điển cố được vận dụng.

Thứ hai, điển cố được được dẫn dụng trong Thơ mới một cách linh hoạt, phong phú. Trên tiêu chí nội dung, trong hệ thống điển cố được viện dẫn trong Thơ mới, điển lịch sử chiếm 28,5%; điển văn hóa chiếm 43,9%; điển văn học chiếm 27,6%. Trên tiêu chí hình thức ngôn ngữ, điển dạng một từ chiếm 78%; điển dạng cụm từ chiếm 15,5%; điển dạng thành ngữ chiếm 1,2%; điển câu dạng một câu chiếm 4,1%; điển dạng hai câu chiếm 1,2%. Trên tiêu chí âm đọc, điển cố âm Hán Việt chiếm 57,5%; điển cố âm bán Hán Việt chiếm 30,1%; điển cố âm thuần Việt chiếm 12,4% tổng số điển. Rõ ràng, các điển được sử dụng rất đa dạng, có đầy đủ các tiểu loại của điển dựa trên những tiêu chí khác nhau.

Thứ ba, điển cố mang đến nhiều giá trị thẩm mỹ độc đáo, mới lạ cho Thơ mới. Trong đó, tiêu biểu nhất là giá trị trên các phương diện hình ảnh, giọng điệu, ngôn ngữ thơ.

3. Giá trị thẩm mỹ của điển cố trong Thơ mới

Điển cố mang trong mình những đặc trưng của một biện pháp tu từ độc đáo, đặc thù của văn học trung đại. Đó là các tính chất hàm súc, cô đọng, khái quát,

tính hình tượng, tính liên tưởng. Cũng giống như từ Hán Việt, điển cố thường mang sắc thái cổ kính, trang trọng, thanh nhã... Phát huy được những lợi thế này, các tác giả Thơ mới đã tỏ ra khá thành công trong việc sử dụng điển cố hiện thực hóa ý đồ nghệ thuật cũng như nói thay những tâm trạng, cảm xúc của mình.

Đối với hình ảnh thơ, với đặc trưng giàu tính hình tượng và sức liên tưởng, điển cố đã góp phần làm cho hình ảnh trong Thơ mới thêm phong phú, sinh động, giàu sức biểu cảm. Chối bỏ hiện thực bế tắc, các nhà thơ tìm đến thế giới của ước mơ, lý tưởng, cõi tiên. Các điển *Thiên Thai, Bồng Lai, suối Đào, Đào nguyên, Nhược thủy, Nhược gia, Ngân Hà*,... phần nào làm cho hình ảnh thiên nhiên trong Thơ mới thêm lung linh, huyền ảo, đậm chất thần tiên, thi vị, ví như trong câu:

Trời cao xanh ngắt. - Ô kìa

Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.

(*Tiếng sáo Thiên Thai - Thế Lữ*)

Hay:

Cho hồn mơ lướt tới cõi u uyên

Nơi suối Đào nao nao trong vắt chảy.

(*Anh nga - Huy Thông*)

Bồng Lai - một vùng đất truyền thuyết trong thần thoại Trung Quốc và *Liệt tử Xung Hư chân kinh*, chỉ nơi tiên ở. *Suối Đào* bắt nguồn từ *Đào hoa nguyên ký* của Đào Tiềm, cũng chỉ cho cõi tiên... Đó là những nơi tiên cảnh mông lung, huyền diệu, lấp lánh ánh sáng, màu sắc của sự bình yên, xa rời thời cuộc, lánh khỏi bụi trần.

Buồn chán thực tại, quay lưng lại với xã hội, các nhà Thơ mới tìm về quá khứ vàng son của thế giới "một đi không trở lại" với cảm hứng hoài cổ, tiếc thương. Các điển nhân danh chỉ cho những trang giai nhân tài tử như *Lộng Ngọc, Tiêu Lang, Đường Minh Hoàng, Dương Quý Phi, Bao Tự, Ly Cơ, Vương Chiêu Quân, Tây Thi*... vừa nói thay tâm sự của nhà thơ, vừa làm cho hình ảnh con người trong Thơ mới trở nên đẹp đẽ, đậm chất lãng mạn, ví như:

Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi

Tôi mê Ly Cơ hình nhíp nhàng

Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng

Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi.

(*Nhị Hồ - Xuân Diệu*)

Trên phương diện giọng điệu thơ, điển cố với tính chất trang trọng, cổ kính, ngưng đọng thích hợp với việc thể hiện những tình cảm mang sắc thái buồn. Thơ mới nhìn chung mang nhiều giọng điệu, mỗi nhà thơ là một giọng rất riêng, thậm chí trong sáng tác của mỗi người, tính chất đa giọng điệu cũng được thể hiện rõ. Thế nhưng, giọng điệu chung của Thơ mới là buồn thương, chán chường, thất vọng, tiếc nuối, dớn dàu. Việc hình thành những giọng điệu mang sắc thái âm tính này có sự đóng góp rất lớn của các điển cố, đặc

biệt là những điển tự thân đã mang nội dung là những câu chuyện buồn.

Chẳng hạn, điển *dây loan* (biến thể của điển *keo loan*, tức keo làm bằng máu chim loan, nhắc lại chuyện Đào Cốc và Tần Nhược Lan yêu nhau nhưng phải cách xa, chỉ cho sự gắn bó trong tình yêu) đã góp phần thể hiện giọng điệu buồn thương, xót xa khi tình yêu tan vỡ trong bài thơ *Anh biết em đi...* của Thái Can:

*Em nhớ làm chi tiếng ái ân
Đàn xưa đã lỡ khúc dương cầm
Dây loan chẳng đượm tình âu yếm
Em nhớ làm chi tiếng ái ân.*

Hay như các điển:

*Người đẹp vẫn thường hay chết yểu
Thị nhân đầu bạc sớm hơn ai.*

Dịch và biến thể từ câu thơ cổ của Trung Hoa:

*Giai nhân tự cổ như danh sĩ
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu.*

Người đẹp từ xưa như kẻ giỏi
Không để nhân gian thấy bạc đầu.

Và *bạc mệnh* (lấy trong câu *Hồng nhan bạc mệnh*) có nội dung về vấn đề định mệnh cùng sắc thái biểu cảm âm tính đã góp phần thể hiện thành công giọng điệu thất vọng, buồn đau, bế tắc của thi nhân trước nỗi đau thân phận con người và những số phận sắc tài lận đận:

*Người đẹp vẫn thường hay chết yểu
Thị nhân đầu bạc sớm hơn ai
Ba xuân muôn thắm thêu càn biếc
Bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi*

(*Hoa bạc mệnh* - J. Leiba)

Cùng với hình ảnh và giọng điệu thơ, *ngôn ngữ* trong Thơ mới cũng đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nếu ảnh hưởng của tiếng Pháp đem đến cho Thơ mới lớp ngôn từ và cách diễn đạt “tân kỳ”, mới lạ, thì từ Hán Việt, điển cố, như là một đối trọng đến từ thơ ca truyền thống, lại góp phần mang đến cho ngôn ngữ Thơ mới vẻ đẹp sang trọng, trang nhã, cổ kính, hàm súc và đa nghĩa. Điều này có nguyên nhân từ bản chất của điển cố. Điển vốn mang trong mình tình khái quát, cô đọng (hàm lượng thông tin lớn trong một hình thức cực hạn với một hai từ, nhiều nhất cũng chỉ một hai câu thơ), chặt lọc từ những giai thoại được người đời truyền tụng, những lời hay ý đẹp, hàm chứa những chiều sâu lịch sử, văn hóa, lại mang tính liên tưởng cao (để hiểu được một điển đòi hỏi người đọc ngoài vốn hiểu biết phong phú còn phải có khả năng liên tưởng, tưởng tượng tốt). Với những đặc tính này, bao giờ điển cũng tỏ ra sở trường trong việc kiến tạo một lớp ngôn ngữ mang màu sắc cổ điển.

Chẳng hạn, hai điển địa danh *Phong Kiều* (tên một bến thuyền nổi tiếng, gắn liền với bài thơ *Phong Kiều dạ bạc* của Trương Kế) và *Xích Bích* (tên một con sông gắn với sự kiện Tào Tháo bại trận tại đây, được nhắc lại trong bài *Tiền Xích Bích phú* của Tô Đông Pha) vừa bằng lăng màu sương khói, vừa phảng phất chuyện cũ thuở xưa, cùng với câu thơ Đường luật bảy chữ và nhiều từ Hán Việt được huy động sử dụng... đã làm cho câu thơ của Quách Tấn như ngưng đọng, mang đậm sắc thái cổ kính, trang trọng:

*Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mơ màng.
(Đêm thu nghe quạ kêu - Quách Tấn)*

Hay như ở khổ thơ thứ tư bài *Mùa xuân chín*, Hàn Mặc Tử sử dụng điển thơ ca *sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời* (lấy trong câu thơ cổ của Trung Hoa:

*Phương thảo liên thiên bích
Lê chi sở điểm hoa;*

sau này Nguyễn Du cũng sáng tạo lại trong *Truyện Kiều* thành hai câu lục bát tài hoa:

*Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa,*

để gợi nên một không gian thoáng đãng, tươi mát:

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thiếu nữ hát trên đồi.*

Điển này có độ dài về hình thức ngôn ngữ lớn (điển dạng một câu thơ bảy chữ), sử dụng toàn bộ là từ thuần Việt (có sở trường trong việc miêu tả cái cụ thể, sống động), gợi liên tưởng về một không gian thoáng, rộng, xanh mát... Tất cả những điều này đã góp phần làm cho ngôn ngữ bài thơ thêm thanh nhã, thi vị.

Có thể nói, điển cố được sử dụng trong Thơ mới một cách linh hoạt, đa dạng, có chủ đích, với số lượng khá lớn, mật độ xuất hiện khá đồng đều, đem lại nhiều hiệu quả thẩm mỹ bất ngờ, độc đáo. Đây là một trong các biểu hiện của việc học tập, kế thừa từ thơ ca truyền thống của các tác giả Thơ mới. Chính điều này đã góp phần giúp Thơ mới đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, trở thành một trào lưu thơ ca đặc biệt của lịch sử văn học dân tộc ở thế kỉ XX. ■

Tài liệu tham khảo chính:

1. Lê Thị Anh (2007), *Thơ mới với thơ Đường*, Nxb Văn Học, H.
2. Hoài Thanh - Hoài Chân (2006, tái bản), *Thị nhân Việt Nam*, Nxb Văn Học, H.
3. Hà Minh Đức (1997), *Một thời đại trong thi ca*, Nxb Văn Học, H.
4. Đinh Gia Khánh (chủ biên, 1977), *Điển cố văn học*, Nxb KHXH, H.
5. Đoàn Ánh Loan (2003), *Điển cố và nghệ thuật sử dụng điển cố*, Nxb ĐHQG TP.Hồ Chí Minh, TP.HCM.



Cửa vào bại vong

NGUYỄN TÂM

Kinh *Bại vong* (*parābhavasutta*) nằm trong Kinh Tập thuộc *Tiểu Bộ* là một bài kinh nêu rõ những nguyên nhân đưa đến thất bại khổ đau cho đời sống người tại gia cư sĩ. Đối lập với bài kinh *Điểm lành tối thượng* nói về những phẩm hạnh cao quý, những việc làm chân chính giúp cho người tại gia thiết lập đời sống hạnh phúc an lạc, kinh *Bại vong* cảnh báo về những hạnh kiểm thấp kém, những việc làm bất chánh khiến cho người cư sĩ rơi vào vòng lao đao khổ não, gặp nhiều bất hạnh khổ đau trong đời sống cá nhân, đời sống gia đình, đời sống xã hội. Chữ *parābhava* trong tiêu đề bài kinh có nghĩa là thất bại, sụp đổ, bại hoại, bại vong, tan thành mây khói,

ngụ ý kết quả thất bại hiện tại và khổ báo tương lai của lối sống mê lầm sai trái mà con người thể hiện trong cuộc đời. Bài kinh thuộc thể văn kệ, là một cuộc vấn đáp giữa vị Thiên nhân và Đức Phật về lý do vì sao người cư sĩ gặp nhiều thất bại khổ não trong cuộc đời.

Mở đầu bài kinh, vị Thiên nhân thưa với Đức Phật:
*"Về bại vong con người, Con hỏi Gotama!
 Con đến hỏi Thế Tôn, Cửa vào của bại vong?"*

Đáp lời vị Thiên nhân hỏi về lý do thất bại của con người, bậc Giác ngộ tuần tự nêu rõ:

*"Thật dễ hiểu thành công, Thật dễ hiểu bại vong,
 Ưa mến pháp, thành công, Thù ghét pháp, bại vong"*

*"Ai mến kẻ bất thiện, Không ái luyến bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện, Chính cửa vào bại vong".*

*"Người tánh ưa thích ngủ, Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phẫn nộ, Chính cửa vào bại vong".*

*"Ai với mẹ hay cha, Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ, Chính cửa vào bại vong".*

*"Ai nói dối lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn
Hay các khổ sĩ khác, Chính cửa vào bại vong".*

*"Người giàu có tài sản, Có vàng bạc thực vật,
Hưởng vị ngọt một mình, Chính cửa vào bại vong".*

*"Người tự hào về sanh, Về tài sản, dòng họ,
Khinh miệt các bà con, Chính cửa vào bại vong".*

*"Người đắm say nữ nhân, Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí, mọi lợi sắc, Chính cửa vào bại vong".*

*"Không vừa đủ vợ mình, Được thấy giữa dân nữ,
Được thấy với vợ người, Chính cửa vào bại vong".*

*"Người trẻ tuổi đã qua, Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được, Chính cửa vào bại vong".*

*"Đàn bà, hay đàn ông, Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế, Chính cửa vào bại vong".*

*"Tài sản ít, ái lớn, Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vị, Chính cửa vào bại vong".*

*"Bại vong này ở đời, Bậc trí khéo quán sát,
Đây đủ với chánh kiến, Sống hạnh phúc ở đời".*

Trước hết, Đức Phật xác nhận rất rõ căn nguyên của thành công và cội rễ của thất bại. Đó là yếu mền pháp thì thành công, thù ghét pháp thì thất bại. Con người sống ở đời lấy pháp mà ước lượng thì hiểu được lối sống nào là thành công, lẽ sống nào đưa đến thất bại. Pháp ở đây là chân lý, là thiện pháp, thiện hạnh, thiện nghiệp, tức những suy nghĩ chân chánh hiển thiện, những lời nói chân chánh hiển thiện, những việc làm chân chánh hiển thiện, được áp dụng và thể hiện bởi con người, bởi mỗi cá nhân, có khả năng đưa đến lợi lạc cho mình và lợi lạc cho người khác. Do pháp là chân lý, là lẽ sống chân chánh hiển thiện; vì vậy mà người nào yêu mến pháp thì người đó sẽ có thành công, sẽ thực thi lẽ sống chân chánh hiển thiện đưa đến thành công, đưa đến hạnh phúc an lạc. Trái lại, người nào thù ghét pháp, tức không yêu mến chân lý, không quý trọng lẽ sống chân chánh hiển thiện, sống trái ngược với thiện pháp, thì người đó sẽ thất bại, sẽ rơi vào khổ đau bất hạnh lâu dài.

Tiếp theo, Đức Phật nêu rõ các biểu hiện tiêu cực của lối sống thù ghét pháp, được xem như những nguyên nhân đưa đến thất bại khổ đau cho con người sống ở trên đời.

Thứ nhất: *"Ai mến kẻ bất thiện, Không ái luyến bậc thiện, Thích pháp kẻ bất thiện, Chính cửa vào bại vong".* Đây là lời cảnh báo của bậc Giác ngộ về khuynh hướng bất thiện được thể hiện trong đời sống của con người, tức là tỏ ra yêu mến kẻ bất thiện, không quý mến bậc thiện, thích giao du với kẻ bất thiện, nghe theo kẻ bất thiện, chạy theo lối sống xấu ác của kẻ bất thiện. Đạo Phật gọi người có khuynh hướng bất thiện như vậy là kẻ bất chánh, tức là người có các phẩm hạnh bất chánh như không có tín tâm, không có tâm quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ; thích giao du với những kẻ bất chánh; sống theo tà kiến; áp dụng các suy tư bất chánh đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai; có các tư lường bất chánh đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai; thể hiện lời nói bất chánh như nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm; làm các hành động bất chánh như sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục¹. Chính khuynh hướng bất thiện hay lối sống sai trái xấu ác này là nhân tố đưa đến thất bại và khổ đau lâu dài cho con người, cả đời này và nhiều đời sau.

Tiếp đến, bậc Giác ngộ lưu ý về lối sống biếng nhác tiêu cực đưa đến thất bại khổ não cho đời sống con người. Ngài nhấn mạnh: *"Người tánh ưa thích ngủ, Thích hội chúng, thụ động, Biếng nhác, thường phẫn nộ, Chính cửa vào bại vong".* Rõ ràng, người mà thích ăn nhiều ngủ nhiều, sống biếng nhác, không siêng năng làm việc, thích tụ hội những nơi đình đám và có tánh tình dễ phẫn nộ tức là người chỉ biết ăn không ngồi rồi, sống lầy lết qua ngày một cách uổng phí, không có chí hướng cầu tiến, không có mục đích nào tốt đẹp để theo đuổi. Một người có lối sống tiêu cực biếng nhác như vậy thì không tránh khỏi rơi vào vòng đao lao khổ não, đi từ thất bại này đến thất bại khác.

Một dấu hiệu khác của thất bại trong cuộc đời là thái độ không nhớ ơn, không trả ơn, tức không hiểu kính đối với cha mẹ, tuy giàu có mà lơ là việc chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha: *"Ai với mẹ hay cha, Già yếu, tuổi trẻ hết, Tuy giàu không giúp đỡ, Chính cửa vào bại vong".* Con người sống ở đời quan trọng nhất là thực thi hai chữ hiếu nghĩa, vì hiếu nghĩa là hành vi hướng thiện cho con người, giúp nâng cao đạo đức của con người, nuôi lớn tâm thức chân thiện của con người, là nhịp cầu gắn kết mọi người từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này đến đời khác, khiến cho lòng người được hân hoan, được ấm lại. Trong gia đình mà con cái sống có hiếu thảo với cha mẹ thì gia đình được ấm êm, các thành viên trong gia đình đều hưởng được không khí vui vẻ thuận hòa; khi gia đình được êm ấm hòa thuận thì con người ta sẽ có được tâm tư thoải mái, sẽ có được cuộc sống an vui, làm việc gì cũng chuyên tâm trí chí, không

phân tâm, không lơ là, để đi đến thành công. Trái lại, phận làm con mà không chu toàn chữ hiếu thì gia đình không ấm êm hòa thuận; khi gia đình không vui vẻ hòa thuận thì đời sống con người sẽ rơi vào phiền muộn mệt mỏi, có làm việc gì cũng không toàn tâm toàn ý, khó tránh khỏi thất bại. Đó là lý do Đức Phật khuyên mọi người phải biết hiếu kính phụng dưỡng cha mẹ, không nên lơ là việc chăm sóc cha mẹ. Vì phận làm con mà bỏ rơi cha mẹ già yếu, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ cha mẹ thì thất bại nhiều thứ: đánh mất tình thương, bại hoại thanh danh, tổn hại công đức, gia đình không đầm ấm, không nêu gương tốt cho con cái, không được mọi người quý mến tôn trọng.

Một biểu hiện khác của lối sống sai trái đưa đến thất bại trong cuộc đời là thái độ dối gạt người khác, nhất là lừa dối những người chân thật: *"Ai nói dối lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn, Hay các khát sĩ khác, Chính cửa vào bại vong"*. Dối gạt là hành vi bất chánh, có động cơ là tham-sân-si, khiến đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai. Vì tham lam hay sân hận mà người ta nói những điều không thật hay làm những việc giả dối nhằm đánh lừa người khác, khiến cho người khác rơi vào bất hạnh khổ đau. Kinh Phật nói rằng vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi nào đó mà con người cố tình dối gạt người khác theo cách: dấu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết" hay dấu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết" hay dấu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy" hay dấu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"². Rõ ràng, hậu họa lâu dài của thái độ dối gạt thì rất khó lường, nhưng kết quả trước mắt của lối sống lường gạt người khác là tự mình đánh mất niềm tin và lòng tôn trọng của người khác, không ai muốn gần gũi giao thiệp, không được mọi người tín nhiệm.

Một biểu hiện tiêu cực khác nữa đưa đến tổn thất cho đời sống người gia chủ là tính keo rít bòn sẻn, có tiền của dư thừa mà không biết chia sẻ hay giúp đỡ cho người khác: *"Người giàu có tài sản, Có vàng bạc, thực vật, Hưởng vị ngọt một mình, Chính cửa vào bại vong"*. Đây là lối sống tự co cụm lại của kẻ vị kỷ, có tâm tư xan tham keo kiệt, xem trọng tài sản vật chất, chỉ biết no say trong lối sống thụ hưởng tài vật, không tìm thấy niềm vui nào khác ngoài đồng tiền của mình, không biết sử dụng tài sản để mở rộng hạnh phúc, để tạo dựng tương lai tốt đẹp. Rõ ràng, người chỉ biết cuộn tròn trong tấm chăn tài vật thì đời sống chẳng cao sang chút nào, không ai muốn chung vui, chẳng ai thèm chia buồn. Đạo Phật gọi kẻ có lối sống xan tham keo kiệt như vậy là "người dùng thức ăn dư thừa" hay "kẻ sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối", nghĩa là chỉ biết thụ hưởng phước báo đã có được trong hiện tại mà không biết vận dụng điều kiện may mắn ấy để tiếp tục nuôi dưỡng và tích tập phước báo cho ngày mai, cho đời sau. Kinh *Pháp Cú* dạy như vậy: *"Keo kiệt*

*không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí; Người trí thích bố thí, Đời sau, được hưởng lạc"*³.

Tương tự kẻ giàu có mà thiếu sáng suốt, tự đóng lại các cánh cửa hạnh phúc của đời mình vì bòn sẻn, người may mắn được sanh ra trong gia tộc phú quý mà cống cao ngã mạn về vấn đề thọ sanh, về tài sản và dòng tộc, có thái độ chê khinh các bà con thì cũng tự mời gọi nhiều tổn thất khổ não. Thứ nhất, có ít bà con, ít người thân thuộc; vì thái độ cống cao ngã mạn và chê bai của người ấy khiến nhiều người không mến thích, không quý trọng, không muốn thân cận, thậm chí những kẻ bà con quyến thuộc cũng tìm cách xa lánh, không muốn gần gũi. Thứ hai, tích tập cho mình các lễ thói bất chánh, không tốt đẹp, đưa đến hậu quả khổ đau; vì thái độ cống cao ngã mạn và khinh thị của vị ấy không gì khác là biến thái của các độc tố tham-sân-si, làm hoen ố tâm thức, khiến tạo ra các ác nghiệp quyết định đến tương lai bất hạnh của người ấy trong các đời sau. Chính vì hai lý do này mà bậc Giác ngộ mới nhắc nhở: *"Người tự hào về sanh, Về tài sản, dòng họ, Khinh miệt các bà con, Chính cửa vào bại vong"*. Trong cách nhìn của Đức Phật thì sự sống là bất định, giống như một dòng chảy, cứ thay đổi liên tục và không dừng lại ở đâu cả; vì thế đời người là tương đối và giá trị của nó nằm ở chỗ con người sống thế nào để cho dòng đời ấy càng ngày càng được trong sáng và lợi lạc, chứ không phải vì một thoáng may mắn nào đó mà sinh tâm ngã mạn làm cho dòng đời ấy thành ra ô uế và rơi vào bất hạnh.

Một nguyên nhân khác đưa đến nhiều tổn hại cho đời sống người gia chủ là đắm mình trong men nữ nhân, men rượu, men cờ bạc, khiến phung phí tài sản và tiêu tán sự nghiệp: *"Người đắm say nữ nhân, Đắm say rượu, cờ bạc, Hoang phí mọi lợi sắc, Chính cửa vào bại vong"*. Đây hẳn là lời cảnh báo hữu ích dành cho người tại gia có đời sống gắn liền với các hoạt động phức tạp của xã hội. Xã hội là nơi mà con người có thể đạt được danh vọng và địa vị nhưng cũng là nơi làm tiêu tán cuộc đời và sự nghiệp của con người. Nhưng vấn đề thành bại của con người không phải do xã hội mà do con người quyết định. Người biết xem trọng giá trị đạo đức nhân sinh thì sẽ biết đóng lại các cánh cửa làm tiêu tán tài sản và sự nghiệp, tức không đam mê đàn bà; không đam mê rượu chè; không đam mê cờ bạc; không bạn bè với kẻ ác, thân hữu với kẻ ác, giao du với kẻ ác⁴. Nhưng người thiếu tỉnh giác và sống phóng dật thì khó tránh khỏi các cạm bẫy muôn thuở của đời sống phức tạp xã hội, tức rơi vào mê say đàn bà; mê say rượu chè; mê say cờ bạc; bạn bè với kẻ ác, thân hữu với kẻ ác, giao du với kẻ ác, khiến bại hoại thanh danh, tiêu tán tài sản và sự nghiệp.

Một chứng tật khác khiến cho đời sống người gia chủ rơi vào vòng lao đao khổ não là thói quen ham thích chuyện ong bướm: *"Không vừa đủ vợ mình, Được thấy giữa dâm nữ, Được thấy với vợ người, Chính cửa vào bại vong"*. Đây là lối sống phóng dật của hạng người



không biết tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của mình, không tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người khác, rơi vào các hành vi quan hệ bất chánh, khiến hôn nhân đi đến đổ vỡ, gia đình ly tán, gây nên nhiều thương tổn cho gia đình mình và gia đình người khác. Kinh *Pháp Cú* nói rằng có bốn tai họa xảy ra cho người sống phóng dật chạy theo vợ của người khác, đó là tự chuốc họa vào thân, ngủ không yên giấc, bị mọi người chê cười, đọa vào địa ngục sau khi chết⁵.

Đối với hạng người có thói trăng hoa, bậc Giác ngộ cảnh báo về một việc làm thiếu cân nhắc khiến cho người ấy tự chuốc lấy nhiều phiền muộn khổ sở trong đời sống, đó là cậy mình có quyền thế và tài sản mà sở hữu nhiều thê thiếp: *"Người trẻ tuổi đã qua, Cưới cô vợ vú tròn, Ghen nàng không ngủ được, Chính cửa vào bại vong"*. Nhiều thê thiếp thì lắm phiền muộn. Con người ta sống ở đời cần nhất là có được thân khỏe tâm an. Nhưng người tuổi đã già mà để cho việc ghen tức làm cho mất ăn mất ngủ thì sức khỏe ngày càng suy sụp, mạng sống càng tiêu hao, chẳng phải là lối sống khôn ngoan tốt đẹp chút nào.

Hai lời cảnh báo sau cùng trong bài kinh nhấn mạnh về nguyên nhân đưa đến thất bại khổ não trong cuộc đời, đó là hạng người có được địa vị quyền thế thì dễ sinh tâm sinh tật, và hạng người không có tài đức mà khao khát muốn trị vì: *"Đàn bà, hay đàn ông, Rượu chè, tiêu hoang phí, Được địa vị quyền thế, Chính cửa vào bại vong"*. *"Tài sản ít, ái lớn, Sanh gia đình hoàng tộc, Ở đây muốn trị vì, Chính cửa vào bại vong"*. Rõ là, người có được địa vị quyền thế thì do mê mờ mà bị quyền thế làm cho băng hoại, kẻ khác thì vì tham vọng quyền lực mà rơi vào lao đao lận đận. Cả hai đều thất bại vì cả hai đều là nạn nhân của dục vọng (tham danh tham lợi). Hạng thứ nhất bị địa vị quyền lực làm cho mờ mắt, tự cho mình cái quyền thụ hưởng, rơi vào rượu chè và tiêu xài hoang phí dần dần đánh mất chính mình bởi lối sống phóng dật. Hạng thứ hai bị mê hoặc bởi địa vị chức quyền, tìm đủ mọi cách để thỏa mãn tham

vọng trị vì, dùng mọi thủ đoạn để đạt được danh vọng quyền lực; kết quả là càng cố gắng thì càng đánh mất mình, vì không còn đủ đức để trị mình thì lấy gì trị vì người khác! Kinh *Pháp Cú* nói rằng: *"Người ngu si thiếu trí tự biến mình thành kẻ thù, vì chuyên làm các ác nghiệp khiến cho mình phải chịu quả đắng cay"*⁶.

Kết thúc bài kinh, bậc Giác ngộ nói đến người hiểu biết sống hạnh phúc an lạc ở đời, nhờ khéo quán sát đầy đủ các nguyên nhân đưa đến thất bại khổ não, như một lời nhắc nhở và khuyến khích mọi người hãy bình tâm suy xét cho thật kỹ các lý do hay nguyên nhân khiến cho con người rơi vào vòng lao đao khổ não để biết cách tránh cho mình khỏi chịu cảnh thất bại khổ đau và để thiết lập đời sống hạnh phúc an lạc trên cõi đời:

*"Bại vong này ở đời, Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến, Sống hạnh phúc ở đời"*.

Bao giờ cũng thế, lời Phật là hết sức rõ ràng và cụ thể, không ra ngoài mục đích giúp cho mọi người nhận chân được sự khổ và sự diệt khổ. Phật không làm gì khác ngoài việc nêu rõ thế nào là khổ và thế nào là diệt khổ. Phật thấy rõ nhân loại vì mê lầm, thiếu hiểu biết mà để cho mình rơi vào thất bại khổ đau và Phật tin con người có đủ sáng suốt và lý trí để vượt qua mọi thất bại khổ não. Vì thế mà Phật làm công việc chuyển mê khai ngộ, khuyên nhắc mọi người phải khéo nhận ra căn nguyên của thất bại khổ đau để tự xây dựng cho mình một nếp sống chân chánh đưa đến hạnh phúc an lạc, thoát ly mọi khổ đau sâu muộn. ■

Chú thích:

1. Tiểu kinh Mãn nguyệt, *Trung Bộ*.
2. Kinh Saleyyaka, Kinh Nền hành trì, không nên hành trì, *Trung Bộ*.
3. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 177.
4. Kinh Dìghajànu, người Koliya, *Tăng Chi Bộ*.
5. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 309.
6. Kinh *Pháp Cú*, kệ số 66.

Thường Bất Khinh

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Thườ quá khứ xa xưa, có Bồ-tát Tỳ-kheo tên là Thường Bất Khinh.

“Vi nhân duyên gì có tên là Thường Bất Khinh? Tỳ-kheo ấy mỗi khi thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đều lễ bái tán thán mà nói rằng: *‘Tôi kính trọng sâu xa các vị không dám khinh mạn. Vì sao như vậy? Các vị đều hành Bồ-tát đạo, sẽ được làm Phật’*. Vị Tỳ-kheo đó chẳng chuyên tụng đọc kinh điển, chỉ thực hành lễ bái tán thán mà nói rằng: *‘Tôi không dám khinh thường quý vị, quý vị đều sẽ làm Phật’*.”

(Phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh, thứ 20)

Vị Tỳ-kheo ấy chẳng dám khinh người mà thường kính trọng sâu xa vì nơi mỗi người đều có Hoa sen Diệu pháp, đều có Phật tánh. Thậm chí đối với người thấp kém, xấu ác, Tỳ-kheo ấy vẫn một lòng kính trọng.

“Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc, chẳng sanh giận hờn, thường nói: *‘Các vị sẽ làm Phật’*. Khi nói như vậy, người ta lấy gậy cây gạch đá để đánh ném. Ông chạy tránh ra xa mà vẫn cao giọng xưng rằng: *‘Tôi chẳng dám khinh các người, các người đều sẽ thành Phật’*. Bởi ông thường nói như vậy nên các Tăng, Ni, cư sĩ kiêu mạn quá mức gọi ông là Thường Bất Khinh”.

Nhờ làm hạnh thường chẳng khinh này vị Tỳ-kheo ấy dần dần ngộ nhập kinh *Pháp Hoa*. Vị Tỳ-kheo ấy chính là Phật Thích-ca Mâu-ni thuở còn là Bồ-tát.

Thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đó là cái thấy biết của Phật. Thấy được như vậy và giữ được cái Thấy ấy không mất, đây là Thiên định. Thực hành cái thấy ấy qua hành động thân khẩu ý, đây gọi là Hạnh. Cái Thấy, Thiên định và Hạnh đã tròn vẹn, đó là Quả.

Bồ-tát Thường Bất Khinh có thái độ như vậy vì ngài thấy chúng sanh có Phật tánh:

“Bồ-tát Thập Trụ, chư Phật mắt thấy chúng sanh có sẵn Phật tánh.

Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh được một ít phần. Phật thì thấy Phật tánh trọn vẹn. Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc; Phật thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc”.

(*Kinh Đại Bát Niết-bàn*, phẩm Bồ-tát Sư tử hống)

Thấy chúng sanh có sẵn Phật tánh, có sẵn Hoa sen Diệu pháp là cái thấy của bậc Thập Trụ đi dẫn đến quả Phật. Thiên sư Chân Nguyên (1647-1726) nói trong *Thiên tông bản hạnh*:

Thuở xưa hội cả Kỳ Viên

Bụt cầm một đóa hoa sen gơ bầy

Ca-diếp trí huệ cao tay

Liễu ngộ tự tánh bằng nay mỉm cười

Trần trần sát sát Như Lai

Chúng sanh mỗi người mỗi có hoa sen

Hoa là bản tánh tự nhiên

Bao hàm thiên địa phương viên cùng bằng

Hậu học đã biết hay chẳng

Tâm hoa ứng miệng nói năng mọi lời

Thiên liêng ứng khắp mọi nơi

Lục căn vận dụng trong ngoài thần thông.

Tại sao cái thấy chúng sanh có sẵn Phật tánh đưa hành giả đến giác ngộ? Bởi vì trong cái thấy ấy có Trí huệ và Từ bi, là hai cột trụ của Đại thừa.

Cái thấy tất cả chúng sanh đều có Phật tánh xóa đi sự phân biệt giả tạo giữa ta và người, xóa đi một cái ta cô lập với người khác và thế giới, đưa hành giả vượt khỏi bốn tướng ta, người, chúng sanh, thọ mạng. Là các tướng phân biệt, chia cắt tạo thành sanh tử khổ đau, đó là trí huệ.

Cái thấy chúng sanh đều có Phật tánh khiến cho hành giả mở rộng tâm để hòa nhập với tất cả chúng sanh. Đây được gọi là đồng thể đại bi.

Hạnh lễ bái bằng một cái tâm thường chẳng khinh vì ai cũng có Phật tánh đã chuyển hóa những nghịch duyên giận hờn, khinh bỉ, chia rẽ thành duyên gặp gỡ trong chính Phật tánh khi vị Bồ-tát thành Phật:

“Đắc Đại Thế! Ý ông thế nào? Bốn chúng có lòng giận hờn khinh bỉ vị Bồ-tát thuở đó đâu phải ai xa lạ, chính là các ông Bạt-đà-bà-la năm trăm Bồ-tát, các ông Sư Tử Nguyệt năm trăm Tỳ-kheo, Các ông Ni-tu-phật năm trăm cư sĩ nam, nay đang ở trong hội này, đều là những người không thối chuyển với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đắc Đại Thế! Phải biết kinh *Pháp Hoa* này rất lợi ích cho các Đại Bồ-tát, có thể làm cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên các Đại Bồ-tát sau khi Như Lai diệt độ phải thường thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh này”.

(Phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh, thứ 20)

Bồ-tát Thường Bất Khinh đã thường thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép kinh *Pháp Hoa* này bằng chỉ một hạnh lễ bái tán thán, “tôi không dám khinh thường các vị, các vị đều sẽ thành Phật” cho nên “có thể mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nhờ hạnh thường chẳng khinh ấy mà cuối cùng thấy thật tướng của chúng sanh là Phật tánh. Thấy trọn vẹn Phật tánh tức là thành Phật.

Thấy rõ ràng Phật tánh nghĩa là thấy không có sự vật nào, không có chúng sanh nào ở ngoài Phật tánh. Như thấy rõ ràng tấm gương thì thấy không có một bóng nào ở ngoài tấm gương. Cho nên khi thấy không có sự vật nào, chúng sanh nào ở ngoài Phật tánh, khi ấy chúng ta đang ở trong Phật tánh.

Bất cứ khi nào chúng ta hành hạnh Thường Bất Khinh bằng thân khẩu ý của mình, khi ấy chúng ta đang tập làm theo sự phóng quang của Đức Phật. Phóng quang là phóng ánh sáng của Phật tánh “soi khắp một muôn tám nghìn cõi ở phương Đông, đều thấy sự trang nghiêm của các cõi nước Phật ấy” (Phẩm Tựa), “khiến những cõi nước thông làm một cõi nước Phật” (Phẩm Hiện Bửu tháp), như Đức Phật đã làm nhiều lần trong kinh. Sức mạnh của ánh sáng ấy là trí huệ và từ bi “để thống nhất Phật độ”.

Hành hạnh Thường Bất Khinh bằng thân khẩu ý của mình là phóng quang để thống nhất thành một cõi Phật, tức là thành pháp giới Nhất Chân Pháp Hoa. Hành hạnh Thường Bất Khinh sẽ đưa chúng ta dẫn dần “nhập” pháp giới Nhất Chân Pháp Hoa ấy. ■



Vai trò của niềm tin

THÍCH KHÔNG TỬ

Trong tôn giáo, niềm tin được xem là cửa ngõ đầu tiên để đến với đạo, một hiện tượng tâm lý xã hội đặc biệt, một phẩm chất của thế giới quan, ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống và các mối quan hệ trong xã hội của người tín đồ. Tuy nhiên, con đường hình thành niềm tin không phải tôn giáo nào cũng giống nhau. Có tôn giáo xây dựng niềm tin trên những tín điều, mặc khải và bắt buộc tín đồ phải phục tùng, tin theo, không được nghi ngờ; niềm tin này được xem là thiêng liêng, là biểu hiện của khát vọng hướng thượng, vượt trên mọi giới hạn của sự hiểu biết. Ngoài ra, có những tôn giáo lại có khuynh hướng xây dựng niềm tin dựa trên sự hiểu biết, trải nghiệm và học hỏi. Niềm tin trong Phật giáo là một điển hình của khuynh hướng này.

Phật giáo được khai sinh từ chiếc nôi văn hóa Ấn Độ, trải qua hơn 25 thế kỷ tồn tại và phát triển đã trở thành tôn giáo của nhân loại, có mặt ở hầu hết các châu lục trên thế giới. Sự hiện diện của Phật giáo ở các quốc gia với tư cách là quốc giáo hay đơn thuần chỉ nắm giữ vai trò văn hóa đạo đức cũng đã phản ánh ý nghĩa niềm tin Tam bảo cao độ trong đời sống nhân dân. Từ một Phật giáo Nguyên thủy trên tiến trình phát triển đã dung hợp với văn hóa dân gian bản địa tạo thành các hình thức tôn thờ, nghi lễ, cúng bái như một tôn giáo hiện nay khiến cho nhiều người hiểu lầm đến mức đánh đồng niềm tin trong đạo Phật với sự sùng tín tôn giáo. Nghĩ rằng niềm tin trong Phật giáo cũng là sùng tín

nên họ cho rằng Phật giáo là mê tín, nô lệ thần quyền, nhu nhược yếu đuối... Vậy, niềm tin trong đạo Phật là gì? Có phải là sùng tín? Và vai trò của nó trong tiến trình tu học Phật pháp?

Hòa thượng Khế Chơn nhận định: *“Niềm tin trong Phật giáo (Pali: Saddha, Sanskrit: Sraddha) đóng vai trò quan trọng trong cả Phật giáo Nguyên thủy và Phật giáo Phát triển”*.¹

Tín đồ Phật giáo muốn tu học và thành tựu theo giáo lý Đức Phật nhằm xây dựng cuộc sống an lạc, hạnh phúc, vững bền cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội, trước hết phải có niềm tin vào Tam bảo. Đó là tin vào Đức Phật (Phật), tin vào những lời dạy của Ngài (Pháp) và tin vào những đệ tử thánh thiện của Ngài (Tăng). Niềm tin Tam bảo được xem là tín căn, một trong năm căn lành để thực hành đường lối tu tập hướng đến mục tiêu giác ngộ gọi là ngũ căn (niềm tin, tinh tấn, ghi nhớ, thiền định, trí tuệ) và là một trong bảy tài sản của bậc Thánh: *“Niềm tin, giới hạnh, hổ mình, thẹn với người, học rộng, bố thí, trí huệ; đó là bảy thánh tài”*.²

Đạo Phật còn quan niệm: *“Niềm tin là căn nguyên của đạo, là mẹ của mọi công đức, nuôi lớn hết thầy thiện pháp, đoạn trừ lưới nghi, đưa vượt qua dòng nước ái dục, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết-bàn”*.³

Những dẫn chứng trên cho thấy niềm tin có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với người học Phật, nó là khởi điểm của tiến trình tiếp cận và thực nghiệm giác ngộ theo giáo lý, giúp cho tín đồ phát huy nội lực nhằm đạt

được Niết-bàn. Bởi vì có niềm tin nơi Đức Phật, nơi giáo lý, nơi Tăng đoàn thì mới quy ngưỡng, tin nhận và thực hành theo giáo lý ấy.

Tuy nhiên, niềm tin ở đây được hiểu theo ý nghĩa *sự tin tưởng* chứ không phải theo nghĩa *sùng tín* như trong một số tôn giáo thần quyền. Bởi vì không phải mọi niềm tin đều đưa đến giác ngộ. Cho nên, có niềm tin đã là quan trọng; song, không chỉ dừng lại ở niềm tin, tín đồ còn phải học hiểu giáo lý để cái thấy, cái biết, cái tin đó được tư duy, gạn lọc kỹ càng, thấu đáo, đúng lẽ thật thì mới đúng là niềm tin của đạo Phật. Khi niềm tin được xây dựng theo cách thức như trên thì lòng tin đạt đến vững chắc, không lay chuyển, đó gọi là chánh tín. Ngược lại, nếu niềm tin được xây dựng trên cơ sở nhận thức cảm tính không xuất phát từ nhận thức lý tính thì con người dễ dàng bị lời cuốn, tha hóa, chạy theo tà đạo, mất hết trí thông minh rơi vào mê tín dị đoan, không phải là niềm tin chân chính.

Trong đạo Phật, tín đồ được khuyến khích không nên vội vàng tin theo một điều gì mình thấy được, nghe được mà phải tìm hiểu và xem xét kỹ lưỡng để chắc chắn hiểu về điều đó thì mới quyết định tin hay không. Nghĩa là không tin một cách mù quáng, mà phải kiểm chứng mọi giáo lý qua sự tìm hiểu và áp dụng thực tế chứ không phải tin điều gì chỉ đơn giản là ai đó nói. Chính Đức Phật đã dạy cho dân chúng Kalama khi họ tỏ ra hoang mang, không biết tin vào đâu trong kinh *Tăng Chi*: “*Này các Kalama, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì theo truyền thống, chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến, chớ có tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình. Nhưng này các Kalama, khi nào tự mình biết rõ như sau: Các pháp này là thiện, các pháp này là không có tội, các pháp này được người có trí tán thán, các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc; thời này các Kalama, hãy chứng đạt, an trú và nỗ lực thực hành*”.⁴

Qua đoạn kinh văn trên, chúng ta thấy Đức Phật dạy đệ tử Ngài trước khi tin vào điều gì phải xem xét và cân nhắc kỹ lưỡng, cần nhận ra tính chất của nó là thiện hay ác; chỉ nên tin vào những gì biết chắc đem lại an lạc, hạnh phúc cho mình, cho người trong hiện tại và tương lai. Đó chính là cách thức xây dựng niềm tin chân chính, sáng suốt, hợp với giáo lý của người tín đồ Phật giáo.

Có niềm tin vào Tam bảo không phải để tôn thờ, sùng kính, lễ lạy, cầu đảo, van xin, nương tựa thần quyền mà để thực hành tu tập theo lời Phật dạy nhằm đạt được giác ngộ, an lạc. Nói cách khác, dựa trên cơ sở niềm tin Tam bảo, người Phật tử còn phát khởi niềm tin vào khả năng giác ngộ thành Phật của chính bản thân nếu mình nỗ lực tu hành đúng phương pháp (lòng tự

tín). *Pháp Cú* số 156, Phật dạy: “*Chính tự mình làm chỗ nương tựa cho mình chứ người khác làm sao nương tựa được? Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương tựa nhiệm mầu* (Niết-bàn)”.⁵

Qua lời dạy trên, chúng ta hiểu tín đồ có niềm tin và nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng không có nghĩa là phát lời cầu nguyện hay giao phó thân mạng để được Tam bảo lo cho giải thoát. Phật giáo chủ trương mỗi cá nhân phải tự lực lo giải thoát cho mình, niềm tin Tam bảo chỉ giúp cá nhân nỗ lực tu tập chứ không giác ngộ thay cho cá nhân. *Pháp Cú* số 261, Phật dạy: “*Các con hãy nỗ lực lên, Như Lai chỉ là người thầy dạy cho con đường giác ngộ*”.⁶

Thật quá rõ ràng, Đức Phật là bậc đạo sư chỉ cho phương pháp tu hành đúng đắn để được giải thoát, còn muốn đến cảnh giới giải thoát an vui tự tại thì tự mỗi người phải gắng sức thực hành đúng lời Phật dạy. Bởi sự giác ngộ là tự mình giác ngộ chứ không ai có thể giác ngộ thay cho.

Tóm lại, *niềm tin trong đạo Phật là định hướng giá trị vững chắc vào Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và vào khả năng giác ngộ của chính mình*. Cả hai phần của niềm tin này đều phải được xây dựng trên cơ sở chánh tín (không tin một cách mù mờ, mê tín), có sự hiểu biết, có suy nghiệm rõ ràng, là điều rất cần thiết đối với sự tu tập, nhất là sự tu tập đó nhằm mục đích giác ngộ thành Phật.

Một lần nữa cũng cần lưu ý, rằng mục đích tối hậu của đạo Phật là giải thoát, là giác ngộ. Niềm tin chỉ là phương tiện, là điều kiện căn bản cho sự sinh khởi và vận hành của tiến trình thực hành giáo lý đạt đến trí tuệ giác ngộ gồm nhiều bước nỗ lực. Và như vậy, nếu người tín đồ chỉ dừng lại ở niềm tin không thôi thì không đủ để thực nghiệm giác ngộ hay chứng đắc Niết-bàn. Nói cách khác, niềm tin chỉ là bước sơ khởi trong tiến trình tu tập đầy công phu mà mỗi người Phật tử phải kinh qua. ■

Chú thích:

1. Thích Khế Chơn (2014), *Phật giáo đóng góp vào việc xây dựng đời sống xã hội lành mạnh trong Phật giáo và các mục tiêu thiên niên kỷ của Liên Hiệp Quốc*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.417.

2. Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang (2013), *Kinh Pháp cú thí dụ*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.46.

3. Thích Thanh Từ (2012), *Mê tín chánh tín*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr.8.

4. Thích Minh Châu (1993), *Tăng Chi Bộ kinh*, tập 1, chương III, Phẩm Lớn, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, tr.233-234.

5. Thích Thiện Siêu (2009), *Lời vàng Phật dạy – Kinh Pháp cú*, Nxb Phương Đông, TP.HCM.

6. Thích Thiện Siêu (2009), *Lời vàng Phật dạy – Kinh Pháp cú*, Nxb Phương Đông, TP.HCM.



Đại nguyện về Hòa bình Thế giới

GESHE ACHARYA THUBTEN LODEN
TƯỜNG NHƯ dịch

Mong sao mọi chúng sinh được trang
nghiêm bằng tình thương
Từ, bi, hỷ, xả;
Mong sao họ có lòng quảng đại, đức độ,
Nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định và trí tuệ.

Do công đức tích tập được
Nhờ vào tất cả những gì tôi đã làm,
Mong sao khổ đau của mọi chúng sinh
Được hoàn toàn tẩy sạch.

Mong sao tôi được là bác sĩ và y dược
Và mong sao tôi là một hộ lý
Cho mọi chúng sinh trên đời đang bệnh
Đến khi họ được chữa lành bệnh

Mong sao có một trận mưa đồ ăn thức uống rơi xuống
Tẩy sạch khổ đau vì khát và đói;

Và trong suốt thời kỳ đói kém
Mong sao chính tôi hóa thành đồ ăn và thức uống.

Mong sao tôi trở thành một kho tàng vô tận
Cho những người nghèo khổ và cơ cực;
Mong sao tôi trở thành mọi thứ họ cần
Và mong sao những thứ này được đặt sát bên họ.

Chẳng chút cảm nghĩ gì về sự mất mát,
Tôi sẽ xả bỏ thân mạng và những thứ vui hưởng
Cũng như mọi công đức của tôi trong ba thời
Nhằm tạo lợi lạc cho tất cả.

Mong sao tôi là người bảo hộ cho những ai không
có người bảo hộ,

Là một người dẫn đường cho
mọi hành nhân trên đường;

Mong sao tôi là cây cầu, con thuyền, chiếc tàu
Cho những ai muốn vượt qua dòng nước.

* * *

Mong sao tôi là hòn đảo cho những ai tìm kiếm một
hòn đảo,
Một ngọn đèn cho người mong cầu ánh sáng;
Mong sao tôi là chiếc giường cho những ai muốn
nghỉ ngơi;
Là kẻ nô tỳ cho những ai cần có một nô tỳ.

* * *

Giống như hư không
Và các đại như đất,
Mong sao tôi luôn nâng đỡ cuộc đời
Của mọi chúng sinh vô biên

* * *

Mong sao người mù thấy được hình sắc;
Mong sao người điếc nghe được âm thanh;
Giống như một cầu vồng tự nhiên
khởi lên từ không trung,
Mong sao các thai phụ sinh con không đau đớn.

* * *

Mong sao người trần truồng tìm thấy quần áo,
Người đói tìm thấy đồ ăn;
Mong sao người khát tìm thấy nước
Và những thức uống trong lành.

* * *

Mong sao người nghèo tìm thấy cửa cải,
Người yếu đuối vì sầu khổ tìm thấy niềm vui;
Mong sao người bất hạnh tìm thấy niềm hy vọng mới,
Hạnh phúc và thịnh lạc vững bền.

* * *

Mong sao tất cả những ai ốm đau
Được thoát khỏi ốm đau;
Và mong sao mọi bệnh tật trên đời
Không bao giờ xảy ra nữa.

* * *

Mong sao người bị đe dọa không còn sợ hãi
Và những người bị trói buộc được tự do;
Mong sao những người không có sức mạnh tìm
thấy sức mạnh
Và mọi người đều nghĩ đến tạo lợi lạc cho nhau.

* * *

Mong sao mọi chúng sinh hữu tình có được mọi sức
mạnh vững bền,
Thoát khỏi mọi hoàn cảnh bần bệ,
Có tự do hành động
Và có sinh kế khả quan.

* * *

Mong sao những chúng sinh có thân thể có được
nét sáng sủa,
Thân thể khỏe mạnh, sắc đẹp tuyệt vời,
vẻ đáng tươi tắn,
Thoát khỏi mọi bệnh hoạn,
Có sức mạnh và sống lâu.

* * *

Mong sao tôi luôn là một thứ để vui hưởng
Cho mọi chúng sinh hữu tình tùy theo ý muốn của họ
Mà không can thiệp gì, giống như đất,
Nước, lửa, gió, y dược và rừng cây.

* * *

Mong sao tôi thân ái với chúng sinh hữu tình như là
Cuộc đời của họ và mong sao họ rất thân ái với tôi;
Mong sao những từ chối của họ làm cho tôi chín chắn.
Và tất cả công đức của tôi làm cho họ chín chắn.

* * *

Mong sao tôi tạo lợi lạc và hiển vinh cho những
người khác
Và nhận lấy thua thiệt, thất bại cho chính tôi;
Mong sao tôi lia bỏ sự yêu quý mình một cách ích kỷ
Và không ngừng thực hiện sự yêu quý
những người khác.

* * *

Hễ chừng nào một chúng sinh hữu tình
Ở bất cứ đâu chưa được giải thoát
Thì mong sao tôi vẫn ở lại trên đời vì chúng sinh ấy
Dù cho tôi đã đạt giác ngộ.

* * *

Mong sao mọi chúng sinh trên đời
Không bao giờ trải nghiệm chiến tranh, đấu tranh,
tranh chấp
Và mãi mãi như thế, không có hoàn cảnh xấu
Nhu động đất, bệnh tật hay hạn hán.

* * *

Mong sao hòa bình thấm đậm trong tim mọi người
Và mọi người mãi mãi trú trong an lạc và dư dả.

(Nguồn: abuddhistlibrary.com)

*Geshe Acharya Thubten Loden (sinh năm 1924) là vị
Lãnh đạo Tinh thần của Hội Phật giáo Tây Tạng ở Úc,
người sáng lập Trung tâm Thiền định An lạc ở Yuroke,
Victoria, tác giả của nhiều sách. Ngài tốt nghiệp học vị
Geshe Lharampe ở Tu viện Sera Je, Tây Tạng. Năm 1976
ngài được mời sang Úc làm giáo thọ cơ hữu tại Học viện
Chenrejid ở Queensland. Sau đó ngài rời Học viện và tổ
chức cơ sở riêng. ■*



Thương yêu từng bạn tép bé xíu

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Hàng ngày tôi có thói quen ngồi thiền và sau đó đi kinh hành. Địa điểm đi kinh hành may mắn nhất tôi có được là Công viên Nghĩa Đô gần nhà. Ngày thực hành hai lần, sáng sớm và buổi tối. Thật tuyệt vời vô cùng.

Công viên Nghĩa Đô của thủ đô Hà Nội ngày nay rất đẹp, rất sạch. Ngày xưa tôi hay đi thiền nhặt rác ở đây nhưng bây giờ người dân đã rất có ý thức và hầu như rác không còn nữa nên tôi “thất nghiệp”. Hơn nữa các nhân viên ở Công viên Nghĩa Đô rất hay quét rác. Họ bây giờ còn xuống thuyền và dùng lưới vớt rác, lá cây... trên mặt hồ. Thật là vui khôn tả.

Tuy nhiên bây giờ lại xuất hiện cảnh một số người dân ngồi câu cá trong hồ mỗi sáng, mỗi chiều. Nhìn thấy cảnh câu cá này tôi xót thương cho các bạn cá quá. Tôi luôn cầu nguyện cho các bạn ấy. Tôi cũng cảm thấy thương xót cho sự vô minh của người câu. Hơn thế nữa lại còn không ít người đứng xem có vẻ thích thú.

Mấy hôm nay xuất hiện cả vài người chế ra chiếc vợt lưới và kéo sát bờ để bắt tép. Có cả cảnh chông đi trước kéo tép, vợ theo sau mang xô để đựng. Xót thương các bạn tép vô cùng. Chỉ biết nguyện cầu cho các bạn ấy siêu về cõi lành hay đổi kiếp được đến cảnh giới tốt hơn. Bởi trong ngày hôm nay thôi, kiếp sống của hàng trăm bạn tép sẽ bị chấm dứt. Tiếc thay họ không biết chuyện này. Có rất nhiều bạn tép mất kiếp sống mà bố mẹ, anh chị em của các bạn đó không biết. Y như cảnh tai nạn giao thông trong đời sống con người: Mỗi ngày có khoảng 30 người sáng đi làm và tối không được về nhà - chết vì riêng loại tai nạn giao thông!

Đang đi kinh hành tôi bỗng ngửi thấy mùi tanh. Dừng lại. Nhìn xuống chân và thấy nhiều bạn tép bé xíu đang nhảy dưới chân tôi như cầu cứu. Tôi đứng hẳn lại và cúi xuống nâng từng bạn tép lên rồi thả các bạn xuống hồ. Nhiều lắm. Các bạn ấy bé xíu, mà trắng tinh khô. Nhìn các bạn rất đẹp. Họ đáng thương vô cùng.

Mọi người đi tập thể dục nhìn tôi. Người thì ngạc

niên, kẻ thì tò mò. Có người cảm thông và hiểu rằng tôi đang đưa các bạn tép bé xíu về nhà - hồ nước của Công viên Nghĩa Đô Hà Nội.

Tôi chợt nghĩ, nếu mình vô tình đi qua mà không phát hiện ra thì những bạn tép bé xíu này chắc chắn chết trong hôm nay. Chết vì người đi bộ dẫm đạp lên. Chết vì nằm trên nền đường đi không có nước. Chết vì nắng vì khô.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến một lần đi tắm biển nghỉ mát ở Thiên Cẩm, Hà Tĩnh cách đây có đến chục năm. Khi đó, tôi ngủ dậy vào buổi sáng sớm và đi bộ trên bờ biển. Đột nhiên tôi phát hiện ra một người phụ nữ cứ nhặt những con sò, con ốc, con sứa... ném xuống biển. Tôi hỏi bà làm gì. Bà bảo phóng sinh. Tôi hỏi nhiều thế này sao mà phóng sinh hết được. Bà cười và bảo tôi “*Thế à. Tôi không nghĩ đến chuyện đó. Tôi chỉ biết thấy chúng sinh nguy kịch và sắp chết thì tôi cứu thôi. Tôi không quan tâm cứu được bao nhiêu mạng sống*”.

Tôi giật mình bởi người phụ nữ kia đang rất chánh niệm. Làm chỉ để làm. Làm là vì tình thương đích thực. Bà hết sức tập trung và rất bình an khi phóng sinh.

Tôi tiếp tục đi quanh hồ Nghĩa Đô và tìm đến những vũng nước nơi người ta vừa bắt tép đổ vào xô và nước văng ướt một vùng. Tìm nơi đó để xem còn những chú tép nào sót lại để đưa họ về với nhà - hồ nước công viên ngay bên cạnh. Những chú tép bé xíu đẹp vô cùng, đáng thương vô cùng. Vừa thả họ xuống nước tôi vừa niệm thầm trong đầu:

*“... Chúng sanh đấy có bấy nhiêu
Lắng tay nghe lấy những điều dạy răn
Các người trước lòng trần, tục lamm
Nên kiếp này chìm đắm sông mê.
Bấy lâu chẳng biết tu trì
Gây bao tội ác lại về mình mang.
Sống đọa đầy chết thường đau khổ
Lông, da, sừng có đỡ được đâu.
Dù là bay trước lặn sau
Lưới dây, tên bắn, lưới câu thả mồi.
Tát cạn bắt cùng hơi hun độc*”

*Lúc đó dù kêu khóc ai thương
Nằm trên chốc thốt lạ thường
Hồn còn phảng phất nấu rang xong rồi
Muôn phần chết nay người cầm chắc
May sao nhờ các bậc thiện nhân
Cứu cho người được thoát thân
Đến đây lại được nhờ ân Pháp mẫu
Vậy người kíp hồi đầu quy Phật
Cùng dốc lòng quy Pháp quy Tăng...”.*

Tôi đọc niệm những câu này như một cái máy. Bởi bài này chúng tôi đọc rất rất nhiều lần và nhiều năm nay mỗi khi đi mua cá tôm, ốc, lươn, chim,... thả phóng sinh. Tôi cũng quy y Tam bảo cho các quý vị đó. Rồi lại trầm niệm tiếp:

*“... Quy y rồi tội chướng sạch băng
Trí khôn sáng tỏ tung bừng khắp nơi
Phát tâm tu, sau rồi được hưởng
Về Phương Tây vui sướng đời đời
Lên tòa sen hưởng thành thoi
Không hề luân chuyển yên vui tháng ngày.
Xin đại chúng ra tay cứu khổ
Phát tâm cầu Phật độ chúng sanh
Cùng nhau dốc một lòng thành
Cầu cho thoát khỏi trong vành trảm luân...”.*

Ngày xưa chúng tôi thường đi chợ mua tôm cá phóng sinh. Làm thường xuyên và đều đặn mỗi mồng một và ngày rằm. Ngày nay tôi hiểu rằng phóng sinh hay làm các việc thiện cũng còn là tùy duyên. Tùy duyên là khi thấy chúng sinh bị giết chết, bị hành hạ, bị ăn thịt, bị gặp nạn mà thấy được, gặp được thì ta ra tay cứu giúp. Nếu đủ nhân duyên và điều kiện thì ta phát lòng từ để cứu các chúng sinh cụ thể này. Ta cứ làm nhiều lần, làm liên tục và rồi một ngày nào đó tự động tâm từ phát khởi. Và thế nào chúng ta cũng thường xuyên gặp được những cảnh ngộ giúp ta có duyên lành cứu giúp chúng sinh.

Thấy một chú giun bò ngay lối đi ta có thể đưa họ trở về đất. Thấy một chú kiến sa vào chậu nước ta có thể lấy một cọng que cho quý vị ấy bám vào và thả về cây. Thấy một chú chó, chú chim gặp nạn ta có thể yêu thương và chăm sóc. Các chúng sinh ấy cảm nhận tốt lắm nhé.

Nhân duyên quan trọng để kết nối với những nhân duyên tốt đẹp khác. Cứ một vài lần tạo duyên lành, nhất định sẽ xuất hiện các duyên lành khác. Một việc được thành tựu tức đã hội tụ nhiều nhân duyên bởi nếu chỉ thiếu một duyên thì có thể không tựu thành. Các chú tép hôm nay đủ nhân duyên để trở về nhà bởi đúng nhân duyên tôi đi thiện hành lúc này, đúng lúc tôi ngửi thấy mùi tanh, đúng lúc người bắt tép xuất hiện,... Mà rất nhiều chúng sinh được bắt mà chỉ có một số chúng sinh được văng ra khỏi vợt, không vào xô của vợ chồng nhà bắt tép kia. Hơn nữa, tôi nghĩ rằng

có rất nhiều chúng sinh - tép - rất nhỏ nữa mà có thể tôi đã không nhìn thấy và đã không cứu được họ.

Chúng ta thường gọi nhân duyên tốt là thuận duyên và nhân duyên xấu là nghịch duyên. Có những điều kiện có lợi và cũng có những điều kiện bất lợi cho ta. Có những duyên thuận và cũng có những duyên không hề thuận với chúng ta. Nhân duyên luôn xảy ra với vạn vật trong khắp vũ trụ này. Chuyện những chú tép sáng nay chỉ là những gì tình cờ tôi thấy và quan sát được.

Nghĩ cho cùng, nhân duyên thì không có thuận nghịch. Mọi thứ khi hội đủ nhân duyên thì có, hết nhân duyên thì tan. Chuyện bác phụ nữ nhặt sò, ốc và sửa phóng sinh xuống biển Thiên Cầm năm nào và chuyện tôi phóng sinh tép sáng nay là bình thường. Tôi đã học được những bài học rồi nên tôi phóng sinh một cách bình an và thanh thản. Tôi cũng học và ngộ ra rằng mình không nên thấy thuận duyên thì sung sướng rồi muốn duy trì mãi nhân duyên ấy, còn khi gặp nghịch duyên thì khó chịu rồi tìm mọi cách để né tránh và loại trừ.

Thầy tôi dạy rằng, chưa hẳn thuận duyên sẽ đem lại giá trị hạnh phúc hay nghịch duyên sẽ mang tới khổ đau. Rằng có khi nghịch duyên đưa tới sự trưởng thành, còn thuận duyên dễ khiến ta yếu đuối. Thầy cũng dạy rằng nhiều khi thuận duyên ban đầu nhưng lại biến thành nghịch duyên sau này, có khi nghịch duyên bây giờ nhưng lại biến thành thuận duyên trong tương lai. Tất cả đều tùy thuộc vào duyên và cách sống của chúng ta.

Nhân lành duyên lành để sáng nay tôi được phóng sinh. Hàng trăm bạn tép đáng yêu và đẹp tuyệt được về nhà. Tôi vui niềm vui khó tả. Nhân duyên này lại nhắc tôi về một bài học sâu xa hơn nữa rằng chúng ta nên sống thuận pháp, tùy duyên. Duyên nào cũng được. Hãy sống ung dung tự tại.

Tuần trước tiễn anh bạn tên là Phương quay lại Cộng hòa Séc. Trước khi đi anh tặng tôi bức tượng gỗ lũa do chính tay anh sáng tác có hình con rắn rất đẹp. Anh biết tôi tuổi rắn. Mang về nhà tôi đặt thêm bức tượng Phật nhỏ xíu ngồi thiền dưới thân hình rắn chờ che như cảnh tôi nhìn thấy khi về Bồ-đề Đạo Tràng nơi Ấn Độ. Tuy nhiên câu nói mà anh Phương “rót” vào tai tôi hôm đó cứ làm tôi nhớ mãi “Đất xấu thì cây cứng, đất tốt thì cây mềm”. Gỗ lũa là lõi cây gỗ nên rất cứng rất bền. Người vượt qua bao chông gai, khó khăn, thử thách luôn là người bản lĩnh.

Người tu chúng ta cần có quyết tâm cao và tinh tấn tu hành. Ta tự sửa mình, tự chiến thắng mình trong mỗi hoàn cảnh, trong từng phút giây. Và khi thấy có cơ hội làm điều thiện không nên bỏ qua.

Bạn tôi bảo “Thích nhất rằng ở cuối các e-mail gửi đi, anh luôn có câu nhắc nhở: Chút điều xấu cùng ngăn cùng giữ. Chút điều lành cùng thử cùng làm”. Tôi thì không để ý nên phóng sinh và làm các việc thiện lành một cách tự nhiên. Như tôi vẫn ăn, vẫn uống và vẫn thở. Làm mà như không làm. Đơn giản vậy thôi. ■



Dọn dẹp ngôi nhà tâm thức

NYANAPONIKA THERA

KHÁNH UYÊN dịch

Nếu một người nào đó có tâm thức thiếu sự hài hòa và không kiểm soát được do không rèn luyện thiền định có phương pháp, tình cờ quan sát kỹ những tư tưởng và hành động thường nhật của mình, người ấy sẽ bắt gặp một loạt cảnh đủ làm cho chính mình phải bối rối. Bên cạnh một vài dòng chính những tư tưởng và hành động tương đối có chủ ý, ông ta sẽ phải đối diện với một mớ bòng bong những nhận thức, tư tưởng, cảm giác và những chuyển động cơ thể tùy tiện, biểu hiện một tình trạng rối rắm và mất trật tự, điều mà chắc chắn ông ta sẽ không thể hài lòng nếu như chúng diễn ra tại phòng khách nhà mình. Thế nhưng đây chính là trạng thái công việc mà chúng ta coi là đương nhiên đối với một phần đáng kể của cuộc sống đầy huyền ảo cũng như của những hoạt động tâm thức thông thường của chúng ta. Bây giờ, chúng ta hãy nhìn vào chi tiết của bức tranh khá là bề bộn ấy.

Trước hết, chúng ta chứng kiến một số lượng khổng lồ những ấn tượng cảm giác tùy tiện, như những âm thanh và ánh sáng thường xuyên loé lên, vụt qua trong tâm thức mình. Hầu hết những ấn tượng đó đều manh mún và mơ hồ; một số những ấn tượng đó còn dựa trên những nhận thức và phán đoán sai lầm. Mang theo những khuyết điểm cố hữu ấy, chúng lại tạo nên cái nền tảng không được kiểm chứng để trở thành cơ sở cho những quyết định và phán đoán của ta ở một tầng ý thức cao hơn. Thật vậy, tất cả những ấn tượng cảm giác ấy đều không cần, và không thể, trở thành đối tượng cho một sự chú ý tập trung. Một tảng đá bên đường mà ta tình cờ bắt gặp bởi một cái nhìn thoáng qua chỉ khiến ta phải chú ý nếu như tảng đá ấy chặn ngang đường đi của mình, hoặc nó có một chi tiết gì đặc biệt buộc ta phải quan tâm. Thế nhưng, nếu chúng ta thường xuyên bỏ qua những cảm giác tùy tiện ấy, có thể chúng ta sẽ phải bước đi loạng choạng trên con đường đầy sỏi đá hay đã bỏ qua những viên đá quý.

Bên cạnh những ấn tượng cảm giác tùy tiện ấy, người quan sát còn thấy những nhận thức, tư tưởng, cảm xúc, ý chí... đáng chú ý hơn, có tính cách xác định hơn, gắn với cuộc sống có chủ ý của chúng ta hơn. Ở đó cũng vậy, chúng ta nhận thấy một tỷ lệ cao những hiện tượng tâm lý ấy vẫn còn ở trong một trạng thái hết sức lộn xộn. Hàng trăm những tư tưởng trái ngược nhau vụt qua trong tâm; đây đó là những thứ bỏ đi bao gồm những tư tưởng chưa hoàn toàn định hình, những tình cảm ngọt ngào, và những tâm trạng bất chợt. Phần lớn chúng đều chết yểu. Do bản chất yếu đuối cố hữu của chúng, sự thiếu tập trung của ta hay bị trấn áp bởi những ấn tượng mới mẻ mạnh mẽ hơn, chúng không thể tồn tại và phát triển. Nếu ta quan sát thật kỹ tâm thức của mình, ta sẽ nhận thấy tư tưởng của ta sao mà dễ bị chuyển hướng đến vậy; sao mà chúng cứ hành xử như những kẻ thích tranh cãi vô kỷ luật, không ngớt ngắt lời nhau và chẳng thèm quan tâm lắng nghe lập luận của đối phương. Lại nữa, không ít những dòng tư tưởng vẫn còn sơ khai, hoặc bị bỏ quên, không được diễn dịch thành ý chí hay hành động, chỉ vì thiếu can đảm để chấp nhận những hậu quả thực tiễn của chúng về mặt trí tuệ hay đạo đức. Nếu tiếp tục khảo sát kỹ hơn những nhận thức, tư tưởng hay phán đoán bình thường của mình, ta sẽ buộc phải nhìn nhận rằng hầu hết chúng đều không thể tin được. Chúng chỉ là những sản phẩm của thói quen, bị dẫn dắt bởi những thành kiến của sự hiểu biết hay tình cảm, bởi sự ưa thích hay ghét bỏ, bởi sự lười biếng hay ích kỷ, và bởi những quan sát hơi hợt hay sai lạc.

Một cái nhìn như thế vào những khu vực vẫn bị bỏ bê từ lâu trong tâm thức sẽ mang lại cho người quan sát một sự choáng váng cần thiết. Nó sẽ thuyết phục người quan sát về một nhu cầu cấp bách đối với việc rèn luyện tâm thức có phương pháp, đào sâu xuống bên dưới lớp tâm thức cạn cợt bề mặt đến tận những vùng tranh tối tranh sáng rộng lớn của ý thức mà ta vừa viếng thăm. Bấy giờ người quan sát sẽ nhận biết rằng cái phần tương đối nhỏ bé của tâm thức, vẫn đại diện cho nguồn sáng mãnh liệt của ý chí và tư tưởng có mục đích, chưa phải là một tiêu chuẩn đáng tin cậy cho sức mạnh và sự trong sáng nội tại của toàn bộ ý thức. Người quan sát cũng thấy rằng phẩm chất của ý thức cá nhân không thể được phán đoán bởi một vài kết quả tốt đẹp của hành động tâm thức đã thành tựu trong những giai đoạn ngắn ngủi và thường xuyên đứt đoạn. Yếu tố quyết định trong việc xác định phẩm chất của ý thức là sự tự hiểu biết và sự tự kiểm soát: liệu khả năng nhận thức lơ mơ vốn là đặc trưng cho tâm thức và cho cái phần không được kiểm soát của những hành động hàng ngày của chúng ta sẽ có khuynh hướng tăng lên hay giảm đi?

Chính việc hàng ngày chúng ta cứ bỏ bê chút ít trong tư tưởng, lời nói và việc làm của mình - mà sự việc đó vẫn diễn tiến trong nhiều năm của đời mình (và

theo như lời Phật dạy, là của nhiều kiếp) - là việc phải chịu trách nhiệm chính cho tình trạng lộn xộn và mất trật tự mà ta đã chứng kiến trong tâm thức ta. Sự bỏ bê đó mang lại những rắc rối và cho phép chúng tiếp tục. Quả thật, một đại sư Phật giáo đã nói, "Tính cấu thả tạo ra vô số rác rưởi. Ở nhà thế nào thì trong tâm thức ta cũng vậy; chỉ một hai ngày thì rác tích tụ chẳng bao nhiêu, nhưng nếu cứ để tiếp diễn hàng năm, chúng sẽ tăng trưởng thành một đồng rác khổng lồ".

Những góc khuất tối tăm lộn xộn trong tâm là nơi khu trú của những kẻ thù nguy hiểm nhất của chúng ta. Từ đây, chúng tấn công ta lúc ta không phòng bị, và nhiều lần chúng thường thành công trong việc đánh gục ta. Cái thế giới tranh tối tranh sáng ấy tụ tập những khao khát đã bị chán chường và những oán giận đã bị đè nén, những sự lưỡng lự, những tính khí thất thường, và vô số những thông tin mơ hồ khác, tạo nên một bối cảnh cho những đam mê đang dâng trào - tham lam và dục vọng, ghét bỏ và căm thù - có thể tìm được sức mạnh và sự ủng hộ. Bên cạnh đó, bản chất tối tăm và tiếp tục làm cho tâm tối của vùng tranh tối tranh sáng ấy chính là điều thiết yếu và là đất mẹ nuôi lớn của thành phần thứ ba, cũng là thành phần mạnh nhất của tam độc: vô minh.

Những cố gắng nhằm diệt trừ những cấu uế chính của tâm thức - tham, sân, si - chắc chắn sẽ thất bại, bao lâu mà những cấu uế ấy vẫn tìm được chỗ trú ngụ và sự ủng hộ trong những vùng tâm tối không được kiểm soát của tâm, bao lâu mà những chuỗi tình cảm và tư tưởng nửa vời, chặt chẽ, phức tạp tiếp tục tạo nên cấu trúc căn bản của tâm thức, nơi chỉ mới có vài sợi tơ vàng của những tư tưởng trong sáng và cao quý vừa được dệt nửa vời. Nhưng làm thế nào chúng ta đối phó được với cái khối công kênh rối loạn ấy? Thường thường chúng ta cố gắng không biết đến cái khối ấy và cố dựa vào năng lực phản ứng của vùng tâm thức bề mặt của chúng ta. Tuy nhiên, liệu pháp an toàn duy nhất là phải đối mặt với nó - dựa vào chánh niệm. Chẳng cần đến những gì khó khăn hơn việc tạo được một thói quen về việc hướng *sự chú ý đơn thuần* của chúng ta đến những ý nghĩ sơ khai ấy càng thường xuyên càng tốt. Nguyên lý hoạt động ở đây là một sự thật rất đơn giản, rằng hai suy nghĩ không thể cùng tồn tại trong cùng một thời gian: nếu ánh sáng trong trẻo của *chánh niệm* có mặt, khi ấy sẽ không có chỗ cho sự tồn tại của vùng tâm thức tranh tối tranh sáng. Khi *chánh niệm* đã đặt được một chân đứng vững vàng trong tâm, việc làm thế nào để đối phó với những tư tưởng, tâm trạng, tình cảm nửa vời kia chỉ còn là vấn đề có tầm quan trọng bậc hai. Người ta chỉ cần giải tán những hiện tượng tâm lý xấu đó và thay thế chúng bằng những tư tưởng có mục đích; hoặc người ta cũng có thể cho phép - và kể cả là bắt buộc - chúng phải hoàn tất những điều chúng muốn biểu lộ. Trong trường hợp này, thường thì



những hiện tượng tâm lý xấu đó sẽ bộc lộ rõ, rằng thực sự chúng nghèo nàn và yếu kém đến mức nào; và bây giờ thì chẳng có gì khó khăn để tổng khứ chúng đi một khi chúng đã buộc phải bộc lộ. Tiến trình thực hiện sự chú ý đơn thuần là rất đơn giản và hiệu quả. Khó khăn duy nhất là việc kiên trì áp dụng nó.

Quan sát một sự kiện phức tạp có nghĩa là nhận diện những phần tử cấu thành sự kiện ấy, tách rời những thành phần riêng rẽ tạo nên cái cấu trúc rắc rối của điều phức tạp ấy. Nếu điều này được áp dụng cho những dòng chảy phức tạp của cuộc sống thực tế và hoạt động trong tâm thức, tự động, một ảnh hưởng điều hòa mạnh mẽ sẽ được ghi nhận. Như thể xấu hổ trước sự hiện diện của con mắt quan sát bình tĩnh, dòng tư tưởng sẽ diễn tiến một cách có trật tự và theo một phong thái bớt ương ngạnh; tư tưởng sẽ không dễ dàng bị lệch lạc nữa và càng lúc càng giống với một dòng sông điều hòa.

Suốt vài thập niên của cuộc sống hiện tại cũng như trải qua hàng thiên niên kỷ của những tiền kiếp trôi lăn trong vòng luân hồi, trong từng cá nhân, đã có một hệ thống được liên kết chặt chẽ bởi những thành kiến về tình cảm và về lý trí cũng như những thói quen tâm thức và thân thể chẳng bao giờ bị đặt vấn đề về cái địa vị chính đáng và chức năng hữu dụng của chúng trong đời sống của loài người. Ở đây cũng vậy, việc áp dụng sự chú ý đơn thuần đã làm tươi xộp lớp đất cứng từ bao đời vốn đóng đầy thành từng tảng trong tâm thức con người, chuẩn bị cho việc trồng vào đó những chủng tử của việc rèn luyện thiền định theo phương pháp. Sự chú ý đơn thuần chỉ nhận diện và theo dõi những mạng đơn độc của cả một chuỗi những thói quen của chúng ta đã được đan dệt với nhau một cách hết sức chặt chẽ. Cũng sự chú ý đơn thuần đó lặng lẽ phân loại thật cẩn thận những lý lẽ biện minh cho những thói thúc đẩy đam mê và những động cơ đẩy giã dối của

những thiên kiến của chúng ta. Chẳng sợ hãi gì, sự chú ý đơn thuần đó bình thản truy vấn những thói quen càng lúc càng tỏ ra là vô nghĩa, phát hiện gốc rễ của những thói quen đó, và nhờ vậy, giúp thủ tiêu tất cả những gì được coi là có hại. Tóm lại, sự chú ý đơn thuần làm hé lộ những đường nứt nhỏ bé trong cái cấu trúc đường như bất khả xâm phạm của tiến trình tâm thức vốn không hề bị nghi ngờ. Thế rồi lưỡi gươm trí tuệ được giương cao bởi cánh tay mạnh mẽ của sự thực hành thiền định thường xuyên sẽ đẩy đủ khả năng xuyên qua những đường nứt nhỏ bé ấy, và cuối cùng chọc thủng cái cấu trúc thâm căn cố đế kia ở những vị trí cần thiết. Khi những mối liên kết nội tại giữa những bộ phận đơn lẻ của cái có vẻ như là một toàn thể chắc nịch ấy trở nên có thể nhận thức được, bấy giờ các mối liên kết ấy không còn là không thể tiếp cận.

Khi sự thực hành thiền định đã đủ khả năng phơi bày những thực tế và chi tiết của bản chất bị điều kiện hóa của tâm thức, bấy giờ sẽ có một cơ hội ngày càng tăng để xảy ra những biến đổi căn bản trong tâm. Bằng cách đó, không chỉ những thói quen của tâm thức cho đến lúc ấy chưa bị nghi ngờ cũng như những vùng tranh tối tranh sáng là căn cứ địa của chúng và các quy trình thông thường của chúng, ngay cả những thực tế có vẻ như chắc chắn và không thể tranh cãi của thế giới vật chất, tất cả đều trở thành “có thể đặt vấn đề” và mất đi khá nhiều sự tự tin của chúng.

Nhiều người vẫn có ấn tượng và bị đe dọa bởi niềm tự tin nhợt nhạt của những điều được coi là “bằng chứng xác thực” đến nỗi họ ngần ngại trong việc thực hiện những hoạt động thực hành tâm linh, e rằng những thực tập ấy chẳng mang lại điều gì có giá trị. Việc áp dụng sự chú ý đơn thuần cho công việc dọn dẹp và chỉnh đốn tâm thức sẽ mang lại những kết quả có thể cảm nhận được - những kết quả đủ để xua tan những nghi ngại và khuyến khích con người bước vào một con đường rèn luyện tâm linh trọn vẹn hơn.

Chúng ta cần ghi nhận rằng chức năng dọn dẹp và chỉnh đốn của sự chú ý đơn thuần có một tầm quan trọng căn bản đối với việc “tịnh hóa mọi chúng sanh” như đã được Đức Phật nhắc tới với tính cách là mục đích đầu tiên của thiền niệm xứ. Khi nói tịnh hóa mọi chúng sanh, Đức Phật muốn nói đến việc tịnh hóa tâm thức của mọi chúng sanh; và sự chú ý đơn thuần chính là bước đầu để mang lại sự trật tự đầu tiên vào chức năng hoạt động của tiến trình tâm thức. Chúng ta đã thấy sự chú ý đơn thuần thực hiện nhiệm vụ đó như thế nào. Trong ý nghĩa đó, tập sớ giải về bản kinh “*Tứ Niệm xứ*” giải thích câu “cho việc thanh tịnh hóa chúng sanh” như sau: “*Sự cấu uế của tâm thức làm ô nhiễm chúng sanh; sự trong sáng của tâm thức khiến chúng sanh thanh tịnh*”.

Sự trong sáng của tâm thức trở thành hiện thực nhờ phương pháp này của chánh niệm. ■



Làm thế nào xác định khả năng của một người thầy

DALAI LAMA XIV
HOANG PHONG dịch

Trong việc quảng bá sự hiểu biết, vai trò của người thầy thật hết sức cần thiết; thế nhưng, người thầy cũng phải có đầy đủ khả năng. Vì thế, thật hết sức quan trọng là người thầy phải có một số vốn liếng sâu rộng về kinh điển, đã đạt được nhiều kết quả tu tập cũng như các sự chứng nghiệm bản thân về giáo lý; được như thế thì họ mới có thể truyền đạt lại cho kẻ khác được. Tuy nhiên, mục đích trước tiên của giáo huấn Phật giáo là kỷ cương đạo đức; vì thế dù có hội đủ các tiêu chuẩn trên đây đi nữa, nhưng nếu một người thầy chưa hoàn toàn chủ động được tâm thức mình thì số vốn liếng hiểu biết trên đây cũng sẽ chẳng mang lại ích lợi gì cho kẻ khác. Người thầy phải đạt được tất cả các cấp bậc tu tập cần thiết, và trên phương diện hiểu biết kinh điển thì cũng phải trội hơn các đệ tử của mình.

Vậy phải làm thế nào để có thể đạt được các điều kiện đó? Phải thực hiện ba phép tu là traу đối đạo đức

(tu giới), tập trung thực hành thiền định (tu định) và phát huy trí tuệ (tu tuệ). Nhất là người giảng dạy, dù là người tu hành hay là người thế tục, đều phải phát nguyện giữ gìn kỷ cương đạo đức, giúp mình chủ động các giác cảm của mình, nếu không thì các giác cảm cũng sẽ chẳng khác gì một đàn ngựa hoang, sẽ xui khiến mình vi phạm các hành vi thiếu đạo hạnh. Một người giảng dạy phải biết lắng sâu và thể dạng tĩnh lặng của thiền định, là phương pháp duy nhất giúp mình tránh khỏi mọi sự xao lãng tâm thần gây ra bởi các sự xáo động của bối cảnh chung quanh và sự bực nhược trong tâm thức mình. Hơn nữa, người giảng dạy cũng phải đạt được trí tuệ mang lại từ lòng vị tha và phải quán nhận được Tánh Không của sự hiện hữu tự tại, đó là những gì thật cần thiết giúp mình loại bỏ các thứ xúc cảm tiêu cực, có thể khiến cho dòng luân lưu của tri thức mình trở nên chai lì và cứng cố. Ngoài ra, người giảng dạy cũng phải thực hiện được bản chất vô

ngã của chính mình, ít ra là trên phương diện lý thuyết, nhờ vào việc học hỏi trong kinh sách.

Nhằm giúp cho việc giảng dạy được hữu hiệu, người thầy phải có một kiến thức thật bao quát về kinh điển cũng như các đường hướng giáo huấn khác biệt nhau - nghĩa là các học phái và tông phái khác. Chỉ khi nào đã tạo cho mình hành trang trên đây thì quý vị mới có thể khơi động được sự ham thích học hỏi nơi người trò. Trong khi thuyết giảng, quý vị phải được thúc đẩy bởi lòng mong cầu sao cho các môn đệ của mình tìm thấy được nhiều an vui hơn. Lòng từ bi đối với họ phải luôn dâng trào trong lòng mình, và nhất là phải loại bỏ mọi mối quan tâm mang tính cách cá nhân khi phải thuyết giảng các khái niệm khúc mắc trong giáo lý; nhờ đó mình cũng sẽ ngày càng vững tin hơn mỗi khi phải đề cập đến các khái niệm thật sâu sắc ấy.

Nếu quý vị thật lòng muốn giảng dạy thì nhất thiết phải hội đủ các phẩm tính trên đây. Đối với các môn đệ cũng thế, thật hết sức quan trọng là phải nhận biết được các phẩm tính ấy hầu giúp mình tìm được một người thầy xứng đáng. Nếu không tìm được ai cả, thì quý vị nên chọn người nào mang nhiều phẩm tính hơn so với các khiếm khuyết của họ.

Khắp nơi trên thế giới không thiếu những người Tây Tạng tìm mọi cách để giảng dạy, thế nhưng trong số họ, nhiều người chưa đủ tư cách để đảm trách việc ấy. Các người tu tập phải thật cảnh giác và phải lánh xa. Không nên nhắm mắt lao bừa. Phải tìm hiểu trước đã. Thật vậy, người thầy giảng dạy phải có khả năng phân tích thật mạnh, và người đệ tử thì cũng phải nhận thấy được phẩm tính đó để chọn một người thầy cho mình. Mục đích của việc giảng dạy là mang lại cho người nghe các liễu thuốc hóa giải ba thứ nọc độc, là tham dục, hận thù và vô minh. Do đó, trí tuệ thật hết sức cần thiết. Kuntu Lama Tenzin Gyaltzen (1895-1977) [một vị thầy Tây Tạng thật uyên bác không ngả theo một tông phái nào] có kể lại với tôi một câu chuyện như sau về một vị đại sư có tiếng của tỉnh Kham thuộc vùng Tây nam Tây Tạng là Patrul Rinpoche, và vị này rất ngưỡng mộ nhà sư thông thái Tịch Thiên (Shantideva), tác giả

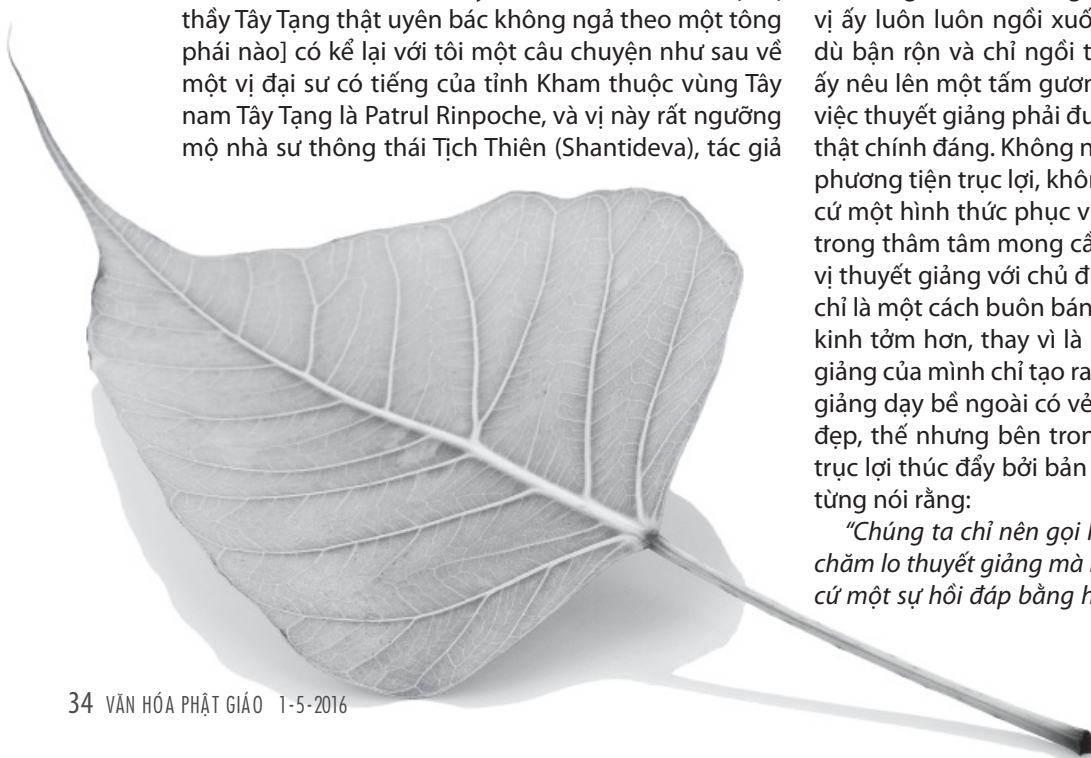
tập *Hành trình đến giác ngộ* (Bodhicharyavatara). Patrul Rinpoche là một người tu hành chân chính, sống một cuộc sống thật đơn sơ. Nhiều người tu hành thường kéo nhau đến quấy rầy ông; dân chúng cũng muốn được tiếp kiến ông. Quá mệt mỏi với các chuyện ấy, ông bèn trốn sang một ngôi làng khác và xin tá túc trong một gia đình nọ. Bà chủ gia đình thuê ông giúp việc nhà. Ông lau nhà, dọn dẹp, không nề hà bất cứ việc gì, kể cả việc đổ bỏ dơ bẩn. Vài hôm sau, các nhà sư quen biết ông tìm đến ngôi làng này. Họ hỏi thăm người phụ nữ chủ gia đình xem có thấy vị lạ-ma của họ đi ngang đây không. Bà này bèn hỏi dáng dấp ông ấy thế nào. Sau khi nghe các vị sư đi tìm mô tả diện mạo vị lạ-ma của họ, thì người phụ nữ hiểu ngay là trước đây mình đã xử sự thật sai trái và vô cùng hối tiếc.

Các vị lạ-ma đích thật, chẳng hạn như Patrul Rinpoche, lúc nào cũng là những người thật khiêm tốn, dù có thật nhiều khả năng phi thường. Chữ *lama* (lạ-ma) trong tiếng Phạn có nghĩa là một vị đạo sư "thượng thặng" [*đạo sư được gọi là guru, một vị thầy tâm linh*] một người tu hành đã tạo cho mình nhiều phẩm tính thật sâu sắc hầu giúp mình thực hiện các nghĩa cử cao đẹp. Ngày nay, nhiều vị lạ-ma không còn giữ được các phẩm tính ấy. Chiếc gai thuyết giảng của họ thật cao, chiếc mũ trên đầu thật uy nghi, thế nhưng các khả năng tâm linh của họ không xứng đáng với những thứ ấy.

Vì thế, khi nào quý vị tìm được một vị thầy xứng đáng thì phải quý trọng vị ấy. Vậy trong trường hợp này thì quý vị cũng nên đem những lời giảng dạy của vị ấy ra thực hiện, vì đấy là cách tỏ bày lòng quý mến của mình đối với vị ấy.

Người thuyết giảng giáo lý Phật giáo phải được thúc đẩy bởi lòng quyết tâm sâu xa giúp đỡ kẻ khác. Một trong các vị thầy đầu tiên của học phái Kadampa cho biết rằng mỗi khi đứng ra thuyết giảng thì trước đó vị ấy luôn luôn ngồi xuống thiền định về vô thường, dù bận rộn và chỉ ngồi thiền được một lúc đi nữa. Vị ấy nêu lên một tấm gương hết sức tuyệt vời. Thật vậy, việc thuyết giảng phải được thúc đẩy bởi một động cơ thật chính đáng. Không nên xem việc giảng dạy là một phương tiện trục lợi, không được nhận thù lao hay bất cứ một hình thức phục vụ nào, hoặc tệ hại hơn nữa là trong thâm tâm mong cầu sẽ được nổi tiếng. Nếu quý vị thuyết giảng với chủ đích được nhận thù lao thì đấy chỉ là một cách buôn bán giáo lý. Quả thật không có gì kinh tởm hơn, thay vì là một sự giúp đỡ thì sự thuyết giảng của mình chỉ tạo ra thêm tai hại khác mà thôi. Sự giảng dạy bề ngoài có vẻ như mang một mục đích tốt đẹp, thế nhưng bên trong cũng chỉ là một hình thức trục lợi thúc đẩy bởi bản năng. Vị thầy Ghede Sharapa từng nói rằng:

"Chúng ta chỉ nên gọi là đạo sư (guru) các vị nào chỉ chăm lo thuyết giảng mà không mấy may mong đợi bất cứ một sự hồi đáp bằng hiện vật nào. Các vị nào nhắm



vào lợi lộc đều không phải là các vị đạo sư chân chính; họ chỉ gây thêm đổ vỡ cho những người tu tập thực lòng mong cầu đạt được giải thoát mà thôi”.

Vào thế kỷ XVII, một vị lạt-ma của học phái Nyingmapa thuộc truyền thống Đại Toàn Thiện (Dzogchen) của Phật giáo Tây Tạng, cho biết rằng ông không cưỡi ngựa để di chuyển, cũng không ăn thịt, và nhất quyết không nhận bất cứ một vật cúng dường nào nhằm hồi đáp lại các buổi thuyết giảng của mình. Tôi luôn nhắc nhở những người chung quanh tôi là tiền cúng dường và bán vé là để trang trải việc tổ chức, nếu thừa ra thì phải dùng vào việc từ thiện.

Trước khi ngồi xuống thuyết giảng thì phải nghĩ đến người thầy của mình trước đây đã từng ban cho mình sự hiểu biết, phải tưởng tượng người ấy đang ngồi ở chỗ mà mình sắp ngồi để thuyết giảng, sau đó thì chấp tay vái lạy người ấy ba lạy. Đây là cách giúp người thầy biết quý trọng nguồn gốc giáo lý và những lời giảng dạy mà mình đã được thụ hưởng trước đây. Trước khi ngồi lên bục thuyết giảng, tôi luôn hình dung vị thầy của tôi là Ling Rinpoche đang ngồi trên chiếc ngai ấy và tôi cúi lạy thầy tôi trước khi ngồi xuống; rồi sau đó tôi thầm đọc câu sau đây trong kinh *Kim Cương*:

*Bất cứ một sự vật nào hiện hữu nhờ vào điều kiện
Cũng chỉ tương tự như một vì sao lấp lánh
Một ảo ảnh phát sinh từ một cơn mắt bệnh hoạn
Một ngọn lửa đang lung lay của một chiếc đèn dầu
Một ảo giác ma thuật
Một giọt sương mai, một bong bóng nước, một giấc
mơ hay một áng mây bay.*

Sau đó, tôi nghĩ đến sự tan biến của mọi hiện tượng và tính cách vô ngã của con người. Tôi liền bật hai gón tay phát ra một tiếng khô khan nhằm nhắc nhở tôi là rồi đây tôi sẽ sớm bước khỏi chiếc ngai này. Đây cũng chính là cách che chở tôi trước sự quan trọng mà người ta thường gán cho tôi.

Một vị thầy, dù nam hay nữ giới, phải xem mình mang trọng trách của một vị lương y, việc thuyết giảng là phương pháp chữa lành, và người nghe là bệnh nhân cần phải được kê toa. Việc giảng pháp không được mang tính cách vị nể đối với cử tọa; thật vậy, hết sức khó tránh một sự tự cao nào đó. Nếu quý vị cư xử bình đẳng với các người trò của mình thì những lời giảng huấn sẽ được kính trọng và sẽ mang lại một sự hiểu biết sâu xa, phản ánh được lòng nhân từ của tất cả mọi người. Người thầy không được phép ganh tị (*trước sự thành công của người khác*) dù chỉ là một ý nghĩ thoáng qua, hoặc là lo ngại người khác có thể trội hơn mình về mặt tâm linh. Hoãn lại hay đình lại một buổi giảng huấn đôi khi cũng là việc nên làm. Nhất là không được thối chí vì phải lặp đi lặp lại bất tận một vài khái niệm nào đó trong giáo lý, phải chủ động được sự hiểu biết của mình và phải luôn phát huy sự chú tâm, sửa đổi chính mình và nhận thấy được các sai lầm của

kẻ khác. Với tinh thần đó, việc thuyết giảng mới có thể phản ánh được lòng vị tha và mang lại lợi ích. Thái độ hành xử ấy sẽ giúp quý vị đạt được giác ngộ, và khả năng giúp đỡ kẻ khác của quý vị cũng nhờ đó mà gia tăng thêm: đây là cách mang lại cho quý vị một niềm hạnh phúc nội tâm sâu xa nhất.

Trước mỗi buổi giảng nên tắm rửa và mặc quần áo sạch sẽ. Sau đó tìm một nơi yên tịnh và êm ả để tụng niệm bản Tâm Kinh nhằm giúp tâm thức tránh bớt các tác động có thể ảnh hưởng đến việc thuyết giảng của mình. Hãy thuyết giảng với một giọng quả quyết nhưng vui vẻ, nêu lên ví dụ, sử dụng nhiều cách lý luận khác nhau và đưa ra các trích dẫn trong kinh sách. Tránh các giải thích rắc rối bằng cách thỉnh thoảng đưa ra một vài dẫn chứng ngắn gọn (*và cụ thể*). Không nên chỉ nói đến những gì thật đơn giản và tránh né những gì khúc chiết; cũng không nên truyền đạt những gì mình chưa thấu triệt thật vững chắc. Nên giới hạn việc thuyết giảng trong các lãnh vực mà mình đã hoàn toàn nắm vững.

Sau khi xác định được tính cách lợi ích của bài giảng mà mình sắp đưa ra thì mới nên đón tiếp những người thật lòng và nhiệt tình muốn nghe. Ngược lại, không bao giờ nên tìm cách giảng dạy cho bất cứ một ai cả. Việc bành trướng tôn giáo đi ngược lại với Phật giáo. Nếu có một tôn giáo chủ trương khuyến dụ kẻ khác, thì các tôn giáo khác tất sẽ nhập cuộc ngay, và sự xung đột sẽ khó tránh khỏi. Tại các buổi thuyết giảng của tôi trong thế giới Tây phương, tôi luôn nhắc nhở những người nghe phải giữ nguyên tôn giáo của cha mẹ mình, tức là Thiên Chúa giáo, Hồi giáo hay Do Thái giáo. Như tôi đã có dịp giải thích trước đây, phải nên để cho các tín đồ của các tôn giáo ấy tự khám phá các nguyên tắc giáo lý cũng như các phép luyện tập nào của Phật giáo có thể giúp mang lại sự an lành cho họ. Nói chung, sự chối bỏ tôn giáo mà mình đã được nuôi dưỡng lúc còn nhỏ là điều không nên.

Trước khi buổi giảng chấm dứt, cả thầy lẫn trò nên hồi hướng sức mạnh đạo đức mang lại từ việc thuyết giảng cũng như sự chú tâm lắng nghe của mình cho tất cả chúng sinh. Sau khi buổi giảng chấm dứt thì cũng nên tiếp tục suy tư về bản chất đích thực của mọi hiện tượng để ý thức rằng buổi giảng ấy cũng chỉ là hư ảo với ý nghĩa là nó không thật một cách cụ thể; bởi vì thực ra nó cũng chỉ mang tính cách giả tạo mà thôi. Buổi giảng chỉ hiện ra như là kết quả của một sự tương kết của vô số yếu tố khác nhau. Kinh nghiệm mang lại từ sự hiểu biết cho chúng ta thấy rằng chỉ nên nhìn vào thực thể của mọi sự vật, có nghĩa là bản chất tự tại của chúng, tức là Tánh Không. ■

Nguồn:

LAMRIM - Cheminer vers l'Éveil: Reconnaître les compétences du maître <http://www.buddhaline.net/Reconnaître-les-compétences-du>.



Bảo vệ Tổ quốc trên thế trận Biển Đông

Bài & ảnh: NGUYỄN VĂN TOÀN

Bảo vệ Tổ quốc trên thế trận Biển Đông là một cuộc chiến của dân tộc ta từ xa xưa cho đến nay trước những đội quân xâm lược hung tàn.

Hào hùng truyền thống cha ông

Chuyện chế ngự các loài thủy quái trên biển đã

được nhắc đến từ xa xưa. Theo *"Lĩnh Nam chích quái"*, Lạc Long Quân, thủy tổ dân tộc Việt, là người có công diệt Ngư tinh vùng Biển Đông để nhân dân được an cư lạc nghiệp. Địa danh liên quan là đảo Bạch Long Vĩ, thuộc chủ quyền Việt Nam, nơi phủ khúc đuôi của Ngư tinh do Lạc Long Quân lột lấy da. Sau đó, cũng chính



Lạc Long Quân đã dẫn các con về miền biển để làm chủ Biển Đông.

Lạc Long Quân đã nói với vợ là Âu Cơ rằng *“Ta là loài rồng, nàng là giống tiên, khó ở với nhau lâu dài. Nay ta đem năm mươi con về miền biển, còn nàng đem năm mươi con về miền núi, chia nhau trị vì các nơi; kẻ lên núi, người xuống biển, nếu gặp sự nguy hiểm thì báo cho nhau biết, cứu giúp lẫn nhau, đừng có quên”*. Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ sau này lập ra Bách Việt. Riêng người con trai trưởng lập nên nhà nước Văn Lang.

Bởi thế dân gian Việt Nam mới có câu: *“Thuận vợ thuận chồng tát Biển Đông cũng cạn”, “Rẽ nước biển Đông để tìm sinh lộ”*.

Cách đây gần 2.000 năm, nữ tướng Triệu Thị Trinh cũng khẳng định: *“Tôi muốn cưỡi gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá kình ở biển Đông...”* như sự tiếp nối truyền thống giết Ngư tinh của thủy tổ Lạc Long Quân.

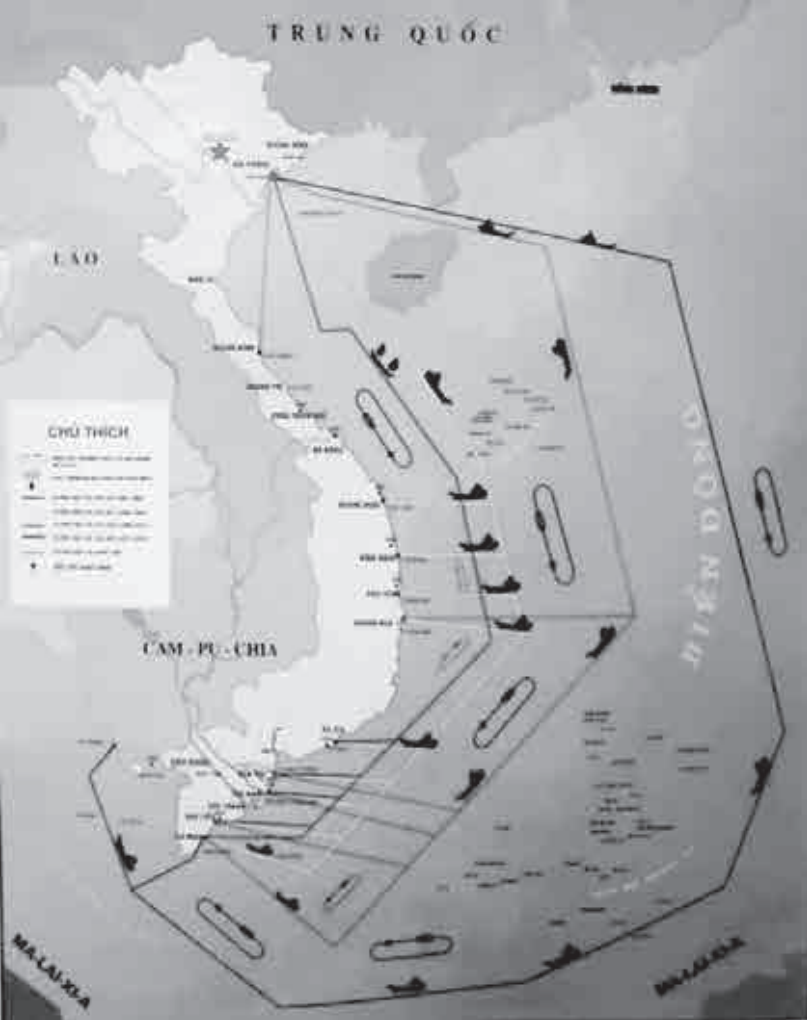
Trận Văn Đồn, nơi Trần Khánh Dư tiêu diệt đội thuyền lương Trương Văn Hổ của quân Nguyên Mông là trận đánh trên biển mẫu mực. Ngô Thì Sĩ chép: *“Tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ chở thuyền lương tới, Khánh Dư đón đánh, quân giặc đại bại. Đến biển Lục Thủy lại đánh bại quân giặc. Thuyền lương đều bị chìm xuống biển...”*.

Khi quân Nguyên Mông đã thua chạy về Trung Quốc, để bảo vệ vùng đất liền ven biển và biển đảo chiến lược hiểm yếu của Tổ quốc, ngoài quân bộ (bộ binh, kỵ binh), Trần Khánh Dư còn tổ chức một đội quân thủy tinh nhuệ, đặt tên là Binh Hải quân, đóng đại bản doanh ở vùng bây giờ là khu vực đảo Quan Lạn (Văn Đồn). Theo tư liệu khoa học của sách *Di tích Lịch sử - Văn hoá Văn Đồn*, do Ban Quản lý các Di tích Trọng điểm Quảng Ninh và Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội xuất bản năm 2010, thì đội quân thủy chiến mang tên Binh Hải này có 30 đò, biên chế mỗi đò 80 người lính, toàn quân có 30 chiến thuyền, mỗi thuyền có 30 lính chèo thuyền.

Như vậy, ta có thể tính ra, toàn bộ đạo quân thủy chiến của Nhân Huệ vương có khoảng 3.300 người. So với số dân lúc bấy giờ, số quân đó chắc là đủ mạnh để bảo vệ cả một vùng biển đảo rộng lớn của vùng Đông Bắc. Như vậy, sức mạnh thủy quân của Đại Việt thời Trần đã có thể chế ngự các âm mưu xâm lược đến từ các quốc gia xung quanh trên Biển Đông. Việc lập ra Binh Hải quân thời Trần do Trần Khánh Dư chỉ huy chứng tỏ vua quan nhà Trần rất coi trọng vùng biển Đông Bắc.

Việc chiến đấu với các hải đội tàu nước ngoài để bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia dưới thời các chúa Nguyễn cũng được sử sách ghi chép lại cụ thể. Vào năm 1585, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, khi ấy còn là một hoàng tử, đã đánh tan một đội tàu chiến 6 chiếc của Nhật Bản (*Đại Nam thực lục* gọi đây là tàu của “tướng giặc nước Tây dương hiệu là Hiển Quý”, có tài liệu nói đây là tàu Kenki của Nhật Bản) đến cướp bóc vùng ven biển Cửa Việt.

“Đại Nam thực lục tiền biên” có ghi rõ lực lượng thủy binh nước ta thời chúa Nguyễn Phúc Tần có tới 22.740 quân, bao gồm: Cơ Trung hầu 10 thuyền 300 người; Nội bộ 60 đội thuyền, hơn 3.280 người; hai cơ Tả trung và Hữu trung, mỗi cơ 14 thuyền, đều hơn 700 người; Nội thủy 58 thuyền, 6.410 người; Cơ Tả trung kiên 12 thuyền, 600 người; Cơ Hữu trung kiên 10 thuyền, 500 người; hai cơ Tả trung bộ và Hữu trung bộ, mỗi cơ 10 thuyền, đều 450 người; Cơ Tiền trung bộ 12 đội, mỗi đội 5 thuyền, cộng 2.700 người; bốn cơ Tả dục, Hữu dục, Tiền dục, Hậu dục, mỗi cơ 5 thuyền, cộng hơn 1.100 người; bốn đội Tiền thủy, Hậu thủy, Tả thủy, Hữu thủy, mỗi đội 5 thuyền, đều hơn 500 người; tám



cơ Tả nội bộ, Hữu nội bộ, Tiền nội bộ, Hậu nội bộ, Tả sủng, Hữu sủng, Tiền sủng, Hậu sủng, mỗi cơ 6 thuyền, cộng 2.100 người; Dinh tả bộ 10 thuyền, cộng hơn 450 người; bốn đội Tiền binh, Hậu binh, Tả binh, Hữu binh, mỗi đội 4 thuyền, đều hơn 200 người; Cơ Tả thủy 5 thuyền, hơn 200 người.

Còn theo Thomas Bowyear, một nhà buôn người Anh đến Đàng Trong vào các năm 1695-1696, thì lực lượng thủy quân ở Đàng Trong dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu có đến 200 chiến hạm, mỗi chiếc có từ 16 đến 22 khẩu đại bác, 500 chiến thuyền nhỏ từ 40 đến 44 tay chèo; 100 chiếc thuyền lớn từ 50 đến 75 tay chèo. Nhờ vào lực lượng thủy quân hùng mạnh này mà quân đội của chúa Nguyễn Phúc Lan đã đánh bại một đội tàu của Hà Lan ở cửa Eo (cửa Thuận An, ở gần Huế) vào năm 1644, đuổi chúng rút chạy ra Biển Đông. Đủ thấy tầm nhìn và sức mạnh của người Việt trên Biển Đông, chỉ mới một nửa đất nước (Đàng Trong) đã vượt hẳn so với các quốc gia khác đương thời.

Không chỉ đánh thắng tàu chiến Hà Lan và Nhật Bản, hải quân chúa Nguyễn còn đánh thắng tàu chiến Anh sang gây hấn, quét sạch mọi loại giặc biển đến từ Trung Quốc, Indonesia, Thái Lan... Đặc biệt là những tên giặc biển Tàu Ô đến từ Trung Quốc lại là một hoạt động phi pháp trên Biển Đông.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Quang Trung Tiến (Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Huế) nhận định: "Người Việt thường gọi giặc Tàu Ô để chỉ những toán

cướp biển từ Trung Quốc sang; còn tên chữ trong các thư tịch Việt Nam thường ghi là thủy phi, hải phi, Đường phi, Thanh phi... Cá biệt, thời điểm cuối đời Tây Sơn đến đầu triều vua Gia Long nhà Nguyễn, thư tịch có ghi tên các toán cướp biển Trung Quốc là Tề Ngòi hải phi, Ô Tàu hải phi". Sách "Đại Nam thực lục" của Quốc sử quán triều Nguyễn còn ghi lại: "Năm 1867, thuyền giặc biển 22 chiếc vào cửa Sa Kỳ lên trên cạn hơn 300 tên, quan tỉnh Quảng Ngãi vì có ít quân, xin điều quân ở quân thứ Tỉnh Man hội lại cùng đánh tan tác lũ giặc Tàu Ô".

Việc làm chủ Biển Đông không những được Nhà nước mà còn được nhân dân coi trọng. Chẳng hạn, vào ngày 15 tháng giêng năm 1776, dưới thời Tây Sơn, Cai hợp phường Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) là Hà Liễu đã làm đơn trình bày rõ xin lập lại hai đội Trường Sa và Quế Hương để "ứng chiến" với kẻ xâm phạm: "Bây giờ chúng tôi lập hai đội Trường Sa và Quế Hương như cũ gồm dân ngoại tịch được bao nhiêu xin làm sổ sách dâng nạp; vượt thuyền ra các đảo và cù lao ngoài biển tìm nhật vật hạng đồng thiếc, hải ba, đôi môi... được bao nhiêu xin dâng nạp. Nếu như có tờ truyền báo, xảy chinh chiến, chúng tôi xin vứng lòng ứng chiến với kẻ xâm phạm. Xong việc rồi chúng tôi xin tờ sai ra tìm báu vật cũng thuế quan đem phụng nạp".

J.Barrow trong cuốn "Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà 1792-1793" đã ghi lại một bảng thống kê thú vị về quân đội của Nguyễn Ánh: Tổng quân số 139.800 người, riêng hải quân có 26.800 người. Barrow còn ghi thêm về việc "hiện đại hóa" hải quân của Nguyễn Ánh: "Ông đã cho đóng ít nhất 300 pháo thuyền lớn hoặc loại thuyền dùng chèo, 5 thuyền có cột buồm và một chiến hạm đóng theo kiểu tàu châu Âu. Ông cho đưa vào quân đội một hệ thống các chiến thuật hàng hải, và cho những sĩ quan hải quân học cách sử dụng các tín hiệu".

Với lực lượng hải quân như thế, việc quản lý và thực thi chủ quyền trên Biển Đông của triều Nguyễn đã phát huy tác dụng lớn. Hệ thống phòng thủ bờ biển dưới thời Nguyễn đã được thiết lập dọc theo chiều dài đất nước, hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ trên biển, kể cả Hoàng Sa, Trường Sa đều được tiếp quản, thiết lập chủ quyền và canh phòng cẩn mật.

Hào hùng "Đường Hồ Chí Minh trên biển"!

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, việc tiếp tế và chi viện thường xuyên cho cách mạng miền Nam là hết sức cần thiết. Thực hiện chủ trương của Đảng và Tổng Quân ủy, ngày 19/5/1959, Đoàn công tác quân sự đặc biệt (đơn vị tiền thân của Đoàn 559) được thành lập. Đến tháng 7/1959, Tiểu đoàn 603 được thành lập, có nhiệm vụ nghiên cứu tìm phương thức vận chuyển bằng đường biển chi viện vũ khí cho chiến trường miền Nam. Trong khi chưa có lực lượng để làm nhiệm vụ vận chuyển trên biển chi viện cho miền Nam, Bộ Chính trị chỉ thị cho Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo các tỉnh ven biển ở miền Trung và Nam Bộ chủ động

chuẩn bị bến, bãi và tổ chức đưa thuyền vượt biển ra miền Bắc, vừa thăm dò, nắm tình hình địch, nghiên cứu tuyến vận chuyển trên biển, vừa nhận vũ khí để cung cấp cho phong trào cách mạng ở miền Nam đang phát triển. Từ giữa năm 1961 đến 1962 đã có 5 thuyền của địa bàn Nam Bộ (tỉnh Bạc Liêu, Trà Vinh, Bến Tre, Bà Rịa) đã ra tới miền Bắc (trong đó có 18 đảng viên) đã vinh dự được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Duẩn và các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương gặp mặt, ân cần thăm hỏi, động viên. Những chuyến thuyền từ Nam Bộ vượt biển ra Bắc thành công là một trong những cơ sở quan trọng để xúc tiến việc thành lập đoàn vận tải thủy tiếp tế vũ khí cho miền Nam.

22 giờ 10 phút ngày 11/10/1962, chuyến tàu đầu tiên chở vũ khí đã xuất phát từ bến K15, Đồ Sơn, Hải Phòng đi Cà Mau. Chuyến tàu cập bến thành công, đánh dấu cho việc mở đường thắng lợi. Cán bộ, chiến sĩ Đoàn tàu Không số đã vô cùng anh dũng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên biển, khai thông tuyến đường vận chuyển chiến lược - một con đường có một không hai trên thế giới. Do đó ngày 23/10/1961, Bộ Tổng Tư lệnh ra Quyết định số 97/QP do Thứ trưởng Hoàng Văn Thái ký thành lập Đoàn 759 vận tải thủy. Ngày 23/10 trở thành ngày truyền thống của đoàn 759 trước đây, Lữ đoàn 125 Hải quân ngày nay, đồng thời là Ngày mở Đường Hồ Chí Minh trên biển.

Chỉ trong vòng một năm đầu tiên, Đoàn 759 đã thực hiện 29 chuyến hàng vào Nam Bộ, vận chuyển 1.430 tấn vũ khí cho chiến trường. Đến ngày 29/1/1964, Bộ Quốc phòng quyết định đổi phiên hiệu Đoàn 759 thành Đoàn 125. Trong vòng 14 năm, từ năm 1961 đến năm 1975, gần 2.000 lượt chiếc tàu không số, vượt qua hơn 20 cơn bão lớn, hàng trăm cuộc vây ráp của kẻ thù,

đi gần bốn triệu hải lý, vận chuyển 15 vạn tấn vũ khí trang bị và 8 vạn lượt người, góp phần chi viện đắc lực cho chiến trường, cùng toàn dân, toàn quân đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn. Như vậy, các chiến sĩ trên các đoàn tàu không số đã tiếp bước chân của chàng thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành năm nào để làm nên một huyền thoại về con đường Hồ Chí Minh trên biển, thực sự đã nối dài hành trình vĩ đại của các thế hệ yêu nước Việt Nam đến bất tận.

Đặc biệt, ngày 4/4/1975, Quân ủy Trung ương đã chỉ thị cho Khu ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 và Bộ Tư lệnh Hải quân phải "nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện gấp rút, nhằm thời cơ thuận lợi nhất đánh chiếm các đảo do quân ngụy Sài Gòn chiếm thuộc quần đảo Trường Sa". Sau đó, do tình hình chiến sự miền Nam phát triển rất nhanh, Bộ Tổng Tham mưu đã ra lệnh cho Bộ Tư lệnh Hải quân nhanh chóng giải phóng Trường Sa, không để cho các lực lượng khác vào đánh.

Chính vì quyết định nhanh chóng và đúng đắn này, từ ngày 14 đến 29/4/1975, các lực lượng của ta đã nhanh chóng giải phóng và tiếp quản các đảo Song Tử Tây, Sơn Ca, Nam Yết, Sinh Tồn và Trường Sa. Tiếp đó Đoàn 125 tham gia giải phóng một số đảo ở miền Trung và vùng biển Tây Nam. Việc làm này khiến cho các quốc gia "dòm ngó" biển Đông như Trung Quốc không kịp thực hiện âm mưu đánh chiếm và tạo ra "sự đã rồi".

Thế kỷ XXI được coi là "Thế kỷ của đại dương". Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 đặt mục tiêu tổng quát lúc đó nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển. Biển mục tiêu đó thành hiện thực là cách tốt nhất để kế thừa, gìn giữ, phát huy và bảo vệ các vùng biển đảo thiêng liêng của cha ông cho con cháu mãi mãi mai sau. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BẢO VHPG NĂM 2016

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2016, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 40 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 11 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiên, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 10 cuốn/kỳ
Ô. Bùi Phong Lưu : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 5 cuốn/kỳ
Hoàng Mỹ - Thiên An : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 4 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Hoàn Ái - Huệ Minh : 3 cuốn/kỳ
Ô. Tạ Hữu Chung : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, Cty Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyễn Thuận : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 358 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội... xin liên lạc: **Tòa soạn, 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP. Hồ Chí Minh; Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335 Email: toasoanhvpg@gmail.com**

Ban Biên tập



Phát triển đô thị

nhìn từ vỉa hè

LÊ HẢI ĐĂNG

Vỉa hè vốn nằm trong quần thể kiến trúc đô thị. Bên cạnh lòng đường mang chức năng chuyên dụng dành cho phương tiện di chuyển, vỉa hè góp phần làm nên tính chất phức hợp nhằm thỏa mãn nhu cầu đa dạng của đời sống. Nhờ có vỉa hè mà đường trở thành phố.

Vì, tựu trung, phố để ở và đường để đi. Vỉa hè đem đến cho không gian đô thị một môi trường nhân văn, tạo dựng khả năng tương tác giữa các thành viên cộng đồng và đi sâu hơn vào miền ký ức êm đềm. “Xã hội người quen” sở dĩ bị phá vỡ là vì sự tham gia lỏng lẻo, thiếu chức năng gắn kết của vỉa hè.

Nhiều giá trị văn hóa truyền thống không tiếp tục được duy trì hay tự nhiên bị đứt gãy, xuất phát bởi nhiều nguyên nhân, trong đó có sự sa sút của vỉa hè: cảnh học sinh rủ nhau đi học; sinh viên ngồi đọc sách, trao đổi; người già tản bộ, thơ thẩn, ngắm cảnh... tất cả đang mất dần và vắng bóng trên hè phố. Trong xu hướng phát triển đô thị theo lối “vô danh”, “vô tính”, vỉa hè chính là vạch nối có khả năng gắn kết giữa các cá thể với nhau.

Thực tế cho thấy, chưa bao giờ vỉa hè bị chiếm dụng, lợi dụng một cách triệt để như hiện nay. Vỉa hè càng ngày càng có nguy cơ teo tóp, vỡ vụn, thậm chí sử dụng vào nhiều mục đích phi văn hóa. Ở các thành phố lớn, như Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn, Chợ Lớn (thành phố Hồ Chí Minh), Đà Lạt... từng hình thành trên cơ tầng đô thị thời Pháp thuộc. Ngay từ thuở ban đầu, chúng được người Pháp thiết kế, xây dựng theo tiêu chuẩn châu Âu, mang tính hệ thống cho phép vỉa hè tham gia vào quần thể kiến trúc như một thành tố bất phân nhằm tạo nên môi trường nhân văn bên cạnh môi trường tự nhiên.

Cá biệt, có những thành phố nằm trên địa hình đồi núi chập chùng, như Đà Lạt hay Ban Mê Thuột... vỉa hè vẫn góp phần quan trọng vào quần thể kiến trúc. Sau khi tiếp quản, nhiều thế hệ đã không tính đến khả năng kế thừa một cách hiệu quả mà dần biến chúng thành không gian cư trú hỗn tạp, lộn xộn, xấu xí, thiếu tư duy hệ thống, nhếch nhác, luộm thuộm... Vỉa hè nằm trong số phận chung của những đô thị khập khiểng giữa di sản truyền thống và hiện đại. Bên cạnh xu hướng cắt



via hè để mở rộng đường, sử dụng vào nhiều mục đích cá nhân, nhóm lợi ích khác nhau, còn có tình trạng xây via hè dưới hình thức “thô”, trơ trụi nền xi-măng, hình thù nhô ra, thụt vào, ngói lên, lặn xuống, oằn mình theo từng nhu cầu khác nhau và đặc biệt là không có chỗ dành cho cây xanh cư trú. Như chúng ta biết, via hè còn là không gian cư trú của loài thảo mộc, địa bàn thường trú của cây xanh tỏa bóng râm mát.

Thế nhưng, ngay tại thành phố Hồ Chí Minh, nhiều tuyến đường chẳng hề trồng cây xanh, giữa trời nóng oi ả, cộng hưởng với phương tiện di chuyển không ngừng gia tăng, sự choáng ngợp, bức bí ngột ngạt bao phủ trên diện rộng.

Trong quá trình phát triển, nhiều công trình đô thị thường ưu tiên diện tích sử dụng, ít quan tâm tới không gian công cộng. Đô thị giống như tấm áo chật, may đo theo thời vụ, vá chằng vá đụp, méo mó, xấu xí Mặc dù nhu cầu làm đẹp đã được nâng cao, nhưng nhìn vào bức tranh tổng thể, những cây “trúc xinh” lẻ loi chỉ đẹp khi đứng một mình. Nó không có khả năng hội nhập với cảnh quan, môi trường xung quanh.

Và xét ở khía cạnh tổng thể này, sự thiếu hài hòa trong quần thể kiến trúc bộc lộ một cách rất rõ. Nhiều con đường sau khi cải tạo tiếp tục ăn bớt, xẻ đất vỉa hè. Vỉa hè vốn đã không được đầu tư, mở rộng lại tiếp tục nâng cấp lên theo hướng giản tiện, thu hẹp.

Tư duy chính trang đô thị vẫn dựa trên cơ tầng *Kinh tế quyết định luận*. Có nghĩa là lấy hiệu quả kinh tế làm động lực cho việc chia sẻ lợi ích trước mắt. Trên danh nghĩa một đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đây chính là một bước đi thụt lùi. Bên cạnh

tư duy Kinh tế quyết định luận, đường hướng *Văn hóa quyết định luận* lại thể hiện bước đi trái chiều ở một khía cạnh khác làm nên bức tranh đa sắc, đối tì trong quần thể kiến trúc.

Các khu phố văn hóa mọc lên nhan nhản nhờ tấm biển với những nội dung và chỉ báo không phản ánh trung thực đời sống người dân, kéo theo là hàng loạt những chiến dịch đi từ cao trào đến thoái trào, đặc biệt gây nhầm lẫn cho người thực hiện về hiệu quả và tính thiết thực.

Văn hóa - xã hội là hai mặt của một thực thể. Trong thực tế, có lúc chúng ta nghiêng về văn hóa, lúc nghiêng sang xã hội, chưa khi nào hai phạm trù này phát triển song hành. Tình cảnh khập khiểng, chông chênh, không tương thích nhau giữa kinh tế và văn hóa đã làm nên khoảng trống cho nghịch lý tồn tại. Phát triển đô thị nhìn từ vỉa hè có thể nhìn thấy những kẽ hở bên trong tư duy Kinh tế và Văn hóa mà kết quả là chưa bao giờ chúng chạm vào được quyền lợi thân thiết của người dân.

Cả kinh tế và văn hóa mới đi mon men, loang quanh theo sự chỉ đạo xa rời thực tế, làm nền cho tình trạng đứt gãy về nhịp điệu trong bản hòa tấu mang tên phát triển. Nhiều tập quán tốt đẹp đã không được tiếp tục duy trì, bảo lưu khi không gian cư trú đang mất dần chỗ dựa tinh thần trong những đô thị ồn ào vươ cao, vươ xa, nhưng chưa kịp trở về hòa mình vào đời sống người dân nhằm thỏa mãn những nhu cầu thân thiết, gần gũi.

Đi giữa phố xá xôn xao bỗng thấy nhớ nao nao hình ảnh những đêm trăng tàn trên hè phố. ■



Thuốc trừ sâu
và phân đạm

đi về đâu?

CAO HUY HÓA

Đương nhiên thuốc trừ sâu và phân đạm đi về cây trồng trong nông nghiệp. Trong phương thức canh tác quy mô lớn, không có thuốc trừ sâu thì cây trồng sẽ bị sâu phá hại, làm tổn thất trầm trọng cho cây trồng, thậm chí cả cánh đồng có thể mất trắng hoa lợi. Không có phân đạm thì cây không phát triển tốt, thu hoạch sẽ bị hạn chế nhiều. Ngày nay, phân hữu cơ tự nhiên như phân chuồng không thể đáp ứng sản xuất lớn, cho nên nhà nông phải sử dụng phân hóa học, trong đó có N (ni-tơ, đạm), P (phốt-pho, lân), K (ka-li) với thành phần rất quan trọng là N.

Nhưng không chỉ cây trồng là địa chỉ đến của thuốc trừ sâu và phân đạm. Địa chỉ sau cùng là con người và gia súc (và gia súc thì cũng đến người). Chuyện thường ngày về vấn nạn ăn uống là chuyện đại sự từ cấp cao nhất cho đến từng mái nhà, từng người, từ em bé sơ sinh cho đến người già. Theo dõi thời sự qua báo chí và các phương tiện truyền thông, các sự cố về thức ăn nhiễm bẩn, rau tồn dư phân đạm và thuốc trừ sâu, trái cây ủ chất kích thích nguy hại,... rồi không khí và nước ô nhiễm do khói, bụi, nước thải, đây đó thỉnh thoảng có tin các cháu nhà trẻ bị đau bụng, công nhân ăn tập thể bị trúng độc... các sự cố như thế tràn lan mọi nơi, nhất là nơi tập trung đông dân.

Lợi ích trước mắt của thuốc trừ sâu và phân đạm thì ai ai cũng biết, nhưng những hạn chế gây lo lắng cho sức khỏe thì càng ngày càng nhiều người ý thức, và khổ nhất là các bà nội trợ, nhiều khi đi chợ phải nhắm mắt làm ngơ, vì trước hàng rau quả, thịt thà, khó mà tin là "sạch", thôi thì cũng phải mua mà ăn. Và không chỉ chuyện ăn, còn là chuyện môi trường, hiệu ứng nhà kính, lây lan bệnh, không khí ô nhiễm. Đây cũng là vấn đề toàn cầu, kể cả các nước phát triển.

Một bài báo trên tờ *Le Monde.fr* ngày 12/1/2016, nhan đề: "*Quel est le coût des pollutions agricoles ?*" (Cái giá nào phải trả cho sự ô nhiễm trong nông nghiệp?) đã phân tích những tác hại trong việc sử dụng thiếu cân nhắc thuốc trừ sâu và phân đạm trong nông nghiệp, ngay ở tầng vĩ mô. Nội dung rất công phu với năm bản đồ nước Pháp, trên mỗi bản đồ chỉ ra từng vùng và địa điểm dân cư cho biết:

- Nồng độ trung bình của những nitrates trên mặt nước năm 2011 ở từng vùng (theo mg/l).
- Nồng độ trung bình của những nitrates trong nước ngầm năm 2011 ở từng vùng (đơn vị: mg/l).
- Nồng độ tổng cộng của thuốc trừ sâu trên mặt nước năm 2011 ở từng điểm (đơn vị: µg).
- Nồng độ tổng cộng của thuốc trừ sâu trong nước ngầm năm 2011 ở từng điểm (đơn vị: µg).
- Số thuốc trừ sâu được định lượng trên mặt nước năm 2012.

Câu hỏi trên đây là vấn đề chung cho mọi nước, mọi nơi; chỉ khác một điều là các nước phát triển cao như Pháp và khối EU thì sự tác hại được phân tích, thống kê, đong đếm để mọi người cảnh tỉnh, các nhà chức trách hạn chế "chất độc" và hướng đến giải pháp khác, trong khi ở các nước đang phát triển thì những cánh đồng được rải đạm và phun thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, lại còn vất bỏ đồ dư và bao bì tại chỗ, gây tác hại lớn đến môi trường và sức khỏe của người dân.

Tôi xin dịch những ý chính của bài báo nói trên, vì tuy chuyện thì ở Pháp nhưng vẫn rất gần gũi với mỗi chúng ta.

oOo

Nền nông nghiệp Pháp đã sử dụng nhiều thuốc trừ sâu bệnh và phân đạm. Hậu quả không chỉ dành cho

người sử dụng, mà khắp nơi đều chịu. Sự ô nhiễm nước, không khí và đất cũng như sự phát tán khí hiệu ứng nhà kính và những tác động gấp bội đến đa dạng sinh học đè nặng lên cộng đồng người. Thiệt hại là bao nhiêu nếu tính những ảnh hưởng xấu về môi trường? Cũng phải nhiều tỉ euros, theo đánh giá của Ủy hội về Phát triển Bền vững (CGDD), một tổ chức quan hệ chặt chẽ với Bộ Môi trường, được giao nhiệm vụ đánh giá bằng cách dựa vào những khảo sát thực hiện bởi nhiều bộ khác nhau.

Việc tính số đó không thể đầy đủ, vì sự khảo sát không nói gì đến những tổn hại về sức khỏe công cộng cũng như những tác động của nhiều sự ô nhiễm, chẳng hạn như trên đại dương, nhưng dầu sao vẫn có tác dụng cảnh tỉnh. "Ngay cả khi nó không tính đến những cái giá trực tiếp, vốn vô cùng quan trọng, khảo sát đó xác nhận những gì mà các tổ chức phi chính phủ đã cảnh báo: Thật là sai lầm nếu khẳng định rằng nền nông nghiệp Pháp sản xuất thực phẩm không đắt", như bình luận của François Veillerette, của Hội Association Générations Futures.

Vấn nạn về phân đạm

Nước Pháp, trước hết là quán quân về sản xuất: Pháp chiếm 18% nông nghiệp châu Âu. Pháp cũng vô địch bởi tiêu thụ lượng phân đạm, với 20% mỗi hecta của khối EU. Đó là nước đã đạt đến vị trí thứ hai về những sản phẩm bảo vệ cây trồng. Tuy nhiên, nước Pháp tụt lùi trên nhiều vị trí nếu ta đối chiếu những dữ kiện này với 19,2 triệu hecta đất đai trồng trọt.

Vấn đề lớn là nước Pháp dùng như thế nào những thứ phân bón ấy. Trên 2,2 triệu tấn mua năm 2013, thì 1,5 triệu tấn là quá mức sử dụng, theo hai tác giả của nghiên cứu, Vincent Marcus et Olivier Simon. Dầu đó là phân chế tạo hay phân dưới dạng hữu cơ - nói cách khác là sinh ra từ nước thải chăn nuôi tràn lên những cánh đồng - đạm được sử dụng trên nguyên tắc là cải thiện năng suất canh tác. Nhưng một lần vượt quá ngưỡng mà cây trồng có thể hấp thụ, thì đạm phát tán ra thiên nhiên. Sự mất mát lên đến 50% tại Pháp, và có thể lên 80% lượng đạm tổng hợp. Nói vắn tắt, mỗi năm, 600.000 tấn đạm bốc hơi trong không khí, trong khi 900.000 tấn hòa tan trong nước.

Đạm là cơ sở hình thành của nitrate, của ammoniac, làm axit hóa những cánh rừng bằng cách rơi lại và kết tụ thành những hạt nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, và cũng là cơ sở hình thành của khí N₂O, một loại "khí gây cười". Khí đó phát tán thành lượng nhỏ trong khí trời, nhưng nó mạnh gấp 298 lần so với dioxit cacbon cho hiệu ứng nhà kính. Những khuếch tán của N₂O trong nông nghiệp "tạo thành gần 10% những phát tán trên phạm vi quốc gia của khí gây hiệu ứng nhà kính", không kể tác động của sản xuất và vận chuyển của những phân bón đó.

Về toàn bộ, bản tường trình kết luận rằng lượng tràn ra đó phải trả giá khoảng từ 0,9 tỉ đến 2,9 tỉ euros, trong đó từ 220 triệu đến 510 triệu euros dùng để xử lý phụ

cho những dịch vụ về cung cấp nước sạch và khử khí độc. Công trình nghiên cứu này không gộp khoảng 2 triệu euros thu hồi tảo lục, thứ tảo được kích thích phát triển bởi những nitrates, khoảng 50.000 đến 100.000 mét khối mỗi mùa hè. Hiện tượng này đã tràn đến những bờ biển của Bretagne và đã phá hại nghề nuôi trai, nuôi sò, và cả ngành du lịch...

Đối với những thuốc trừ sâu bệnh, sự đánh giá còn phức tạp hơn. Quá nhiều phân tử, quá nhiều tác động trở lại trên sức khỏe - trước hết là nhà nông - và gây bệnh nhiễm tổng quát. Những người tường trình chỉ nắm những cái giá phải trả vượt trội sinh ra bởi ô nhiễm nước vào khoảng 260 và 660 euros mỗi năm.

Thuốc trừ sâu bệnh: liều lượng thấp, hậu quả không thấp

Khi phun thuốc bảo vệ cây trồng lên lá, chỉ có 30% đến 50% thuốc trúng mục tiêu. Phần còn lại đi đâu? Một phần vào hơi thở của con người. Một khảo sát của Airparif, cơ quan chất lượng không khí tại Ile-de-France, đã tìm ra 80 chất khác nhau trong không khí của thủ đô Paris.

Môi trường thủy sinh cũng sát sườn với hiện tượng đó: 63% những điểm chăm sóc nước ngầm và 93% những điểm chăm sóc mặt nước sông chứa thuốc trừ sâu, ít nhất là hàng chục chất khác nhau trong phần lớn các trường hợp. Theo tài liệu được công bố chính thức, vào năm 2014, trong 35.392 mẫu thu hồi nước, có 8,5% không tuân theo ngưỡng cho phép đối với nitrates, cũng như đối với tỉ suất thuốc trừ sâu. Trong 15 năm, hơn 2.000 điểm thực phẩm nhiều ô nhiễm đã bị đóng cửa.

Nếu ta quy về trọng lượng, sự tiêu thụ được công bố có vẻ giảm xuống kể từ những năm 1990 - 63 triệu tấn được bán năm 2011 so với 120 triệu tấn năm 1999. Trong thực tế, những thuốc trừ sâu hiện tại chỉ cần liều lượng thấp vẫn đạt công hiệu như những thuốc trừ sâu về trước với liều lượng cao. Kể từ năm 1999, ngành nông nghiệp nhận nhiều hơn từ 5% đến 9% những chất mới mỗi năm.

Những tác hại trên đa dạng sinh học ngày càng thấy rõ. Việc gia tăng chất dinh dưỡng vào mặt nước sông hồ và nước ven biển cho canh tác, có nghĩa là dùng quá mức chất đạm, đã tạo thuận lợi cho xuất hiện các vi khuẩn độc và gây ngạt thở cho cá. Những côn trùng, đặc biệt là những côn trùng có ích cho thụ phấn, cũng bị sát hại bởi cách thức nông nghiệp đó. Những sự thiệt hại không thể hình dung hết.

Ủy hội về sự Phát triển Bền vững (CGDD) không xem xét những vấn đề ngoại lai để kể thêm thiệt hại, ví dụ như những chai nước suối mua tại cửa hàng cung cấp, hay "cái giá của những tranh cãi cộng đồng, đã qua hay sẽ xảy đến" rằng châu Âu bạo miệng khiến trách nước Pháp, vì không tuân theo những chỉ thị về chất lượng nước. ■



Nhìn không bằng lời

VĨNH THÔNG

1 Giữa năm 2015, cộng đồng mạng ồn ào về câu chuyện chú chó bị dán mồm đến mức mồm bị hoại tử. Người giận vì ai đó đã ra tay tàn độc với loài vật; sau đó có người vui vì chú chó sớm được cứu sống. Tưởng là vậy - chấm hết, nhưng chưa, câu chuyện lại kéo dài thêm bởi cuộc tranh luận: “Nên cứu chó hay cứu người”. Nếu chỉ là câu chuyện chú chó, sẽ nhanh chóng kết thúc thôi. Nhưng nó dài hơn chuyện về một con chó, bởi nó đã trở thành chuyện của con người. Bàn về chó, thật ra chúng ta đang bàn về thái độ của chính chúng ta.

Họ nói đại khái, xã hội còn quá nhiều người khổ, còn những trại mồ côi, viện dưỡng lão... sao chúng ta không ra tay giúp đỡ mà lại làm âm lên vì chuyện con chó. Nhưng thực chất, những người cứu chó có phải là chỉ lo cứu chó mà không cứu người đâu? Có phải họ chỉ mãi mê chăm bẵm động vật mà lãng quên số phận khó khăn của bao người đâu?

Chỉ đơn giản là, một chú chó đáng thương như thế xuất hiện trước mắt bạn, làm sao bạn có thể làm ngo?

Vậy mà...



2 Lại chuyện về loài chó. (Loài vật này có duyên với những cuộc tranh luận của con người vậy). Cuối năm 2015, miền Bắc rét nặng, có nơi có tuyết rơi. Số là một khách du lịch tình cờ gặp chú chó nằm run ngoài trời tuyết, bèn gõ cửa chủ nhà và “năn nỉ” chủ nhà cho chú chó vào nhà trú ấm. Mạng lại nổi sóng! Kẻ khen thích, cho rằng việc làm ý nghĩa, cùng nhau ca tụng và chia sẻ. Người bêu môi nói rằng vợ vẫn, bao nhiêu người sống trong giá lạnh không giúp lại đi rần rần vì một con chó.

Nhưng khoan, hãy kể một chuyện xảy ra trước đó chút xíu. Miền Bắc có tuyết, nhiều bạn trẻ sống ở đất nước vốn chẳng thấy tuyết này bỗng dung thích thú và đi du lịch. Chưa từng hoặc ít có dịp thấy tuyết, nên đi du lịch để mở mang tầm mắt, đó là sở thích của họ. Vậy mà cộng đồng mạng lại đi dùng nỏ pháo, rằng bao nhiêu người sống khổ trong cảnh giá rét mình không cứu lại lo đi du lịch.

Lạ! Người Việt mình vốn lạ như vậy sao? Mới đây hay tự bao giờ? Cái lạ đó là thói tật: cái gì cũng chê! Người có khả năng giúp đỡ đồng bào vùng cao đang sống đói khổ trong giá rét, họ sẽ giúp. Và, những người thích du lịch nơi có tuyết rơi, họ cứ đi. Chẳng lẽ vì lý do đồng bào đang sống khốn khó, chúng ta phải giúp đỡ... mà tẩy chay đi du lịch xứ tuyết. Cách giúp đỡ này coi bộ hơi lạ!

Trở lại chuyện chú chó. Chúng ta không chỉ có thể mở miệng ra nói rằng: “Tôi sẵn sàng giúp những người đói khổ nơi tuyết rơi” mà còn có thể hành động tương xứng. Chúng ta không chối từ, không trốn tránh, không vô cảm... đủ thứ. Song, tôi vẫn viết câu cũ: Đơn giản là, một chú chó đáng thương như thế xuất hiện trước mắt bạn, làm sao bạn có thể làm ngơ?

Vậy mà...

3 Ở đây tôi không tranh luận thế nào là đúng, thế nào là sai, nên giúp chó hay nên giúp người. Đầu phải tôi muốn ngồi đây để tranh luận rằng: “Nên làm thế nào mới đúng?”. Nếu tôi tranh luận đúng sai, chẳng khác nào tôi cũng đã tham gia vào cuộc tranh luận vốn đã quá om sòm của cộng đồng mạng. Tôi chỉ chia sẻ cố gắng giải trừ sự phân biệt đúng sai được hình thành từ chấp trước. Vấn đề ở đây là, không nên ràng buộc mình vào quan điểm cứng nhắc. Không thể nói rằng giúp chó hay giúp người là đúng hay sai.

Bài thơ thiền của danh tăng Việt Nam Từ Đạo Hạnh hầu như người học thiền nào cũng biết, đã được Tổ Huyền Quang của Thiền phái Trúc Lâm dịch thành thơ lục bát như sau:

*Có thì có tự may may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì.*

Khi ta khởi lên ý niệm “có” muôn vật sẽ có, nếu “không” thì mọi thứ cũng không. Như bóng trăng in dưới mặt nước, thực ra là có hay là không? Nhà thiền đưa ra bài toán khó, lại không đưa ra đáp số. Bóng trăng dưới nước nói là có cũng đúng mà nói là không cũng chẳng sai. Bởi, mục đích của bài thơ kia đâu phải lý luận xem đúng hay sai, mà là: đừng ràng buộc nữa!

Hơi xa một chút, kinh *Kim Cang* có câu: “*Thế giới và vi trần nói một là sai, nói hai không đúng*”.

Nghĩ thử: thế giới tan ra thành những hạt bụi và những hạt bụi gộp lại thành thế giới - vậy về bản chất chúng là một, nhưng thực tế ta nhìn thấy thế giới là quả đất to tròn trong khi hạt bụi bé xíu - vậy về hình dạng chúng là hai. Cuối cùng thì một hay hai? Đau đầu quá! Nhà thiền lại không cho đáp số.

Bởi vì, giải thích theo kiểu tôi vừa trình bày chỉ là... nói chơi cho vui, nói theo vật lý cho dễ hiểu. Thực chất trong thiền câu đó không phải để “phân tích” như vậy. Khi ta khởi ý niệm nhưt nguyên thì vạn pháp vốn một, khi có tâm phân biệt thì dù những thứ vốn là một ta vẫn có thể xẻ ra thành hai, ba, n...

Ta cho rằng những người cứu chó là tốt thì họ sẽ tốt, ta cho là xấu thì họ sẽ xấu, dĩ nhiên theo cách nhìn của ta. Tất cả do ta. Vậy thôi!

Nói cho xa, cuối cùng tôi vẫn thắc mắc, tại sao cộng đồng mạng phải bỏ quá nhiều thời gian để bàn với nhau về việc chúng ta nên giúp vật hay giúp người. Thay vì bỏ ra mấy tiếng đồng hồ để tranh luận chuyện giúp chó hay giúp người, thì trong thời gian đó bạn có thể làm biết bao nhiêu việc hoặc ngủ một giấc cho khỏe người. Một cách giải quyết hết sức đơn giản: khi bạn gặp sự bất hạnh nào ngay trước mắt mà mình có khả năng giúp - dù vật hay người, thì mình cứ giúp thôi, hà tất phải tranh luận? Đó chẳng phải là cách giải quyết... hợp lý hơn cả, hay sao?

Nhà Phật dạy về bốn cái nhìn không được xem là Chánh kiến: “*Nhìn mà không thấy là vô minh, nhìn mà thấy sai là tà kiến, nhìn mà ham muốn là tham lam, nhìn mà oán ghét là sân hận*”.

Nhìn người khác cứu chó, ta kêu ca rằng sao họ không cứu người mà cứu chó, khi đó ta đang nhìn bằng cái nhìn nào?

Hãy nhìn cả bằng đôi mắt, bằng lý trí, bằng tấm lòng, nhìn bằng nhiều thứ...

Và, đôi khi, cái nhìn đó không cần thiết phải nói bằng lời. ■



Ký ức Bình Định - Quy Nhơn

đẹp và thơ

Nguồn: quehuongvietnam.vn

HUỲNH KIM BỬU

Bình Định trải chiều dài chiều rộng trên dải đất Nam Trung Bộ. “Ba mặt Tây - Nam - Bắc là ba dãy non xanh nối nhau lại thành một chiếc ngai rồng vĩ đại” (*Nước non Bình Định*, Quách Tấn), mặt Đông giáp biển. Nghĩ về Bình Định - Quy Nhơn, ký ức lại ùa về.

Thuở trước, du khách đến Bình Định được tha hồ tắm biển. Bãi biển Quy Nhơn thoải, hình cánh cung, dài hơn năm cây số, chạy từ Mũi Tấn lên tới Ghềnh Ráng. Tắm biển Quy Nhơn, bạn đắm mình vào màu nước xanh trong, nô giỡn với sóng bạc đầu; thoả thích rồi thì lên bờ phơi mình tắm nắng thủy tinh, hứng ngọn gió nồm thổi ngọt ngào ve vuốt thịt da. Thật là tuyệt vời khi bạn ngồi trên bãi biển Quy Nhơn buổi đêm về, thả hồn cùng biển đêm huyền bí với tiếng sóng vỗ rạt rào. Và bạn thêm yêu biển hơn khi trước mặt mình, ánh đèn ngư phủ mở hội hoa đăng trên mặt biển và xa hơn là ánh hải đăng trên đảo Nhơn Châu chớp nháy liên hồi. Bạn được những em bé, những chị bán hàng rong mời mua đậu phụng rang, đậu phụng luộc, kẹo bạc hà, thuốc lá Capstan, Méliá... dọc bờ biển Quy Nhơn, những hàng quán giải khát dưới hàng phi lao, dưới hàng dừa xanh vẫn chờ đón bạn, dành cho bạn chỗ ngồi dễ chịu, thoả mái uống ly bia Con Cọp chờ từ Sài Gòn ra, ly nước dừa xiêm ngọt lịm của xứ sở quê dừa; thức nhắm có mực khô, nem-giò Chợ Huyện, là những sản phẩm “danh bất hư truyền” của Quy Nhơn - Bình Định. Và bây giờ bạn mới hiểu vì sao ngày xưa ở đây có bãi tắm Hoàng Hậu (Nam Phương) và lầu Bảo Đại nay còn lưu lại dấu cũ.

Du khách đi dạo phố Quy Nhơn, muốn ra Bưu điện bạn đến đường Mai Xuân Thưởng (nay có Bưu điện Trung tâm trên đường Phan Bội Châu và một mạng lưới bưu điện phường, bưu điện đường phố rộng khắp); đi mua sắm thì đến đường Gia Long (nay là đường Trần

Hung Đạo), đường Võ Tánh (nay là đường Lê Hồng Phong)... Cửa hiệu người Việt, người Hoa, người Ấn mời mọc bạn. Nếu thích uống sữa dê tươi mỗi sáng sớm, bạn hãy ngồi nhà, anh Bảy Chà Và có bộ râu quai nón ngả muối tiêu, bán sữa dê tươi rong qua các phố, sáng nào cũng mang sữa đi ngang qua nhà bạn và ghé vào mời bạn mua dùng. Từ đường Phan Bội Châu, bạn rảo bước theo hướng Nam, một đổi thì gặp đường Nguyễn Thái Học vắt ngang qua một vùng đồng cát hoang sơ, chạy giữa hai hàng thông reo vi vút; một đổi nữa thì bạn lạc vào làng Xuân Quơn, một ngôi làng đẹp trong thành phố Quy Nhơn, chuyên trồng rau, trồng hoa và trồng cây ăn trái; trong làng xanh biếc những đám ruộng rau, mát rượi những vườn cây sai quả xen lẫn những vườn hoa huệ trắng, cúc vàng, lay-ơn đỏ... Ông chủ vườn hiếu khách, sẵn lòng để cho cô con gái xinh, đang là nữ sinh Trường nữ Trung học Ngô Chi Lan ra tiếp khách, mời bạn ăn dưa thanh, xoài ngọt... Biết đâu cuộc tương ngộ chẳng để lại cho bạn một ân tình khó quên? Một hôm nào, Quy Nhơn phố còn mời bạn rảo bước thêm nữa. Bạn đi trên con đường Bạch Đằng với một bên là phố, nhà cửa san sát, là chùa Ông, chùa Bà cổ kính; một bên là đầm Thị Nại sương khói mà bạn có cảm giác rằng đó là biển trời, kho trăng gió vô tận của riêng bạn... Bạn đi trên đường phố cổ Phan Bội Châu, nhìn ngắm những mái ngói âm dương, những bờ tường xây đá ong mờ rêu mà người ta vẫn gọi đó là những “bờ tường gốm hoa” và những ô cửa bàn khoa chạm trở thường đóng kín; lại còn được nghe mùi cà-phê rang thơm nức, từ đâu đó bay đến quện vào mùi bạn đẩy quuyến rú.

Bạn ngồi ăn bữa trưa ở nhà một người bạn thân nơi Xóm Tấn, bữa chiều nơi một tiệm cơm trên đường Nguyễn Huệ, bạn được thưởng thức những sản vật của biển Quy Nhơn: mực xào dưa, cua um, sứa trộn, cá thu

nấu ngọt... Bạn có bánh trắng nướng “bè giòn giòn”, bánh trắng nhúng dẻo mềm cuốn món ngon, chấm chén nước mắm nhĩ vạn Gò Bồi đặt giữa mâm, và tất nhiên bạn không thể thiếu món rượu Bầu Đá tuyệt hảo đưa cay. Bạn ngồi ăn trong tiếng sóng biển vỗ từng đợt vào bờ, trong bản nhạc thủy dương xanh ngát du dương.

Mới sáng sớm, còi tàu chợ trong sân ga, còi xe khách trong bến xe giục giã, mời gọi bạn đi thăm các vùng quê Bình Định. Dù đi tàu hay đi xe thì bạn cũng được qua những thị trấn, thị tứ nhộn nhịp đông vui, những làng quê hiền hoà; được ngắm những cánh đồng lúa xanh ngút mắt, những cảnh “sơn thủy hữu tình” đang bày ra trước mắt... Bạn có thể xuống tàu ở ga này, xuống xe ở bến nọ để được thăm thú những chùa chiền, thành quách cổ, tháp xưa mà bạn đã từng nghe tiếng. Xứ này có nhiều tháp Chăm “thi gan cùng tuế nguyệt”. An Nhơn còn lưu giữ phế tích thành Đồ Bàn là kinh đô của vương triều Chăm quốc mấy trăm năm, cũng thành ấy sau là kinh đô của Thái Đức Hoàng đế - nhà Tây Sơn - và được đổi tên là thành Hoàng Đế; phế tích thành Bình Định, thủ phủ của tỉnh Bình Định một thời, còn mãi âm vang cuộc nổi dậy kháng thuế hồi năm 1908. Đạo chơi những cổ thành, phế tích, lòng bạn sao khỏi ngẫm ngợi bao điều về một cuộc bể dâu đến ngậm ngùi xót thương:

*Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Tự ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.*

(Vũ Đình Liên)

Bạn đã có được mấy lần hành hương về đất Bình Khê (nay là Tây Sơn), nơi khởi nghiệp của phong trào nông dân Tây Sơn, về Điện thờ Tam kiệt Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ tại làng Kiên Mỹ (nay có thêm Bảo tàng Quang Trung); thăm lăng mộ Mai Xuân Thưởng ở xã Bình Tường?

Ra Hoài Nhơn, qua cầu Bồng Sơn lộng gió sông Lại, bạn không khỏi nao lòng trước câu hát bồng từ đầu cất lên:

*Nước nguồn hai ngọn giao chi
Bồng Sơn hai huyện thiếu gì vợ anh.*

Cô gái chèo thuyền nào đó trên sông Lại nói lời ong bướm trêu ghẹo bạn chẳng? Con gái xứ dừa Tam Quan lớn lên dưới bóng dừa, đẹp và chung tình, cho nên có nhiều nàng cưới được chồng làm rể “chí nguyện”.

Trong hồn người dân quê Bình Định, trăng có nét đẹp riêng, trăng bát ngát, trắng vàng, trắng bạc ở muôn nơi. Trăng đích thực là một mảnh hồn quê:

*Sáng trăng trải chiếu hai làng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.*

Một mối tình quê:

*Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.*

Một tâm tình cho người ta chia sẻ những cảnh ngộ buồn thương:

*Trăng lu vì bởi đám mây
Đôi ta cách trở bởi dây tơ hồng.*

Trong hồn thi nhân thì trăng là nguồn cảm hứng vô tận của thi ca. Thơ Hàn Mặc Tử ít có bài, có câu vắng bóng trăng. Hàn nhìn trăng mới lạ:

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nằm chết như trăng.*

Với bao vẻ lẳng lơ, đa tình:

*Trăng nằm sóng soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi.*

Và nhà thơ còn thấy trăng như một tồn tại vĩnh cửu:

*Chỉ có trăng là bất diệt
Cái gì khác nữa thủy đi qua.*

Chế Lan Viên nhìn thấy trăng thật động, thật đắm hồn: “... Trăng ghi trăng riết cả làn da”. Còn Yến Lan thì đó là trăng nguyệt bạch: “Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách”, trăng hẹn ước, nên thơ:

*Ừ sao không nhớ người trai trẻ
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng.*

Đời dành cho thi sĩ Hàn nơi yên nghỉ đời đời trên đồi trăng phóng dật Ghềnh Ráng là bởi vì đời yêu trăng, yêu thơ Hàn và yêu cuộc đời Hàn.

Thuở trước, đến Quy Nhơn - Bình Định mà bạn chưa xem hát bội là coi như bạn chưa đến tỉnh này. Thi sĩ Tản Đà vào Nam ra Bắc, ném trái bao phong vị của cả nước và ông đã tổng kết:

*Tuồng Bình Định, rạp Phú Phong
Nam Ô nước mắt, tỉnh Đông chè Tàu...*

Bình Định tuồng hay, kếp độc, đào giỏi không hề thiếu:

*Cửu Vị đóng Lý Phụng Đình
Dấu chông có đánh thì mình cũng đi.*

Và rồi, dấu có xa Bình Định rồi, câu hát chắc vẫn theo bạn:

*Lao xao sóng bủa ngọn từng
Gian nan là nợ anh hùng phải vay.*

Trên đây là Quy Nhơn - Bình Định hồi xưa, thời cách đây trên dưới năm mươi năm. Quy Nhơn hồi đó nhỏ lắm, nhưng trời cho một vẻ đẹp tự nhiên hiếm có, Bình Định hồi đó nghèo lắm, con người chưa biết khai thác những tiềm năng sức lực của mình và của thiên nhiên ưu đãi. Nhưng dù sao thì quê hương Bình Định đẹp và thơ đó cũng đã nuôi dưỡng, làm nên tâm hồn, cốt cách con người Bình Định để cho thời nào người Bình Định cũng tô điểm thêm vẻ đẹp cho quê hương và đóng góp công trạng vào việc lớn giữ nước và xây dựng đất nước. ■

Giới thiệu sách

Tôn giả Đại Hiếu Mục Kiên Liên

Lời tòa soạn: *Tiếp theo tập sách Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, Văn Hóa Phật Giáo lại vừa nhận được tập sách Tôn giả Đại Hiếu Mục-kiên-liên do Hòa thượng Lệ Như Thích Trung Hậu gửi tặng, đây là tập sách nhấn mạnh đến đức Đại hiếu của ngài Mục-kiên-liên dựa trên tài liệu từ kinh sách Đại thừa. Chúng tôi xin đăng lời nói đầu của tập sách thay cho lời giới thiệu.*

Vừa qua, Tập sách “Tôn giả Đại Mục-kiên-liên” do chúng tôi sưu tầm và giới thiệu đã được xuất bản và phát hành (quí II - 2016). Trong Lời đầu sách, chúng tôi thông báo đã hoàn thành việc sưu tầm và giới thiệu hai tập sách về Tôn giả Đại Mục-kiên-liên: tập trước là dựa theo kinh sách Phật giáo Nguyên thủy, tập sau dựa theo kinh sách Hán dịch của Phật giáo Đại thừa. Cả hai tập đều có chủ đề là Tôn giả Đại Mục-kiên-liên, nhưng tập sau thì nhấn mạnh đức Đại hiếu của Tôn giả.

Tập sách này gồm hai phần: phần I là khái quát về Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên qua một số định nghĩa và qua một số bài khảo cứu; phần II là trích kinh điển Hán dịch, chủ yếu là các kinh trong bộ A-hàm và các bài sám. Cuối sách là phần phụ lục một số tranh tượng về Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên.

Nói đến Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên là nói đến vị Đại đệ tử của Đức Phật, đến một vị Đại trí tuệ, Đại thần thông, một vị Thầy hoàn hảo, một cốt cách đạo đức cao vời. Đức Phật thường dạy về chữ Hiếu trong các kinh điển Nikaya như kinh *Tăng chi bộ* (chương Hai pháp, chương Ba pháp, chương Bốn pháp...), trong kinh *Phật thuyết đại báo phụ mẫu trọng ân*, kinh *Pháp Cú* (kệ 332), kinh *Phật thuyết như vậy*, kinh *Tập*... Đạo lý phương Đông rất coi trọng chữ Hiếu, thường xem Hiếu là hàng đầu, là trọng đại nhất. Do đó, các bản Hán dịch về Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên rất chú trọng đến đức Hiếu của ngài như các kinh *Vu-lan-bồn*, *Báo ân phụng bồn*, *Ân cha mẹ khó đáp đền*... Đây là những kinh không có trong các bộ Nikaya Nguyên thủy, tạo thành một bộ phận văn học Phật giáo, gọi là văn học Vu-lan-bồn.

Tựa đề sách là “Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên” nhằm chỉ rõ một nét nổi bật của Tôn giả là đức Hiếu; nhưng như

đã nói, phẩm chất của Tôn giả là đa dạng, do đó tập sách này cũng trích dẫn một số kinh sách minh họa về các phẩm chất cao quý ấy của Tôn giả.

Trong các kinh A-hàm, kinh Thị giả nói về năng lực thiền định và trí tuệ của Tôn giả khi nhận định và thuyết phục Tôn giả A-nan tiếp tục hầu hạ Thế Tôn trong những ngày Thế Tôn sắp nhập Đại Niết-bàn, kinh Ty-kheo thỉnh miếu tả tài năng thuyết pháp của Tôn giả, kinh Chiêm-ba nói đến thần thông và năng lực Thiền định của Tôn giả khi đui một Ty-kheo phạm giới ra khỏi pháp đường trong khi Đức Phật thuyết Tùng giải thoát, kinh Hàng ma thuật chuyện Tôn giả dùng thần thông đui Ma vương ra khỏi thân thể ngài v.v... Các truyện Nhân duyên, truyện Chư thiên đặc biệt miêu tả khả năng thần thông và trí tuệ của Tôn giả.

Sưu tầm các kinh sách, các bài báo về Tôn giả Đại hiếu Mục-kiên-liên, chúng tôi dù trong tình trạng sức khỏe không tốt, cũng nỗ lực thực hiện xong hai tập sách về Tôn giả Đại đệ tử này của Đức Phật. Tôi tự biết có thể có những chỗ trong sách còn cần bổ sung, nhưng trong hoàn cảnh và điều kiện hiện nay của tôi, tôi cũng tự an ủi là đã làm hết sức mình. Dĩ nhiên, công trình khiêm tốn này đã không được hoàn tất nếu không có sự khích lệ, góp ý, giúp đỡ về nhiều mặt của chư ân nhân, thân hữu. Nhân đây, chúng tôi xin chân thành tri

ân những tác giả có bài trích dẫn trong tập sách này. Vì chúng tôi không có địa chỉ nên không xin phép trước, ngưỡng mong chư vị hoan hỷ và xin hồi hướng phần công đức nếu có đến chư liệt vị. Ngoài ra chúng tôi cũng xin cảm ơn Giáo sư Cao Huy Thuần đã viết Lời giới thiệu và Giáo sư Trần Tuấn Mẫn đã góp ý cho tập sách này hoàn chỉnh trước khi in.

Nam-mô Đại Hiếu Mục-kiên-liên Bồ-tát Ma-ha-tát.

Nam-mô Thường Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Chùa Linh Thái, TP.Hồ Chí Minh,
Xuân Bính Thân PL.2559, DL.2016
Trưởng ban Văn hóa Trung ương GHPGVN



Tiệc tùng, ăn nhậu thời nay

NGUYỄN DŨNG

Nếu ngày xưa chuyện mở tiệc đãi khách ở làng hay dòng họ chỉ thường thấy trong đám giỗ, hay nhân dịp lễ Tết, đám cưới... thì ngày nay hầu như chuyện ăn nhậu thường xuyên hơn, ví như thôi nôi, đầy tháng, sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, ăn mừng thi cử, hoặc tụ nhà, thậm chí chỉ mua chiếc xe máy mà cũng "rửa" xe cho bằng được, còn không nữa là vui vui cũng tiệc, buồn buồn cũng nhậu.

Anh T.V.L. ở Cần Thơ nhà có cả thầy tám người, gồm hai vợ chồng với bốn người con, sống cùng cha mẹ già; vợ chồng anh làm ăn cũng tương đối khá giả, và với bản tính thoáng của người miền Nam, anh thường xuyên luân phiên tổ chức tiệc tùng cho vui cửa vui nhà; chỉ riêng giỗ ông bà hàng năm cũng mấy cái, rồi sinh nhật cho cha, mẹ, vợ, chồng, sinh nhật cho các con, hễ có ngày kỷ niệm nào anh cũng làm tiệc đãi khách hết. Hôm vừa rồi anh tổ chức sinh nhật cho chị, anh thương chị quá nên đãi nhà hàng cũng 20 bàn, rồi khoảng đầu một tuần sau lại sinh nhật cho nhỏ gái út lên mười tuổi, anh mời hết gia đình hai bên nội ngoại bà con thân hữu, anh còn kêu con gái mời hết cả lớp học, nhậu một trận cũng linh đình không kém.

Chuyện chỉ thế thì cũng không có gì phải đáng bàn, người có điều kiện thì muốn vui sao đó tùy gia cảnh. Có những gia đình chưa khá cũng cố làm đám tiệc để đãi khách cho nở mày nở mặt, rồi nợ nần xảy ra, nếu không nợ thì cũng hết số tiền dành dụm, khi hữu sự xảy ra lại không có để chi tiêu. Ví như gia đình anh Đ.L. ở huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; nhà anh chỉ làm nông và chăn nuôi nhỏ lẻ, thu nhập cũng vừa đủ chi tiêu gia đình; vậy mà vừa rồi anh tổ chức sinh nhật cho thằng con trai của anh lên tuổi 20 thật âm ỉ, mời cả làng, cả họ, rồi bạn bè của anh, bạn bè của con... tính ra gần 30 bàn tiệc, cứ như tổ chức đám cưới không bằng; anh thuê cả dàn nhạc hát cả đêm, bà con ai cũng khen nức nở, nhưng đâu biết rằng sau bữa tiệc ấy anh phải trút hết hầu bao số tiền anh tích góp cả năm không cánh

mà bay theo bia bọt. Vợ anh nói giọng buồn buồn: *"Tôi cần mà anh không nghe, đêm tôi nằm tiếc hai tấn lúa và hai lúa heo thu hoạch năm vừa rồi quá, anh ơi!"*

Có những đám rất vui, nhưng cũng có bữa tiệc rất buồn, vì sau khi rượu vô rồi lời ra, một chập thì mạnh ai nói nấy nghe, cãi nhau hà rầm, đánh nhau bể đầu mẻ trán, có đám còn đánh nhau đến chết người rồi phải vào vòng lao lý.

Ở xã nghèo vùng sâu quê tôi, mỗi nhà trong một năm ít nhất là phải một lần làm đám giỗ cha hoặc mẹ thật lớn, đãi ăn cả ngày trời, để tỏ lòng hiếu thảo, vừa là ơn nghĩa, nhưng thực chất nó giống như trả nợ miệng vạ. Có người lúc cha mẹ còn sống thì hắt hủi, không nuôi, hoặc qua loa đại khái, nhưng khi chết cố làm đám cho to mời ăn nhậu cả làng, thật không hiểu nổi; có nhà nghèo túng nhưng vì sợ mang tiếng "bất hiếu" nên cũng phải cố vay mượn để đám giỗ, xong rồi đôi khi phải bán lúa non trả nợ, thế mới khổ.

Mới hôm cuối năm 2015 đây thôi, chị V.T.T. làm nông và mua bán cám heo ở trong thôn, làm đám cưới cho con mời một ngàn khách, tôi nghe mà muốn xỉu, không nghĩ ra chị ở nông thôn làm ruộng lấy đâu ra quen cả ngàn người mời đi dự đám cưới, hỏi thăm bà con xóm láng giềng mới vỡ lẽ, cũng vì "gà tức nhau tiếng gáy" mà ra, "đám nhà tôi phải to hơn đám nhà ông" mới oai, mà thực chất mời nhiều như vậy chứ không bao giờ người ta đi đủ.

Nhậu nhết tiệc tùng ngày nay không dừng lại ở chuyện vui, mà phải say mới chịu, ở con hẻm đường Nguyễn Hữu Cảnh vừa rồi chị T. bán hủ tiếu làm sinh nhật cho con gái học lớp hai, chị mời cả xóm tới dự tiệc, thuê dàn âm thanh về ăn nhậu hát hò tới hai giờ sáng mới thôi, cả đám say ngất ngưỡng ói tửa lưa, cãi vã um sùm thiếu điều đánh nhau nếu không có người can ngăn. Tiệc tùng là một phần không thể thiếu trong cuộc sống, nhưng phải biết lượng sức mình để mở tiệc sao cho phải lẽ, đừng lãng phí tiền bạc công sức, cũng đừng vì quá chén mà từ cuộc vui thành cuộc buồn là điều nên tránh. ■



Nơi ấy nhà của tôi

NGUYỄN HOÀNG NHÂN

Lòng người ở phố đôi khi chật hẹp giữa cuộc sống đầy rẫy những bất trắc khi có những khoảng trống vô hình không được lấp đầy trong bộn bề lo toan của một chặng đường mưu sinh dài vốn dĩ không bằng phẳng.

Trước một thất bại hay thành công trong công việc, đôi khi ta phải dừng lại ngẫm nghĩ và lựa chọn một phương hướng kế tiếp. Bạn làm gì? Tôi thường ngồi một mình ở nơi thanh vắng và về nhà.

Mỗi lần được chạy xe qua cầu Hàm Luông, nhìn ngút tầm mắt một rừng dừa xanh bạt ngàn. Tiếng lá dừa khua trong gió. Những tàu dừa như những bàn tay

xò ra vẫy chào tôi trở về. Lòng cảm thấy nhẹ bâng.

Về nhà để được ngồi trong vườn dừa thò tay hứng những tia nắng ban mai óng ánh rọi qua từ những khe lá dừa tạo thành những bông nắng xơ rơ đẹp tuyệt. Hứng đầy một lòng bàn tay.

Về nhà mùa hạn để được tắm nước mặn rít chình rít chịt mà vẫn thích. Về để cảm nhận mùa hạn của người dân nắng thốc trời, đầu đầu cũng thấy toàn nắng là nắng, để thấy những giọt nước ngọt trong lành quý giá cho những người dân sống ở vùng thiếu nước như thế nào. Mùa nước ngọt ở cửa sông lớn bị nước mặn lấn sâu xâm thực vào.



Nguồn: moitruong.com.vn

Về nhà để nhớ những buổi tắm mưa đầu mùa ngày xưa bị mẹ đánh đòn vào đít, tối đó thể nào cũng sốt cao vì mưa đầu mùa thường độc.

Về nhà để những đêm trăng sáng hắt qua song cửa nhỏ được ôm ngoại vào lòng, nghe ngoại kể chuyện đời xưa ngọt lịm, phả trong không khí mùi dầu cù là "không đụng hàng" của ngoại.

Về nhà để được nhìn thấy sự tảo tần của mẹ mà cố vươn lên trong cuộc sống vì ở bất cứ hoàn cảnh nào mẹ cũng không bỏ cuộc. Mẹ đã làm đủ mọi nghề vì con; đi chài đêm bắt từng con tép đất lạnh cóng nước ăn chân, đi hái cải trời, rau càng cua, rau má, gánh đầy hai gánh

rau muống bán vào những ngày không ai thuê mướn; tước lá dừa bó chổi ở thêm ba đầy gió. Làm thuê, làm mướn để lo cho ba chị em. Mẹ chưa hề có một tiếng than. Hay nói "bỏ cuộc và bế tắc trước cuộc sống này".

Những bữa chạy mướn gạo khắp xóm vào những ngày trời hạn, mùa giáp hạt. Chạy vay khắp xóm mướn hai mươi lăm ngàn cho mấy chị em đóng tiền trường. Và với người đàn bà mẹ tôi không gì là không thể vì nếu bà quay lưng thì ba đứa con nheo nhóc, tương lai xán lạn của ba đứa nhỏ sẽ khép lại. Niềm tin về sức sống vươn lên đó được mẹ truyền lửa cho chị em mọi khi thất bại, nản lòng trong công việc.

Về để được nhìn cái đầu hói láng o của cha, giờ chỉ còn lại vài sợi bạc trắng muốt dài ngoằng. Kết quả của những ngày trăn mặc giữa đời nuôi con.

Về để chạy trốn mỗi khi cha nhậu xỉn chửi trời chửi đất vì hoàn cảnh vươn lên mà nghèo lại hoàn nghèo. Tật không bao giờ bỏ nhưng hết mực yêu thương con. Nhà đông người, cha đã nhường một nửa cái hột vịt cho con mà chan cơm qua bữa bằng nước mắm làm bằng muối ngon tuyệt của ngoại.

Về nhà để được vẽ những nét vẽ ngoằn ngoèo trước sân, nơi con phèn vẫn nằm im cho mấy chị em bắt bọ chết.

Về chạy giỡn với con Đóm ục ịch lăn cù mấy vòng vì thân hình to lớn, giỡn ngầy.

Về để được ăn bữa cơm chiều với món thịt heo leo cây và món canh chua chùm ruột đang vào mùa nấu với miếng đậu hủ chọt sáng của ngoại, thêm một chút ngò gai, trái ớt hiểm chín đỏ, sực mùi cay. Húp soàem soap, hít hà.

Về để được ngồi với mẹ ở thêm ba, ngồi đợi những cơn mưa đầu mùa. Trong những buổi chiều mây đen kịt, ánh chớp nhấp nhোang mà chờ hoài trời không đổ mưa còn nắng thì vẫn hầm hập. Chị mè tam thể cứ ngo nguậy cái đuôi đôi mắt lim dim dưới chân mẹ. Chắc chị mè ta cũng khát mưa giống như con người.

Về được ngồi dưới thêm trưa đầy nắng, đánh vần từng chữ một đọc kinh *Sám hối* cho ngoại nghe; thương ngoại cả đời một chữ bẻ đôi không biết nhưng chỉ đọc theo vài lần là ngoại thuộc.

Về để được ngồi thiền với ngoại để thấy lòng thanh sạch, trút hết những bất trắc cuộc đời, khiến lòng khoan khoái nhẹ tênh trong một đêm quê tĩnh mịch thoang thoang hương hoa ngâu trải đầy không gian đêm.

Về để biết nhà tôi ở đó, nơi tôi sinh ra và lớn lên với những rặng dừa xanh bạt ngàn gió gỏi. Dòng nước mặn xâm thực. Chờ mưa. Và những con người quê chân chất hiền lành sẵn sàng cho mướn từ lon gạo, từ ấm nước mưa, những đồng tiền mỗi khi xóm giếng túng thiếu. Cái nghĩa, cái tình nồng hậu và về để được ôm ngoại, ôm mẹ vào lòng quên đi những ngày khó nhọc. Khóc như trẻ con hay vui như chim sáo... để bình tĩnh sống và bước tiếp... ■

Chớm hạ

TK.VY TIỂU

Mới đó hạ đã về,
 Nghe râm ran tiếng ve,
 Tiết trời đi vào hạ,
 Ngan ngát hương đồng quê.

Trên bờ đê sáo nhảy,
 Phe phẩy tiếng chuông chiều,
 Dòng nước lặng phiêu diêu,
 Vội ít nhiều nhung nhớ.

Chớm hạ về bờ ngõ,
 Tờ tờ gót chân ai?!
 Theo bước hạ trải dài.
 Dấu tương lai trước ngõ!!

Vẫn còn đó lối xưa.
 Điệp khúc vừa giấu mặt,
 Đã một lần quay quắt,
 Hạ về tắt cơn mưa.

Giọt chuông đưa dịu ngọt,
 Mòn gót cỡi ta-bà,
 Ta lại đi tìm ta,
 Mặn mà lời chim hót.

Chỉ với một khoảng trời,
 Đầy vui sắc hạ thắm
 Nương hương hoa đầm ấm,
 Chớm hạ thoáng đầy vui.

Nghe trần đời kể chuyện
 Đi - Đến bốn mùa trôi.
 Nguồn hạnh phúc lên ngôi,
 Hạ thắm tươi ước nguyện.

Con đường

TỊNH BÌNH

Con đường ngày đó nơi đâu?
 Mùa xưa trầm mặc úa màu hoa xưa
 Gọi thầm thương nhớ sớm trưa
 Minh tôi cùng với cơn mưa cũ càng...
 Sông trôi lạc bước lỡ làng
 Gọi nhau trong giấc mơ hoang nghẹn ngào
 Chút tình hoa tím lao xao
 Con đường ngày ấy... chìm vào khói sương...

**Chạm nước
sông Hương**

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Lần đầu chạm vào sông Hương
 Nghe mặt nước loang trầm ca Huế
 Các triều vua ánh xạ tơ trời
 Tôi đứng bên này bờ hiện đại

Nhìn dòng Hương thất kỷ ức lung ong
 Nước vẫn chảy,
 Mà không trôi quá khứ
 Mỗi con thuyền chờ nền cũ tự trôi...

Tôi hỏi sông, trôi nơi mô rứa?
 Sông thâm trầm hiện bóng núi xanh
 Tôi chợt hiểu sông trôi từ nguồn mạch
 Trong ca từ điệu Bắc, điệu Nam...

Khi "Ông già Bến Ngự"^(*) lui vào mái lá
 Nước sông Hương rửa gót bụi người hiền
 Nên tôi biết nước đã từng chứng kiến
 Bao lớp sóng phé hưng vỗ nhịp đôi bờ...

Hồn cây cò, hồn đèn đài bằng lăng
 Chưa bao giờ bay khỏi hồn sông
 Tôi ngược nhìn tầm bình phong núi Ngự
 Che chắn kinh thành chặn cơn lũ xâm lăng

Ôi sông Hương, sông Hương
 Vạch nước sông Hương để tìm triều đại
 Đứng giữa Nam Giao ngỡ chạm ý trời
 Cũng chưa chạm được mùi hương thuở trước,

Thuở sông Hương,
 Thơm cỏ Thạch xương bồ...

VỀ CÔI TÂM LINH

MẠC VI

Con về đến cõi tâm linh
Cảm dung nghe ruột gan mình thành thơ
Bao điều phiền muộn dần vơi
Quay lưng thế thái con ngồi tịnh tâm
Chân kinh người cúi lặng thầm
Tiếng nam-mô vọng theo âm chuông chiều
Nhẹ nhàng thanh thân bao nhiêu
Nhấn đời đoạn ác, rũ điều thị phi
Thả lòng cảm ghép kệ thi
Thế gian chối bỏ những gì khổ đau
Đường trần sóng gió bề dẫu
Ẩn tu thoáng chốc dưới màu áo lam
Diệt trừ bản ngã tham lam
Mong trần gian sống đừng làm hại nhau
Nỗi buồn theo khói bay cao
Đưa tâm thánh thiện con vào cõi tu
Trở về bên giác chân như
Thiện nhân... vô ngã... vô ưu cõi thiên.

CÔI VÔ THƯỜNG

TRẦN THỊ THÙY LINH

Loay hoay trong cõi vô thường
Quần quanh chữ ghét chữ thương kiếp người
Thời gian cứ mãi rơi rơi
Tóc xanh mới đó trắng bởi màu mây

Thương cho cha mẹ tháng ngày
Dầm mưa dãi nắng hao gầy tâm thân
Làm con trả nghĩa báo ân
Vẫn không đáp nổi gian truân nghĩa tình

Ngồi mà ngẫm kiếp phù sinh
Trái lòng dễ thấy như mình lớn thêm
Nhân phẩm là thứ kiếm tìm
Tâm an là phúc êm đềm về sau

Thời gian cứ mãi trôi mau
Buồn vương xen lẫn ngọt ngào đi qua
Chỉ nghĩa tình mãi thiết tha
Bóng cha, dáng mẹ quê nhà... vẫn vương.

Khúc hát ru thời gian

NGÔ VĂN CƯ

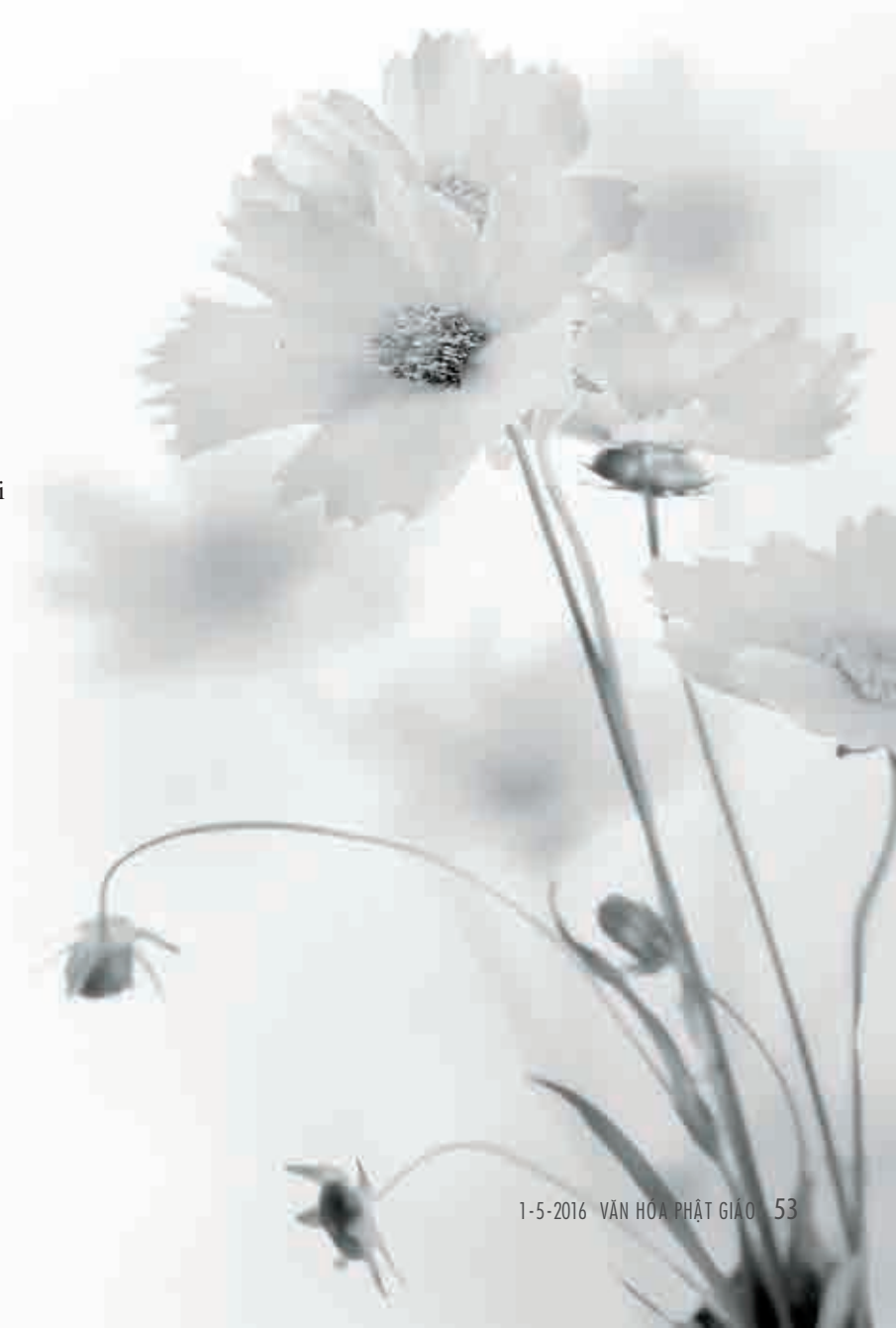
Chợt nghe khúc hát tháng năm
N như trăng mới nhú nghiêng nằm ru mơ

À ơi đêm lặng như tờ
Gió dịu đơm đóm dệt tơ nồn mềm

À ơi lá rụng bên thềm
Tiếng khô như đã vụn năm dội về

À ơi ve trời nhạc quê
Người xưa còn nhớ câu thề giếng hai

À ơi đá nát vàng phai
Gạn niềm chất đắng mà say cõi người.



Bất giác tuờ bình

TRƯƠNG VĂN DÂN

Chiếc Lexus màu đen bóng lộn bóp còi, cánh cổng sắt kiên cố trước biệt thự mở rộng. Xe tiến vào mấy thước, một gia nhân nhanh chân ra mở cửa xe.

Người thiếu phụ hơi đẩy đà từ trên xe bước xuống. Một cô giúp việc khác đã túc trực, đẩy cánh cửa khép hờ trước gian phòng lộng lẫy. Người thiếu phụ bước vội vào trong, khẽ rùng mình vì lạnh. Vừa xuyết xoa bà vừa bước lên lầu. Lò sưởi trong phòng ngủ đã được cô giúp việc bật sẵn sau khi nghe tiếng còi xe.

Người thiếu phụ hờ hững ném chiếc xách tay lên giường.

Tách. Chiếc nút bật ra. Những tờ đô-la xanh văng tung toé trên tấm mền hoa. Nhưng bà không mấy quan tâm. Bà xoa nhẹ ngón tay lên đôi mắt quầng thâm, rồi tháo vội đôi giày, ơ hờ đá vào góc rồi chẳng thay quần áo, cứ thế, chui xuống tấm chăn dày.

Ánh đèn mờ ảo nửa giờ trước như vẫn còn lung linh trước mắt bà. Nhiều năm qua, những dạ hội thường làm bà vui thích, không hiểu sao đêm nay bà lại ngán ngẫm. Tiếng nhạc dật dìu trong không gian của hàng trăm loại nước hoa không làm bà ngào ngạt đê mê mà lòng chỉ dâng tràn một nỗi buồn sâu thẳm.

Đêm đó bà không vui nên chẳng thấy thích thú bước vào sàn. Cẩm ly Martin ngồi nghỉ băng quơ và lần đầu tiên bà đặt lên câu hỏi để tự hỏi mình. Chẳng lẽ đêm nào mình cũng chìm trong những trận cười trống rỗng này sao? Có gì mới hơn những lời tặng bốc: xinh đẹp, thông minh, trên thương trường em là người đàn bà nhạy bén, biết nắm bắt thời cơ và quyết định kịp thời... rồi chạm ly, rồi dìu nhau ra sàn, nhảy như điên dại... để rồi, chỉ lát nữa thôi, mọi người trong dạ hội cũng sẽ quay về với cuộc sống của họ, với gia đình, với vợ con... và chẳng có ai chịu trách nhiệm về những lời khen vô tội vạ, nói cho vui, giữa những phút nâng ly hay va chạm đầy khêu gợi.

Cuối cùng chỉ còn lại mình bà với nỗi buồn man mác.

Không vào sàn nhảy nên bà cảm thấy trống trải và lạc điệu. Cơ buồn ngủ vì mệt tự dung kéo đến nên bà bước đi rửa mặt. Chợt nhìn thấy khuôn mặt xanh tái của mình. Tuy vẫn còn xuân sắc, nhưng bà không thể không nhận ra hai mí mắt đang có dấu hiệu sụp xuống và làn da sáng bóng cũng sắp nhàu nhò.

Bất giác bà cảm thấy cổ họng mình đắng ngắt. Bốn mươi năm cuộc đời, mình đã được và mất gì?

Rồi trước sự kinh ngạc của bạn bè... bà đột ngột xin về.

Hơi nóng đã toả ấm căn phòng nhưng người thiếu phụ không sao chớp mắt, dù mệt mỏi và buồn ngủ lắm. Bà thấy lạnh, cái lạnh không từ không gian, mà đến từ tận đáy con tim. Tay vẫn vờ những tờ giấy bạc còn vương vãi trên giường, bà bất giác thở dài. Hơi thở kéo dài khẽ chạm vào miên ký ức từ lâu chôn chặt làm chập chờn dội lại những hình ảnh đã từ lâu trôi theo năm tháng.

Sau khi ly dị bà rảnh rang lao vào cuộc sống kinh doanh để thoả thích kiếm tiền. Xưa nay bà yêu những đồng tiền hơn mọi thứ. Nó là máu luân lưu trong huyết quản, thiếu nó, bà xem như đời mình không ý nghĩa.

Cuộc sống thương trường thời hội nhập đã dắt bà đi. Đời bà chìm sâu trong tính toán, mưu toan. Rồi như ngựa hoang quên mất đường về. Công việc càng phát đạt, bà càng thêm bận rộn và không còn thời gian cho bất cứ việc gì...

Tự cao. Xa cách. Bà kiêu hãnh nhìn đời bằng sự thành công của cá nhân mình chứ chưa bao giờ nghĩ đến những người cộng tác đã vất vả đóng góp để bà có một chỗ đứng vững vàng. Tuy thế, trong những lần cùng tham dự vào các party với giới kinh doanh, bà ân cần chăm sóc các nhân viên như hết sức quan tâm đến họ. Và đó chính là một trong những màn trình diễn nhằm đánh bóng cái mác chiêu hiền đãi sĩ mà bà đã rất thành công trước công chúng. Nhiều người giỏi của các công ty khác đã tìm đến và bà sẵn sàng trả lương cao.

Lòng tự hào của bà đạt đỉnh khi đứng trên cao danh vọng: *"Chỉ có mình mới biết mình phải nỗ lực như thế nào để có được kết quả"*. Làm việc nhiều, bà không lo, điều đó làm bà đỡ cảm giác ngán ngẫm, chán ngán của thời gian trống trải. Bà chẳng cần ai. Cho đến một đêm, nỗi khát khao trong người bà trở dậy, bà đưa tay sờ lên ngực mình. Lạnh giá. Rồi chợt nhớ đến một giấc mơ nào đó, nghe tiếng chân ai khẽ bước vào phòng giữa lúc nửa đêm.

Sau khi ly dị, người đàn ông ấy đến với bà chỉ để giải quyết nhu cầu. Khỏe mạnh, đẹp trai, không làm phiền hay vướng bận công việc nên bà đã cung phụng để hắn ta ở lại. Chỉ có điều là đồ vật trong nhà bà cứ mất dần. Tiền trong tủ cứ không cánh mà bay. Bỏ, tiếc; giữ, hao. Bà vừa sống vừa thủ thế.

Chiếc túi xách, kè kè, không lúc nào bà dám rời tay. Ngay cả khi bước vào phòng tắm bà cũng mang theo.

Có lần tắm xong, bà bước ra mặc đồ mà quên đem ra khỏi phòng tắm. Vừa lúc đó hán cũng bước vào. Bà hốt hoảng.

- Anh đưa giùm tôi cái túi!
- Lát nữa đi!
- Không, anh đưa ngay cho tôi!
- Em sao vậy? Để anh tắm đã nào!
- Không! Mở cửa. Đưa ngay đi!

Bà lớn giọng và đập cửa ầm ầm.

Cửa phòng tắm mở ra, nước tung xối xả làm ướt chiếc túi xách làm bằng da cá sấu mà bà chẳng lấy thế làm phiền.

Cẩn thận thế mà tiền bạc mỗi ngày mỗi mất nên người đàn ông đó cũng phải cuốn gói ra đi. Thế nhưng khi đuổi hán ra khỏi nhà bà mới biết là mình đã mang thai. Tưởng chẳng có gì nhưng sau lần phá thai vì sợ ảnh hưởng công việc và mang tiếng với đối tác... bà vĩnh viễn mất khả năng làm mẹ.

Sau kinh nghiệm để đời ấy bà thấy mình "khôn" hơn: Không chơi với những thằng khố rách. Nhờ sắc đẹp và tài ăn nói bà không mấy khó khăn cập bô với các đại gia và quan chức. Sau lưng sự thành đạt của bà có bóng dáng rất nhiều đàn ông. Họ có gia đình, hạnh phúc hay không bà chẳng cần biết. Bà sòng phẳng vui chơi với họ, tạo được nhiều mối quan hệ để có thêm những thông tin hữu ích. Dĩ nhiên bà cũng thừa hiểu là cái thế giới này cần những cái giả hơn là cái thật, lời lẽ đầu môi chỉ là phỉnh phờ, vui buồn chỉ là giả dối... nhưng có hề chi! Bà nhắm mắt lao vào cái thế giới mê cuồng, lộng lẫy huy hoàng, trong đó không thiếu những cuộc trao tình và thú vui xác thịt. Lúc ấy mọi thứ đều rực rỡ, lóe sáng dưới bóng đèn mầu của những hộp đêm, của những nhà hàng sang trọng, ê hề đồ ăn thức uống. Vui chơi, làm giàu và bản năng đàn bà còn được thoả mãn dù bà hiểu là những quan hệ nhập nhằng này không thiếu phần phức tạp.

Cứ thế... dòng đời trôi chảy. Nhưng bà tự an ủi là đang dẫn dắt cuộc chơi theo ý mình.

Không sao chớp mắt! Sự tĩnh lặng của đêm khuya và nỗi buồn như đang ám ảnh bà. Xung quanh bà đêm nay không còn ai. Trống rỗng. Quen biết nhiều nhưng hình như không có ai mang lại cho bà cảm giác bình yên. Hay được lắng nghe. Chia sẻ. Những quen hệ giao tiếp vì công việc những lúc gần đây thường để lại trong bà cảm giác chán chường. Hình như sự mê đắm đã đến lúc cạn kiệt. Mà chẳng lẽ cuộc đời cứ mãi như thế này chẳng?

Câu hỏi từ đâu đó trong những đợt sóng trong lòng bà, trào lên.

Tiếng chất lưới nã nùng của hai con thạch sùng từ trên trần nhà bắt giác làm bà ngoái nhìn lại quãng thời gian trước, đến mỗi tình đầu và cũng là người chồng mà bà đã lia xa để khỏi vướng víu vào công việc.



Bao năm rồi bà đã xa *anh*? Chưa có với nhau mặt con nào nên giữa bà và anh, chút nghĩa cũ càng cũng chẳng sâu đậm mấy. Tuy vậy thỉnh thoảng bà vẫn tò mò đọc những điều anh viết. Mới tuần trước bà đọc trong một truyện ngắn của anh trên một tạp chí văn chương: *"Sự thông minh không đánh bật nỗi lòng tham. Sự nhạy bén thương trường không giúp người ta bảo vệ cuộc tình duyên lận đận. Ôm đồng bạc để làm gì? Đứng trên đỉnh cao đâu có nghĩa là không còn cay đắng, sự khôn khéo đâu giúp mình tránh nỗi cô đơn"*.

Anh đã viết cho ai? Sao mà cứ như vẽ lên cuộc đời mình vậy? Hay mười mấy năm ly dị, anh vẫn còn ray rứt nên vẫn chưa chịu lập gia đình, một thân một bút bám chặt trang giấy, buồn vui với cuộc đời đậm bạc.

Người đàn bà trở mình, sơ hở cầm tờ đồ-la xanh rơi trên giường, vò thành viên rồi ném xuống đất. Tất cả đã trở thành dĩ vãng. Xa, xa thật rồi! Giờ chỉ còn một mình bà, người đàn bà khôn khéo, đầy tham vọng, nhiều toan tính và thành đạt. Tiếng dội khô khốc của "viên" đồ la làm bà bỗng nhớ chuyện xảy ra từ nhiều năm trước.

Đang chạy xe trên đường, giọng anh trầm trầm vang trong điện thoại:

- Em về nhà sớm nhé, anh có chuyện muốn nói.

- Chuyện gì vậy, đợi tối em về có được không?

- ...

Không nghe tiếng trả lời, bà cũng ậm ừ, rồi tắt máy.

Bà đã biết chuyện gì rồi! Thời gian đó bà thường xuyên vắng mặt. Đi sớm về khuya.

Đó cũng là điệp khúc mà anh chồng nhà giáo thường xuyên đề cập. Nửa đêm về đến nhà, anh vẫn còn chong đèn đọc sách. Khuôn mặt anh căng thẳng. Bà lí nhí nói vài lời giải thích...

- Anh đã chán lắm rồi!

Nghiêm trọng! Chưa bao giờ anh ngắt lời bà kiểu đó. Hơi chột dạ nhưng bà chỉ mở to mắt nhìn anh.

Anh cũng nhìn lại bà, phân giải:

- Anh muốn em làm việc nhưng hàng ngày còn được thấy mặt, trò chuyện chia sẻ ...

Bà cũng ngắt lời anh:

- Em làm việc thế này chỉ vì gia đình, muốn vợ chồng có cuộc sống tốt đẹp, muốn tạo cho các con một bề phóng mà cả anh lẫn em đều không có.

Nét mặt anh thay đổi:

- Em nhìn vào thực tế đi! Cả năm qua chỉ có đồng nghiệp, đối tác mới là quan hệ chủ yếu của em. Mình không giàu nhưng hiện tại mọi nhu cầu thiết yếu đâu có thiếu gì! Anh ghi nhận là em vất vả vì muốn nâng cao cuộc sống. Nhưng anh cũng muốn nói cho em biết, thời gian em lấy của gia đình sẽ không bao giờ quay lại. Con cái, nếu sau này mình có, chúng sẽ cần nhiều thứ để bước vào đời, chứ không chỉ là một cổ phần ở công ty. Để phát triển nhân cách chúng còn cần sự gắn bó trong một gia đình đầm ấm, có tình yêu

của ba lẫn mẹ. Riêng anh, anh cần một người vợ hơn một quý bà thành đạt.

- ...

- Mặt khác, em đừng nghĩ cung cấp tài chính cho gia đình là khỏi tham gia vào các công việc khác trong nhà! Đó chỉ là cách trốn chạy thực tế: chăm sóc chồng con, quan hệ hai bên nội ngoại, và vô số việc nảy sinh trong một cuộc sống gia đình...

Giọng anh càng lúc càng gay gắt, quyết liệt. Bà đã chống chế và tranh cãi, nhưng khi anh đặt vấn đề lựa chọn, "Hoặc giảm công việc hoặc..." , thì sự kiềm nén của bà đã bung ra trước khi cuộc tranh cãi chấm dứt.

Anh nói chưa dứt câu thì bà đã gằn giọng:

- Anh muốn gì? Ly hôn hả? Hả...

Đêm đó bà có một đêm thức trắng để nghĩ về bản thân, về cuộc sống. Vất vả kiếm tiền, đã không được cổ vũ, thông cảm hay chia sẻ, bà chỉ nhận những lời chỉ trích. Xót xa quá! Bà đã làm gì sai? Chưa bao giờ bà thấy mình phẫn uất như thế. Anh ấy còn muốn mình làm con đàn bà, suốt ngày ru rú ở nhà cơm nước, quét dọn, thì còn ra thể thống gì nữa!

Một thằng đàn ông kém cỏi, chẳng biết làm gì ra tiền mà còn ép vợ mình từ bỏ danh vọng, trở về cuộc sống như một phụ nữ nội trợ tầm thường. Vậy hẳn đích thị là một tên ích kỷ, vì mặc cảm thua kém nên buộc vợ phải cúi thấp để khỏi đứng cao hơn mình.

Ngay trong đêm đó, bà bước ra phòng khách hí hoáy viết và ký giấy ly hôn.

* * *

Người đàn bà neho mắt ngắm những vật dụng đắt tiền trong phòng ngủ nhưng tia nhìn lúc này hồ hững, không cảm xúc. Bà cần gì nữa ở đời? Tiền bạc chẳng? Danh vọng chẳng? Xưa nay bà vẫn nghĩ, cứ làm đi, khi có nhiều tiền sẽ dừng lại. Nhưng bà không biết như thế nào là đủ...

Với tay cầm tờ tập san văn học quen thuộc mà bà đã mua vì biết có *anh* cộng tác. Tuy hai người hai lối sống nhưng dù gì... trong thâm tâm bà cũng thầm hãnh diện về anh...

Bà đọc lại những lời thoại trong một truyện ngắn của anh: *"Em không biết là quyền lực, giàu có chỉ là một gánh nặng trên vai? Trèo lên thì nặng nề, mà đi xuống thì rất dễ mất thăng bằng! Tranh quyền đoạt lợi, nắm tiền muôn bạc triệu có khác gì **bắt được tù binh**: buông thì tiếc, giữ thì vướng víu. Đôi khi còn mang họa vào thân"*.

Buông tờ tập san, bà lẩn qua, trần trở. Tâm hồn bà chông chênh như đang chìm vào trạng thái hững hờ và mơ hồ nhận ra mình quá bé nhỏ giữa niêm cô quạnh. Bà nắm chặt nắm tay, nhưng dường như từ rất lâu một cái gì đó vô cùng quý báu đã vượt khỏi tay mình.

Mình sẽ làm gì với "tù binh" ?

Đèn đã tắt, nhưng bà không ngủ.

Bóng tối làm nổi trống vắng càng thêm mông lung.

Rồi bà chợt thấy mắt mình ướt ướt. ■

Thư vị

với tuyến xe lửa Sài Gòn - Dĩ An

Bài & ảnh: ĐẶNG TRUNG THÀNH

Trong ký ức của người Nam Bộ xưa, xe lửa là hình ảnh quen thuộc trên mọi ngã đường. Ngày ấy, hơn 40 năm về trước, xe lửa là phương tiện giao thông chính, vừa chở khách, vừa vận chuyển hàng hóa. Nhưng rồi hỏa xa bị rơi vào quên lãng khi những chuyến xe đồ ngày một nhiều. Xe lửa chỉ làm nhiệm vụ vận chuyển người và hàng hóa cho miền Trung và miền Bắc.

Để hôm nay, nó được sống lại vài chục ngày khi cầu Ghềnh (Đồng Nai) bị sập. Đó là tuyến xe lửa ngoại ô Sài Gòn - Dĩ An (Bình Dương).

Cung cách phục vụ tận tình

Ngày 15/4/2016, ga Sài Gòn mở tuyến tàu lửa ngoại ô Sài Gòn - Dĩ An với giá rẻ bất ngờ. Hành khách đi suốt tuyến có giá vé 10.000 đồng/lượt, nếu khách đi hai ga

trở xuống thì giá chỉ là 5.000 đồng/lượt. Hình thức hoạt động tương tự như xe buýt, bán vé tại chỗ và đón trả khách ở các ga. Về lâu dài, lộ trình tuyến tàu này có thể mở ra tới Biên Hòa (Đồng Nai).

Được biết, mỗi ngày, tuyến xe lửa Sài Gòn - Dĩ An có 22 lượt đi và về, thời gian từ 2 giờ 55 phút đến 23 giờ 11 phút, giãn tuyến khoảng 40 phút.

Điều đặc biệt là hành khách được miễn phí vận chuyển xe gắn máy (rút hết xăng), xe đạp và xe đạp điện. Giá bốc xếp xe gắn máy khi lên xuống tàu là 5.000 đồng/xe.

Trên chuyến hành trình dài 19km này, đoàn tàu khởi hành từ ga Sài Gòn và sẽ dừng ở bốn ga, theo trình tự: ga Gò Vấp, ga Bình Triệu, ga Sóng Thần và ga Dĩ An. Đoàn tàu gồm một toa chở hành lý, hai toa ngồi mềm máy lạnh chở khách ngoại ô và năm toa ngồi mềm máy lạnh chở khách trung chuyển.



Ngày đầu khởi hành, chuyến tàu lửa Sài Gòn - Dĩ An vắng khách, có toa chỉ lèo tèo vài người. Theo tiếp viên Tạ Thị Phương thì tình trạng này là do nhiều người chưa xem tin tức trên báo đài nên chuyến tàu ít người đi. Thật vậy. Sang những ngày tiếp theo, tàu đông người thấy rõ.

Hành khách Ngô Ngọc Tài, sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM tươi cười nói: *"Em mới xem báo ngày 15/4 được biết có chuyến tàu đi Dĩ An giá rẻ bắt đầu chỉ 10.000 đồng. Sẵn dịp ra thăm bạn ở Dĩ An nên em đi cho biết"*. Bạn Ngô Ngọc Tài chia sẻ thêm: *"Phải nói cung cách phục vụ nhân viên tàu lửa rất OK (cười)"*. Cùng chung suy nghĩ với bạn Tài, một nhóm sinh viên Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM đều cho rằng máy anh chị tiếp viên xe lửa xử sự khỏi chê.

Theo quan sát, dịch vụ xe lửa tuyến Sài Gòn - Dĩ An rất tốt. Ngay từ lúc bước vào nhà ga, hành khách không cần phải mua vé tại quầy, mà đi thẳng ra xe lửa. Nơi ấy có các nhân viên đứng rải đều ở các cửa lên xuống bán vé trực tiếp với thái độ nhã nhặn, lịch sự. Nhiều cụ già được các tiếp viên nam dìu đến ghế, lựa một nơi tốt nhất cho các cụ an vị. Ngay cả khi các bạn mượn nón chụp ảnh lưu niệm, cô tiếp viên Tạ Thị Phương cũng nhiệt tình cho mượn.

Nụ cười là tôn chỉ cho các ngành liên quan đến dịch vụ. Các tiếp viên đường sắt luôn cười tươi với khách, ân cần, nhẹ nhàng. Hành khách ngồi trên toa tàu không hề bị soát vé mà chỉ được thông báo to bằng giọng lịch sự của tiếp viên Phan Bá Đình: *"Dạ, còn hành khách nào chưa mua vé thì mua luôn để ổn định chỗ ngồi ạ!"*.

Các tiếp viên đi tới đi lui thường xuyên ở mỗi toa xem hành khách có thắc mắc gì cần giải đáp hay có việc gì không hài lòng. Ngay khi máy điều hòa không đủ lạnh,

nhân viên bảo trì đến sửa chữa ngay chứ không chần chừ. Chị Lê Thị Thanh Hương, giáo viên nhà tại quận Bình Tân, TP.HCM phấn khởi nói: *"Tôi không ngờ dịch vụ xe lửa tuyến này tốt thật. Mà lại rẻ nữa. Nhưng tiếc là cuối tháng 6 kết thúc rồi!"*.

Tiếp viên Phan Bá Đình cho biết, dự án tuyến xe lửa Sài Gòn - Dĩ An đã được lên kế hoạch từ Tết 2016, chứ không phải chỉ khi cầu Ghềnh (Đồng Nai) sập mới đưa vào hoạt động. Anh có nói, sau khi sửa xong cầu Ghềnh, có thể sẽ có tuyến Sài Gòn - Biên Hòa. Ở mỗi tuyến, cũng có vài sự cố chen nhau lên tàu, lời qua tiếng lại gay gắt nhưng được nhân viên trên toa và mặt đất giải quyết êm thấm.

Trải nghiệm thú vị

Có mặt tại tuyến đầu tiên trong ngày vào lúc 4 giờ 40 phút ở ga Sài Gòn, bác Hoàng Văn Phương ở Bình Chánh, TP.HCM xởi lời: *"Mấy chục năm rồi bác mới được đi lại tàu lửa. Sáng 4 giờ bác đã kêu thằng cháu lái xe máy chở bác ra ga Sài Gòn cho kịp chuyến đầu tiên. Đi để hoài niệm về Sài Gòn xưa"*.

Không riêng gì bác Phương, nhiều ông cụ, bà cụ lớn tuổi cũng háo hức đi xe lửa như thời còn trẻ. Ai cũng muốn hoài cổ, nhớ về cái thời hoàng kim của xe lửa ở Nam Bộ.

Đưa mắt nhìn qua cửa kính trong màn sương dày đặc, bác Nguyễn Văn Phước (ngụ tại quận 6, TP.HCM) mơ màng hồi tưởng về ký ức. Bác kể, ngày đó bác rất thích đi tàu lửa và thường theo ba mẹ đi chờ hàng ở Mỹ Tho. Tiếng xình xịch, còi tàu hụ vang làm bác thích thú. Cảnh vật, con người, không gian cứ trôi êm như dòng suối.

Vui nhớ là bọn trẻ con. Đây là lần đầu tiên được đi xe lửa nên đứa bé nào cũng nhón nha nhón nháo như

ong vỡ tổ. Chị Trúc Mai, mẹ của cháu Quốc Hào (nhà ở Bình Tân, TP.HCM) nói: “Thực ra nào giờ tôi có biết xe lửa thế nào đâu, nói chi con trai mình. Dù đã từng thấy trên ti-vi nhưng chưa được chạm đến. Phải nói là thích thú. Thằng bé còn đòi tôi lần sau dẫn đi tiếp”.

Khi thấy xe lửa bắt đầu chạy, nhiều đứa trẻ đã vỗ tay reo hò khiến người lớn nhìn mà cười triu mến. Chúng chạy lại cửa sổ, áp mặt vào lớp kính dày nhìn ra ngoài rồi la to: “Ba ơi, tàu chạy rồi! Tàu đang lướt qua bụi cây”.

Những ông bố phần khích theo con, chỉ tay lên cửa kính đùa giỡn. Anh Mai Văn Cường, nhân viên ngân hàng nhà ở quận 10, TP.HCM cho biết: “Minh thì đi tàu thường xuyên nhưng với ba đứa nhỏ thì đây là lần đầu tiên. Chúng nó khoái lắm, hết đứng rồi lại ngồi nhìn ra bên ngoài. Theo mình thì những chuyến đi như thế này cho bọn trẻ nhiều trải nghiệm, bài học quý giá đấy!”.

Ở mỗi trạm dừng, lại có thêm nhiều hành khách lên. Người ta đi không phải một mà trên chục người. Như trường hợp của gia đình bác Trần Thái Học. Bác dẫn cả đại gia đình đi xe lửa cho biết. Nhà bác ở tận Tiền Giang. Nghe cô cháu gái đang học đại học trên này nói có tuyến xe lửa giá rẻ nên bác thuê ô-tô cho cả nhà đi lên đây để được đi xe lửa cho thỏa chí. Đơn giản chỉ vì thích. Bác nói rôm rả: “Mấy chục năm rồi bác mới được leo lên xe lửa lần nữa. Thích lắm cháu”.

Dù không còn ghế ngồi, chỉ đứng thôi, nhưng cả gia đình nhà bác Trần Thái Học không phiền hà. Chị Trần Thị Lan con bác Thái Học cười: “Đi xe lửa mà ngồi ‘ghế xúp’ mới vui. 45 phút có đáng là bao”.

Nhiều hành khách vừa đến ga Dĩ An là ngồi yên không xuống mà quay về ga Sài Gòn liền.

“Được mùa” nhờ tuyến xe lửa giá rẻ

Tuyến xe lửa Sài Gòn - Dĩ An khai trương, người ùn ùn kéo nhau đi cũng đồng nghĩa các dịch vụ khác ăn theo “được mùa”. Trước ga Sài Gòn, các bác tài xế xe ôm đưa khách đến liên tục để họ trải nghiệm chuyến đi xe lửa thú vị này.

Chú Lê Hải Long, tài xế xe ôm ở quận 12, TP.HCM vui vẻ nói: “Sáng giờ chú chạy chục “cuốc” rồi đó. Khách

xuống ga Sài Gòn chỉ để đi xe lửa ra Dĩ An. Mệt nhưng thu nhập cũng kha khá”.

Đang đợi khách về ga Sài Gòn, chú Tấn Đồng chia sẻ niềm vui: “Mấy ngày qua nhờ xe lửa Sài Gòn - Dĩ An mà tôi thu nhập đỡ hơn lúc trước. Nhưng tiếc là thời gian ngắn quá”.

Không riêng gì xe ôm mà taxi, xe buýt cũng đông khách thấy rõ. Tuyến xe buýt số 7 (Chợ Lớn - Gò Vấp) đi ngang ga Sài Gòn trên đường Nguyễn Phúc Nguyên lúc nào cũng đông nghẹt người. Chủ yếu là các bạn sinh viên đến đây để đi xe lửa.

Thu nhập của các hàng quán tại nhà ga cũng đỡ hơn. Mấy ngày qua, quán cà-phê tại ga Dĩ An đặc kín người, tiếp viên và người pha chế làm không xuể. Khách từ ga Sài Gòn ra đây và ngồi chờ lượt về nên uống nước tấp nập. Nếu như thường ngày, không gian vắng vẻ, quán cà-phê chỉ phục vụ cho khách vắng lai, đi chợ là chính thì nay phục vụ hành khách đến mỗi cả tay luôn.

“Từ ngày 15/4 đến giờ đi bán không kịp thở. Chặt vẹt cứ như nâng tạ ấy!”. - Di Loan, chủ quán bún măng vịt gần ga Dĩ An pha trò. Di cho biết lúc trước bán chậm lắm, tối khách đi chơi ăn mới nhiều. Còn bây giờ mới 5 giờ chiều nồi bún đã cạn queo, tiếc nhưng không nấu thêm được vì quá mệt. Khách quen phàn nàn đi đứ lằm nhưng người ta hiểu được hoàn cảnh nên không quay

lưng. Được đâu có bao nhiêu ngày đâu cháu. Rồi cũng lại như xưa thôi!, di Loan nói trong tiếng thở dài tiếc nuối.

Rồi khách đi ga Sài Gòn - Dĩ An sẽ thưa dần, thưa dần khi sự hiếu kỳ đã tắt, thích thú đã phai, ham vui đã cạn. Quy luật của xã hội thôi. Ấu đó là một trải nghiệm thú vị cho những ai chưa từng đi xe lửa, nhất là trẻ con.

Nhiều hàng khách, như bạn Ngô Ngọc Tài mong mỗi rằng: “Phải chi xe buýt có dịch vụ tốt, cung cách nhã nhặn, lịch sự như xe lửa tuyến này thì hay biết mấy!”. Bởi theo bạn, nhu cầu đi xe buýt của người dân Sài Gòn (nhất là sinh viên) là rất cao, nhưng trong vài năm trở lại đây thưa dần vì chung quy cũng bởi do dịch vụ kém.

Mong ước này của hành khách đang chờ câu trả lời từ các ban ngành giao thông TP.HCM. ■

BẢNG GIỜ TÀU NGOẠI SÀI GÒN - DIỄN - SÀI GÒN											
Áp dụng từ 15/4/2016											
Chuyến Sài Gòn - Dĩ An											
Tàu	SĐT	SĐA	SĐT	SĐB	SĐT	TĐ	SĐ	SĐB	SĐT	SĐA	SĐT
Sài Gòn	06:40	06:50	06:40	06:50	11:05	12:30	18:00	17:55	18:30	21:40	21:25
Gò Vấp	06:50	07:20	06:50	07:30	11:15	12:30	18:10	18:05	18:40	21:50	21:35
Bình Tân	06:55	07:25	06:55	07:35	11:24	12:30	18:17	18:12	18:48	21:59	21:44
Sóng Thần	07:12	07:50	07:12	07:50	11:44	12:51	18:28	18:24	19:08	22:18	22:04
Dĩ An	07:18	07:57	07:18	07:57	11:51	12:58	18:34	18:31	19:18	22:24	22:11
Chuyến Dĩ An - Sài Gòn											
Tàu	TĐ	SĐB	SĐT	SĐB	SĐT	SĐT	SĐT	SĐT	SĐT	SĐT	SĐT
Dĩ An	07:55	08:40	08:25	09:10	09:20	12:00	11:30	17:35	18:15	20:30	22:25
Sóng Thần	08:12	09:00	08:42	09:30	09:30	12:10	11:40	17:56	18:36	20:47	22:42
Bình Tân	08:25	09:10	08:50	09:40	09:40	12:24	11:55	18:16	18:56	21:07	23:02
Gò Vấp	08:52	09:20	09:00	09:50	09:50	12:42	12:10	18:25	19:05	21:17	23:12
Sài Gòn	09:41	09:29	09:18	10:08	10:08	12:51	12:20	18:34	19:14	21:27	23:22

Bước chân thiện nguyện không bao giờ biết mỏi!

Nhằm chia sẻ phần nào những khó khăn của bà con lao động nghèo và các em học sinh nghèo nhưng hiếu học.

Vào ngày 26/03/2016 và ngày 09/04/2016, Sư cô Thích nữ Huệ Bình, trụ trì tịnh thất Bình An, quận Bình Tân, TP.HCM, có những phần quà đến với bà con nghèo tại 02 điểm:

Huyện Thủ Thừa: 300 phần cho học sinh, 300 phần cho người nghèo.
Huyện Củ Chi: 300 phần cho học sinh, 300 phần cho người nghèo.

Tổng số cho 02 đợt khoảng: 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Sư cô còn chia sẻ những nơi khó khăn, như Hậu Giang, Bến Tre... nhằm đem lại chút niềm vui cho bà con nghèo. **P.V**



(Tham gia thiện nguyện xin vui lòng liên hệ: Sư cô Huệ Bình, ĐT: 09841 49995)

Giãn tĩnh mạch chi dưới

BIẾN CHỨNG NẶNG NỀ NẾU KHÔNG CHỮA TRỊ KỊP THỜI

Chuyên gia khoa Chấn Thương Chính Hình sẽ giải đáp nhiều thắc mắc về căn bệnh giãn tĩnh mạch này.

+ Chuyên gia có thể cho chúng tôi biết bệnh giãn tĩnh mạch là bệnh gì?

Bệnh giãn tĩnh mạch là hậu quả của suy van tĩnh mạch. Suy van tĩnh mạch và giãn tĩnh mạch là tình trạng chỉ sự suy giảm chức năng đưa máu trở về tim của hệ thống tĩnh mạch, đặc biệt hay xuất hiện ở chân.

+ Chúng tôi được biết bệnh suy giãn tĩnh mạch chân khá phổ biến và đang ngày càng có nhiều người mắc phải. Ông nghĩ sao về bệnh lý này?

Giãn tĩnh mạch chân là bệnh dễ mắc phải và phổ biến. Hiện nay rất nhiều người mắc phải căn bệnh này, đặc biệt là ở phụ nữ trên 30 tuổi, phụ nữ mang thai và những người với công việc phải đứng hoặc ngồi nhiều, ví dụ như nhân viên văn phòng, người đứng bán hàng, béo phì, ít vận động...

+ Tại sao người bệnh lại ít quan tâm đến suy giãn tĩnh mạch chân?

Thường thì người Việt Nam rất ít khi khám sức khỏe định kỳ (vì ngại, vì đợi lâu, vì không có thời gian...), rồi nhiều khi cơ thể vẫn còn chịu đựng được thì cũng cho qua, không đi khám. Ở bệnh giãn tĩnh mạch chân cũng vậy, do triệu chứng ban đầu không rõ ràng, người bệnh dễ xem thường và bỏ qua bệnh lý của mình.

+ Vậy bệnh suy giãn tĩnh mạch chân có triệu chứng như thế nào?

Triệu chứng dễ thấy nhất là: những đám tĩnh mạch nổi ngoằn ngoèo ở chân mà dân gian gọi là nổi gân xanh, màu da ở vùng này thường có màu xanh, đau nhức chân, mỏi chân, nặng chân, tê chân, cảm giác nóng chân, chuột rút về đêm... Người bệnh thường nghĩ là đau do cơ hay khớp chứ không nghĩ đến bệnh giãn tĩnh mạch. Các triệu chứng này thường khỏi hoặc giảm nhẹ khi người bệnh nằm và kê chân cao trên một cái gối.

+ Nguyên nhân của căn bệnh này?

Căn bệnh này chưa có nguyên nhân cụ thể, nhưng có thể là do tư thế sinh hoạt, làm việc phải đứng ngồi lâu một chỗ, ít vận động, mang vác nặng... Hoặc quá trình thoái hóa do tuổi tác. Hay là các yếu tố nguy cơ như: Chế độ làm việc, béo phì, mang thai, chế độ ăn ít chất xơ, vitamin... Ngoài ra, bệnh lý thông động tĩnh mạch làm gia tăng áp lực trong tĩnh mạch cũng gây ra bệnh lý này.

+ Vậy căn bệnh này nguy hiểm ra sao?

Giãn tĩnh mạch có thể xem là căn bệnh tiềm ẩn mối nguy hại, vì nó ít nhiều ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý và cuộc sống của mỗi người. Bệnh đang càng ngày gia tăng và trẻ hóa, nguy hiểm hơn là có đến 65% người bị suy giãn tĩnh mạch chân nhưng không biết mình mắc bệnh, chỉ đến khi trở nặng thì người bệnh mới đến gặp bác sĩ. Có nghĩa là trong tiềm thức, con người ta chưa bao giờ nghĩ đến sự tồn tại của bệnh lý này.

+ Ông có thể nói rõ hơn về căn bệnh này?

Không chỉ về vấn đề thẩm mỹ, mà căn bệnh này khi trở nặng sẽ ảnh hưởng đến chức năng đi lại và chất lượng cuộc sống. Nguy hiểm hơn là bệnh có thể gây ra những cục máu đông trong lòng tĩnh mạch và theo máu di chuyển về tim phải. Những cục máu đông này có thể được bơm lên động mạch phổi, gây thuyên tắc động mạch phổi đưa đến tử vong nếu không điều trị kịp thời.

+ Có phải căn bệnh này chỉ xuất hiện ở phụ nữ? Và thường ở độ tuổi bao nhiêu?

Suy giãn tĩnh mạch có thể gặp ở các đối tượng từ 30 tuổi (hoặc sớm hơn), nhưng chiếm 70% là nữ giới. Và thường thì, tỉ lệ nam giới bị suy giãn tĩnh mạch ít hơn phụ nữ.

+ Chuyên gia có thể nêu những việc nên tránh khi mắc phải căn bệnh này?

Khuyến cáo chung là bỏ thói quen đứng lâu quá 30 phút, ngồi lâu một chỗ. Nếu công việc phải đứng lâu bạn cố gắng cử động các ngón chân hoặc thỉnh thoảng nhón chân giúp đẩy máu về tim tốt hơn. Ăn nhiều rau quả, trái cây... Vì căn bệnh này chia ra làm nhiều giai đoạn, nên khi mắc bệnh ở mức độ nhẹ có thể điều trị bằng sản phẩm hỗ trợ, thay đổi thói quen làm việc và sinh hoạt. Còn khi bệnh trở nặng (phù nề nặng, đau không thể hoạt động, lở loét) bạn nên đến khám bác sĩ chuyên khoa để có cách điều trị tốt nhất.

Cảm ơn chuyên gia vì đã chia sẻ.

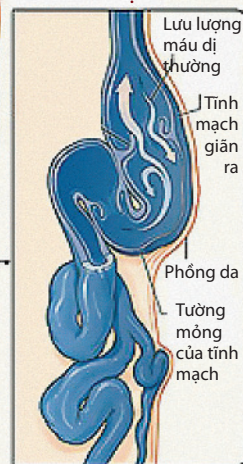
Nguồn: **Báo Phụ Nữ TP.HCM** ngày 30-3-2016
Thông tin tư vấn: 0985 264 269

A. Tĩnh mạch bình thường



Lưu lượng máu bình thường

B. Giãn tĩnh mạch



Lưu lượng máu dị thường
Tĩnh mạch giãn ra
Phồng da
Tường mỏng của tĩnh mạch



Nhà Gốm Nhật

04 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q. Bình Thạnh
☎ 0908.62.0908 ☎ 0918.62.0918

Chuyên doanh: Gốm sứ, Nhang Trâm, Bonsai, Trà Thuần Việt & Đa Cảnh Nghệ Thuật

Hệ Thống Nhà Gốm

Tại TP. HỒ CHÍ MINH

Nhà Sách Văn Hiến ☎ 0903.806.156
411 Lê Văn Sỹ, P.12, Q.3

Siêu thị Satra ☎ 0903.806.156
C6/27 Phạm Hùng, P.10, Q.8

Nhà Gốm Xuân Thảo ☎ 0934.569.777
401 Phạm Thế Hiển, P.3, Q.8

Nhà Gốm Hà Đông

ĐC: A6 - Khu tập thể nhà văn hóa trung tâm
P. Văn Quán - Q. Hà Đông - Tp. Hà Nội
ĐT: 0913.566.408 - 0947.532.446

Tại Hà Nội

Nhà Gốm Nghi Tâm: ☎ 0912.66.1973
169 Nghi Tâm - Tây Hồ - Hà Nội

Nhà Gốm Pure Minimalist ☎ 0913.56.47.22
Số 1 - Ngách 4/21 Ngõ Phương Mai - Q. Đống Đa - Hà Nội

Nhà Gốm Gạo ☎ 0988.888.966
41 Ngõ Thanh Miên - Văn Miếu - Hà Nội



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Nghệ nhân **NGUYỄN ĐỨC THÌN**

Giám đốc

ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979

Chuyên thiết kế & Thi công

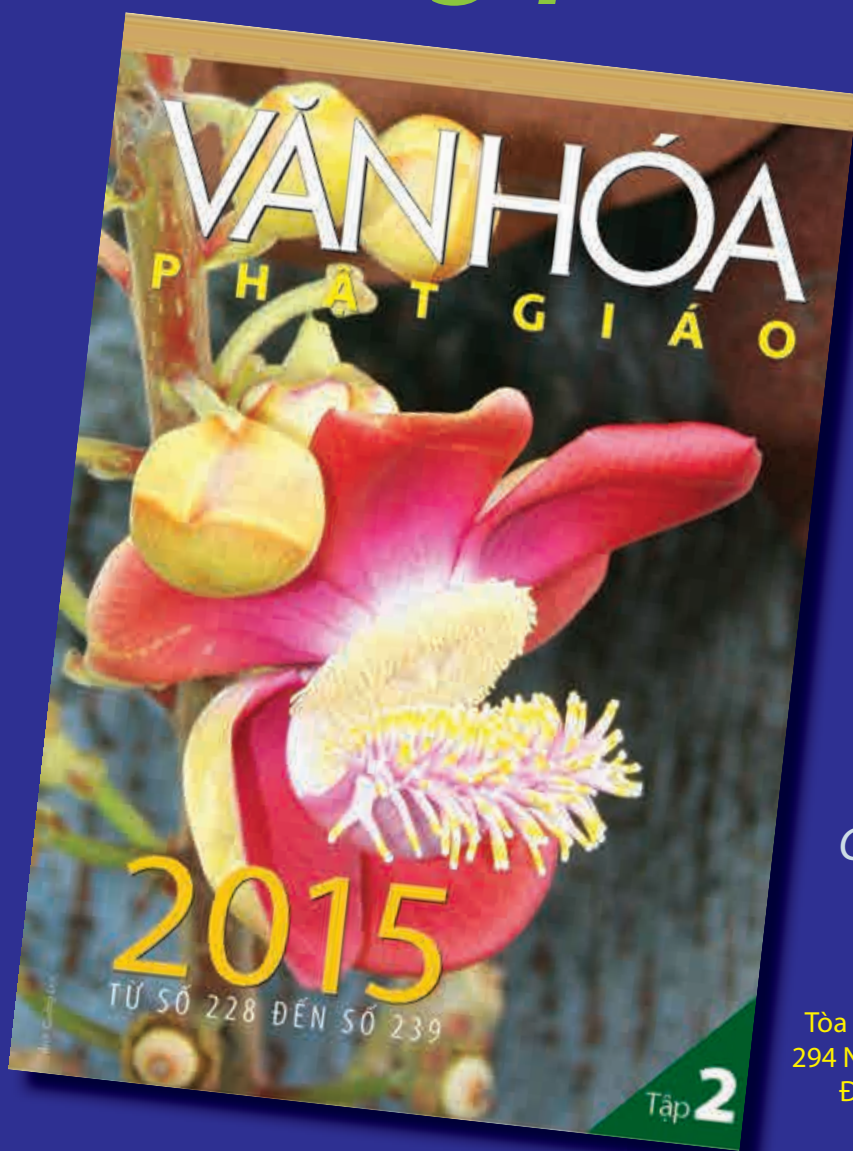
- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết - Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP.Biên Hòa - Đồng Nai
(gần Khu công nghiệp Tam Phước)

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Đang phát hành



VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Đóng bộ **Tập 2**
năm 2015

từ số 228 đến số 239

Giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:

Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lư...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



Ngô Phương Đức: STK: 76935619
 Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
 Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



pháp uyển
 PHARMAGARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P.6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
 lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

QUANG NGHỆ CO., LTD.
 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
 Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
 Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



KÍNH MỜI THAM GIA ĐĂNG QUẢNG CÁO & MUA BÁO

Số báo đặc biệt Phật đản - PL. 2560

Số báo đặc biệt Phật đản - PL. 2560 của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo dự kiến phát hành ngày 15-5-2016 (nhằm ngày 9-4 Bính Thân), với nội dung phong phú, trình bày trang nhã, in 4 màu toàn bộ trên giấy Couche; là món quà mang đậm nét văn hóa để tặng cho đồng đạo, bạn hữu nhân mùa Phật đản.

Trân trọng kính mời chư tôn thiên đức Tăng Ni, quý Phật tử, quý vị doanh nhân và quý khách hàng gần xa tham gia đăng báo giới thiệu về hoạt động từ thiện, quảng cáo sản phẩm của doanh nghiệp và quảng bá hoạt động nhà hàng chay và cửa hàng văn hóa phẩm, v.v...

Giá bán: 22.000đ/cuốn

Giá đăng quảng cáo:

- Bìa 2 & 4 đã có khách đăng ký.

- Bìa 3: 8.000.000đ

- Các trang ruột: 1 trang : 5.000.000đ

1/2tr : 2.500.000đ

1/4tr : 1.500.000đ

1/8 tr : 500.000đ

- Hạn chót nhận file quảng cáo hoàn chỉnh & đăng ký báo (số lượng từ 50 cuốn trở lên - có giá ưu đãi) là ngày 8-5-2016.

Vui lòng liên hệ:

- **Đăng quảng cáo:** Pháp Tuệ, ĐT: 0913 810082

Email: bongnguyen.vhpg@gmail.com

- **Đăng ký báo:** Ban Phát hành,

ĐT: (84-8) 3848 4335

BIOCHEM

CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com



Hoà Tiên

CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

Showroom: BB3, Trường Sơn, Phường 15, Q.10, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin



Điều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẠO**

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa I, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

08.37 13 13 13 - 01 666 000 666- 01 222 999 666

WWW: thiephuthao.com - dieukhacgo.vn - Email: dkhuuthao@gmail.com



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy

Khung cảnh âm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lãnh (quản lý)

Trân trọng kính mời



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhân đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



Chào mừng
ngày sách Việt Nam
21/04



THÔNG TIN CÔNG TY SÁCH THÁI HÀ:

Hà Nội: 119CS Tô Hiệu, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 04.6281.3638

Tp.HCM: 533/9 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM
ĐT: 08.6276.1719

Nhà sách Thái Hà - Đường sách Nguyễn Văn Bình, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 08.3822.3340

www.thaibooks.com/nhasachthaiha.vn

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 249

Số đặc biệt mừng Đại lễ Phật đản

Phát hành ngày 15 - 5 - 2016

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Nhà hàng cơm chay - trà đạo
Bồ Đề Tâm - Giác mơ nhỏ
9 Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
68 Phạm Huy Thông, Quận Ba Đình
Hà Nội
ĐT: 0929398189 - 0912882255

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Nhà sách Chân Tịnh
Anh Bùi Quý Dương
Đc: số 866 dịch vụ 20, khu Hàng Bè Mậu
Lương, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông - Hà Nội
ĐT: 0938071188 - 0904990666
01227328866 - 01239519999

QUẢNG BÌNH

Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
Thôn 7, Lý Trạch, Bố Trạch - QB
Cô Nguyễn Phước (Trịnh Hương)
ĐT: 0523 851 776 - 0915 272 598

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP.Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành
Q.Sơn Trà - TP.Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP.Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP.Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiến Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP.Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Ni sư Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8
Phan Rang, Ninh Thuận
ĐT: 068 3820 806

DAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huấn,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu
TP.Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP.Vũng Tàu
Bà Rịa - Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa - Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình
TP.Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG